

QUAN XUÂN THỊNH  
**SỔ TỬ VI**  
 KINH NGHIỆM  
**PHẦN GIẢNG GIẢI**  
 QUYỂN HẠ

*Mệnh thế do thiên quyền sở tác  
 Hạn hành phiêu ảnh dĩ u thiên  
 Thế lộ phù trầm nan tri liệu  
 Hoàn nhân bất khả đoạt thiên quyền*

Trần Đoàn

Người ta đã đứng trong trần tục  
 Ai chẳng mong hạnh phúc vinh quang  
 Có đâu ước vọng đoạn tràng  
 Nổi chìm lặn độn trên trường lợi danh  
 Song : Suy, Thịnh, Nhục, Vinh, Bĩ, Thái  
 Thọ, Yếu, cùng Thành, Bại do Thiên  
 Nên chi các bậc Thánh hiền  
 Đặt ra đầu số giáo truyền hậu lai  
 Cho đời rõ : Cơ, Bài, Phúc, Họa  
 Định đoạt quyền Tạo Hóa khó thay  
 Một khi đọc rõ cuốn này  
 Hãy nên làm thiện, bớt nguồn ưu tư.

### PHI LỘ

Trong quyển sách đầu chúng tôi đã trình bày sơ lược về khoa lấy và xem số Tử -Vi, có nhiều độc giả đã có ý tốt cho biết nhiều ý kiến hay và chỉ đoán những khuyết điểm chúng tôi rất cảm ơn. Trong số cũng có bạn kêu không hiểu được sách. Chúng tôi cũng đồng ý, song phạm đã là loại sách khảo cứu, tất phải mất chút công phu đọc kĩ, để có thể thuộc và hiểu những điều mình muốn biết được.

Nay ra nốt quyển hạ để đáp lại thịnh tình của tất cả các bạn , các giới yêu thích môn số Tử Vi được thêm tài liệu để cùng chiêm nghiệm. Tác giả lần này đã cố sưu tầm và giải thích rõ ràng cùng đầy đủ hơn.

Sau bao nhiêu thời gian biến hóa, từ thời phong kiến đến thời bị lệ thuộc, thiên hạ ta xem số một cách tiêu hao thời giờ, thường là chỉ dành cho những bậc quyền quý, vài nho gia nhàn rỗi để nuôi ước trong lòng cái giấc mộng bất hủ : **CÔNG HẦU KHANH TƯỚNG!**

Nay ta đang ở thời kì cấp tiến hơn, ta xem hiểu khoa số Tử- Vi một cách khoa học hơn, để tẩy trừ những định kiến sai lầm và góp thêm tài liệu một ngày một đích xác hơn, sau khi đã kinh nghiệm, để các bậc thức giả, mến thích Tử- Vi rộng đường nghiên cứu thêm.

Phần nhiều những sách tán dóc, hay người viết không kính trọng lương tâm, ra bậy bạ làm mang tiếng cả đồng loại nó. Muốn duy trì cái hay, tránh cái dở và hiểu lẽ bí hiểm của trời đất cùng số mệnh, phải đi ra ngoài mực sáo của các thầy tướng số mới được! Tất cả chúng ta ai cũng có thể

học xem số, thứ nhất là TỰ XEM CHO MÌNH TRƯỚC NHẤT ĐÃ. Những điều ta biết ở dĩ vãng của ta sẽ dạy ta ở tương lai qua những điều ta đã nghiệm ở trong sách. Tự hiểu được số mình tức là đã tạo được tương lai mình tức là số- mệnh và sự-nghiệp mình đó. Duy có một điều là sự suy xét của mỗi cá nhân chúng ta quan trọng như thế nào mà thôi. CỔ -nhân tin số theo cái triết- lý TIỀN ĐỊNH, tức là mọi sự ở thế gian đã an bài sẵn sàng cả rồi. Nhưng người đời bây giờ tin như thế là THỐI LUI, tức là CHẾT, vì cuộc đời là lẽ chiến đấu kia mà. Đã được Tạo- hóa cho sống làm người ai mà không muốn tiến hóa, từ cao đến thấp, ai là người sẽ chịu dừng bước trên đường danh lợi? Trong chúng ta có lẽ ai cũng thắc mắc về cuộc đời "KHÔNG BIẾT TRƯỚC ĐƯỢC VIỆC SẼ TỚI ". Song việc làm, cứ tùy theo ý-trí, năng- lực, cùng lẽ phải mà làm, thất bại hay thành công ta tự an ủi ta là đủ.

Thay đổi là tiến hóa, và cuộc đời đổi đổi, thay thay là thế. Con người từ lúc ra chào đời cho đến lúc chết, phải ghi vào cuộc đời bao nhiêu trận tiến lui. Thực tế là thế, nhưng suy lẽ suy, thịnh, bĩ thái của giới- đất, con người vẫn phải chịu luật thiên- địa tuần hoàn chi phối, có cái này thiếu cái kia, khi thăng khi trầm hình như con người KHÔNG THỂ THẬP PHẦN HOÀN HẢO ĐƯỢC.

Ai tài hoa như cô Kiều chúng ta, mà lận đận ba chìm bảy nổi, hết lần này hồng lại trở lại lần xanh thì chẳng là " trời xanh quen thói má hồng đánh ghen" hay sao! Âu là tại số mệnh cô Kiều phải như thế. Trong giới đất có các vị tinh tú, có Âm có Dương, có sinh, có khắc, biến hóa vô cùng, loài người cũng như tất cả động vật, thực vật, cùng cây cỏ trên thế gian đều sống ảnh hưởng. Từ xưa thuật Lý-số của cổ -nhân truyền lại, ngày nay chúng ta sưu tầm và chép lại và rút thêm ở công nghiên-cứu và kinh-nghiệm để bà con cùng thưởng thức một khoa học cũng hay và ví như một bài số- học khó khăn, cố sao cứ phải cố nhắm mắt bài bác cho là mê-hoặc ?" phải chăng tâm-lý phần đông người đời bây giờ là tâm-lý của kẻ đạo-đức giả, trông việc đời chỉ thấy toàn danh với lợi thôi ư? Đạo nho dạy người quân tử cứ theo chính nghĩa mà làm, lấy Tài, Đức của mình mà thắng thiên hạ dục dề không làm ấy là ta sở-đắc.

### "HỮU XA TỰ NHIÊN HƯƠNG"

Tiếng thơm muôn đời con người tới được đích đó là bất hủ. Kia danh vang lừng tiếng nhất thời mà cuộc đời xú uế gian hùng, hương kia cũng biến tàn theo thời mà thôi!

Thời này là thời cải- cách, phục-hưng, thời nguyên- tử, thời cạnh tranh của sức mạnh. Loài người duy vật chưa biết đi tới đâu, sau cơn ác mộng vừa qua, người ta đã bước sang một kỷ nguyên mới mẻ hơn mà chúng ta đang sống. Luật đào thải đã loại những cái gì lạc hậu, lỗi thời, và biết đâu còn thay đổi nữa. Ai bảo giới đất không công ? Không có gì là trường cửu. Thuyết số-mệnh dạy ta tin ở một lẽ huyền bí chí công của Tạo- hóa là mọi việc ở trên đời đều có một hạn định cả. Còn đời thực tế vẫn là MẠNH ĐƯỢC YẾU THUA. Phải tranh đấu mới có thể sống được, và ai cũng phải tranh đấu hết, không nhiều thì ít. Vả đời lại còn có yếu tố : TÌNH CỜ may RỦI không sao giải nghĩa được.

Đã nhận là có số mệnh tức là có sinh, có tử, có suy, có thịnh, có thưởng có phạt, tất cả nó duy trì và làm thăng bằng cuộc sống của con người ta. Biết số- mệnh tức là không oán thán gì cả, nhận lấy cuộc đời với nụ cười tin cậy.

Quyển sách này ra với một đích đúng đắn, cố gắng hiến các bạn đọc một khoa-học huyền- bí có tên tuổi trong lịch sử Cận-Á. Tác giả ý không hẹp hòi, tuy sống trong một cảnh đời thanh bạch, không hề dấu diếm một sự bí-mật nhà nghề gì, chỉ với công phu sưu tầm, trí ham thích và sau khi đã kinh nghiệm nhiều, viết ra cho bà con thưởng- lãm, không chút vụ lợi. Ước cho khoa Tử-Vi sẽ trở

lên một ngày tinh -vi hơn để một ngày kia trở thành một môn học hữu- ích cho tinh thần và văn-hóa xã-hội cũng chẳng phải ngoa.

VĨNH HƯNG GIA .

### MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Đời người ba vạn sáu nghìn ngày, chẳng ngày nào giống ngày nào, từ miếng ăn, đến hớp uống, cũng là Tiên- định.

Vậy tiên- định là gì ?

Truy tâm đâu ra?

Thưa chỉ có khoa Tử-Vi là rõ nghĩa tiên- định hơn cả.

Nhưng đáng tiếc, trải bao thế kỉ, cuộc đời đổi thay, sách vở thiếu sót, thất bản tam sao, thiếu đủ khôn lường.

Xin lấy vài tí dụ dẫn chứng:

1. Người Tàu lấy Thiên bào, tính tháng Giêng là cung Tí vin câu : Tí hội Khai- thiên.
2. Người mình lấy Địa-bàn, tính tháng Giêng là cung Dần, lấy nghĩa: Nhân sinh ư Dần.
3. Họ an Thái- tuế theo tháng sinh.
4. Minh an Thái-tuế theo năm đẻ.
5. Họ tính đại- hạn sau, trước cung Mệnh, theo âm dương lưu.
6. Minh ghi đại-hạn khởi ngay ở Mệnh, cũng theo âm dương lưu.

Mờ mờ, mịt mịt, chẳng hiểu cội rễ căn- nguyên, vậy kẻ hậu-sinh chúng ta chỉ còn biết đi "NHẶT".

"NHẶT" từng đoạn văn, chép từng câu sách, đem về khảo sát; cái gì "đúng" nhiều : ta dùng ; cái gì "sai" nhiều : ta bỏ.

Với một khoa-số huyền-bí này, phải có tài, như : Bình Khiêm, Gia-Cát, mới thấu triệt hết lẽ.

Còn tôi, tự xét : tài sơ trí thiếu, chỉ là một gã ham mê khảo-cứu Số-học : cố đánh bạo viết quyển "Tử-Vi kinh-nghiệm" này, để cống hiến cùng các bạn đọc thân mến.

Tôi mong rằng, sau này chúng ta sẽ thấy nhiều cuốn Tử- Vi giá trị ra đời, do các bậc cao-minh uyên-bác viết ; để bảo tồn lấy môn Số-học quý giá này.

*Trúc bạch, ngày 28 tháng 11 năm Kỷ Sửu*

**CẢ THỊNH**

*Cẩn đề*

### CHƯƠNG THỨ NHẤT TÍNH CHẤT CÁC VỊ TINH TỬ

**TỬ-VI:** (Đế - tinh) thuộc Thổ. Trung thiên tinh, Nam Bắc Đẩu: Tị, Ngọ và Thân: vượng địa ; Tí, Hợi: hãm. Trung-hậu: Mệnh có Tử-Vi chung thân vô tai. Đàn bà Tử- Vi thủ Mệnh đông anh em, vượng phu, ích tử. Tử -Vi phùng Tả, Hữu, Long, Phượng là quân thần khánh hội, ngộ Kinh, Đà, Không, Kiếp xấu ." Quan- Lộc,Dzi, Tài, Phúc -Đức rất tốt".

**THIÊN- CỐ:** (Thiện tinh) thuộc Mộc, Nam Bắc đẩu tinh: Tí, Ngọ, Mão Dậu đắc địa: Sửu, Tị, Mùi hãm: Dần, Thân bình thường. Đàn bà gặp cơ phùng Linh, Hỏa rất xấu. Cơ ngộ Quyền là người có quyền biến: Tối kị gặp Hình, Sát, Linh, Hỏa "chủ Huynh - đệ" nhiều anh, chị em.

**THÁI-DƯƠNG:** (Quý tinh) thuộc Hỏa, Nam Bắc đẩu, thông minh; từ Dần đến Thân tốt, gặp

Đào, Hồng, Hỷ là "Tam minh" rất sáng ; gặp Riêu, Đà, Kỵ là " Tam ám" rất tối. Ở Quan- Lộc rất tốt. Thái-Dương đóng ở Tuất, Tý tuy gọi là hãm nhưng gặp nhiều quý tính vẫn hiển-đạt như thường, vì Thái-Dương ở Dương cung "Thái-Dương ở Hợi gọi là : Nhật trâm thủy để ", Mệnh đóng ở đấy hay vất vả về phu thê, con cái".

**THÁI-ÂM:** (phúc tinh) thuộc Thủy, Nam Bắc đầu tinh, đóng ở Điền, Tài rất tốt : thông- minh, hòa- nhã. Từ Dậu đến Sửu tốt : gặp Đào, Hồng, Hỷ là " Tam minh", gặp Riêu, Đà, Kỵ là "Tam ám". Đàn bà Thái-Âm thủ Mệnh tối quý. Thái-Âm đóng ở Mão, Tý tuy gọi là hãm nhưng gặp nhiều quý tính vẫn hiển-đạt như thường; vì Thái-Âm đóng ở Âm-cung. Hai sao Âm, Dương là mặt trời, mặt trăng dầu hãm địa, gặp Tam-không lại sáng ra, nếu đắc-địa ngộ Tam-không lại mờ đi." Tuần-Không, Địa-Không, Thiên -Không" gọi là Tam- không.

**THIÊN- PHÚ:** (Linh tinh) thuộc Thổ, Nam Bắc đầu tinh đóng ở Điền, Tài rất tốt, Hợi, Tí, Ty, Ngọ đắc địa. Trung-hậu hiền lành gặp Hóa-khoa rất tốt. Đóng Mệnh chung thân vô tai. Sao Thiên-Phủ tựa như tờ giấy thấm ; gặp sao tốt rất tốt, gặp sao xấu rất xấu, gặp Tam-không lại càng xấu.

**THIÊN- ĐÔNG :** ( Phúc tinh) thuộc Thủy và Kim, Nam đầu tinh, hãm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi; nhưng tuổi Đinh, Tân càng tốt. Hợp Mệnh đàn bà và đóng ở Phúc-Đức rất tốt.

**THIÊN-LƯƠNG :** ( Âm tinh) thuộc Thổ và Mộc, Nam, Bắc đầu tinh "chủ thọ". Ở Tí, Ngọ, Dần, Thân, Thìn, Tuất rất tốt. Trung- hậu, từ- tâm, đàn bà thiên-Lương thủ mệnh tối quý. Thiên-Lương gặp Song-Hao Thiên-Hình và Kiếp, Sát tối kỵ.

**CỰ-MÔN :** ( Âm tinh) thuộc Thủy, Bắc đầu tinh "chủ thị- phi", gặp cát tinh tài hoa, lý sự ; gặp hung tinh gian trá, lăm điều. Tí, Ngọ, Mão, Dậu đắc địa gặp Song-Hao rất tốt; gặp Hóa-Lộc thì giàu, gặp Lộc-Tồn bình thường.

**THIÊN-TUỐNG :** ( Ấn tinh) thuộc Thủy, Nam đầu tinh, chủ Quan-Lộc, tối kỵ gặp Tuần, Triệt.

**VŨ-KHÚC :** ( Tài tinh) thuộc Kim, Bắc đầu tinh, chủ Tài- Lộc ; ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thêm Khoa, Quyền tối quý.

**THẮT-SÁT :** ( Tướng tinh) thuộc Hỏa, Kim, Nam đầu tinh, "ngộ Đế vi Quyền" tối tăm hãm Sửu, Mùi, gặp quý tinh vô cách hiển danh, gặp Kinh, Đà, Linh, Hỏa hãm : phi yếu tắc bản.

**PHÁ-QUÂN :** ( Hao tinh) thuộc Thủy, Bắc đầu tinh, võ nghệ tài năng ăn to nói lớn, ở Tử-tức, Phu-thê, Điền-Trạch ngộ Tuần, Triệt rất xấu.

**LIÊM-TRINH :** (Sát Tù-tinh) thuộc Hỏa, Bắc đầu tinh. Liêm khiết không thay đổi chí hướng, ở Sửu, Mùi hãm: Tị, Hợi gặp quý tinh rất tốt : nếu gặp đa Hung tinh và Sát tinh hãm bôn-ba lận-đận. Liêm- Trinh đóng ở Tị Hợi gọi là Tù tinh, ở Quan-Lộc rất tốt, ở Mệnh gọi là " Đào hoa thứ hai".

**THAM-LANG :** (Đào Hoa-tinh) thuộc Thủy và Mộc, Bắc đầu tinh " ở Phúc-đức gặp Tràng-Sinh, Đế-Vượng và sao Dương tối quý". Nếu Tham gặp quý tinh là Phúc- tinh, nếu gặp ác tinh là Họa-tinh.

Tóm lại : Bộ Sát, Phá, Tham, Liêm tối cần Hóa- Khoa.

Bộ : Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương tối cần Hóa- Lộc.

Bộ : Tử - Phủ, Vũ-Tướng tối Kỵ Kinh, Đà, Không, Kiếp và Song Hao.

Bộ : Cơ, Cự, Mão, Dậu, Tí, Ngọ tối cần song Hao hoặc Hóa-Lộc.

Bộ Âm, Dương tối cần Tả Hữu, Đào, Hồng, Quyền, Lộc ; tối kỵ Đà, Riêu, Hình, Kiếp và Hóa kỵ hãm.

### BÀNG -TINH

**TRÀNG- SINH :** Mệnh, Thân và Phúc- Đức tốt : ở Hợi tối hãm, nhưng gặp quý tinh đắc cách

gọi là "Tuyệt Sử phùng Sinh". Nếu ngộ Thiên Mã thời thặng trâm.

MỘC-DỤC : chỉ sự tắm gội, hám cải, u mê, dâm dục; ở Giải-Ách hay bị bệnh tê thấp.

QUAN-ĐỐI : chỉ sự mũ áo : ở Quan-Lộc gặp quý tinh công danh tiến đạt, nếu ngộ Ác Sát tinh ; hạn gặp : trắng trối, có khi phải tự vẫn.

LÂM-QUAN : Khoe khoang, giáng điệu: gặp sao xấu hay phải rắc rối về đường làm ăn.

ĐẾ-VƯỢNG : Mệnh, Thân, Phúc- Đức tốt. Gặp Tử-Vi có tài thủ lĩnh.

SUY, TUYỆT, TỬ: chỉ sự đồi bại, ở Phúc-Đức tối kỵ. Sao Tử ở Điền, Tài là : có của chôn hoặc là người tần- tiện ; ở Phúc-Đức gặp thêm Sát-tinh, trong họ có người chết trận, chết đường. Sao Tuyệt gặp Hỏa ở Hợi ; mà Mệnh ở đó; là người chí khí hiên ngang.

BỆNH : ở Ách tối kỵ, gặp thêm Bệnh Phù, hay ốm đau.

MỘ : ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi gặp Quyền mà Phúc- Đức ở đấy là nhà đại đức, bốn đời vinh hiển.

THAI : chỉ sự sinh đẻ ; ở Tử-tức gặp quý tinh nhiều con, gặp Sát tinh đẻ nhiều nuôi ít, hoặc đẻ non, đẻ khó. Thai và Mộc Dục chiếu Mệnh : có học mà không thành tài.

DƯỠNG : sự nuôi nấng, phù trì. Ở Tử- đức có con nuôi. Ở Mệnh gặp Cát tinh, nhiều người yêu mến, nuôi súc vật chóng lớn, làm nghề chăn nuôi phát đạt.

THÁI-TUẾ: (hỏa) gặp Xương, Khúc, Khoa, Quyền, văn-chương danh thếp, nếu gặp Kỵ lắm điều, chủ quan tụng miệng tiếng, đa đoan.

THIẾU-DƯƠNG, THIẾU-ÂM : thông minh gặp Khoa rất tốt, biểu hiện mặt trời, mặt trăng thứ hai.

TANG-MÔN ( Mộc) BẠCH-HỔ ( Kim) chủ tang thương gặp Khốc, Hư, Song Hao lại càng xấu, Bạch- Hổ ngộ Tấu-Thư : văn học hiển đạt ( hổ đội hòm sặc).

QUAN-PHÙ: ( hỏa) gặp sao xấu, miệng tiếng; sao tốt: được người phù giúp.

TỬ -PHÙ, TRỰC- THU : biểu hiện sự chết chóc chìm nổi long đong.

TUẾ-PHÁ: biểu hiện sự phá phách, làm ngang.

LONG ĐỨC, PHÚC ĐỨC: sao lành, vui vẻ, phù giúp.

ĐIẾU-KHÁCH: (Hỏa) tính chất như sao Tang Môn : gặp Mã, Khốc : rất hay, khác nào ngựa hay gặp chủ tốt.

LỘC-TÔN ( Thổ) BÁC SĨ ( Thủy) : vui vẻ thanh nhàn, ở Mệnh: ung dung no ấm, giữ bên cửa: ở Phúc Đức ngộ Cô, Quả, Kiếp, Không, thì thân mình cô đơn, trong họ ít đình.

LỰC-SĨ : ( Hỏa) : chủ binh quyền gặp Kình, Dương rất đẹp: là người dũng mạnh.

THANH-LONG: ( Thủy) Chủ Hỷ khí, vui vẻ, gặp Hóa Kỵ tức là rông mây gặp hội (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi : đắc địa).

ĐẠI, TIỂU HAO: ( Hỏa) Mão, Dậu, Dần, Thân và Tí, Ngọ, Tị, Hợi: hãm địa. Ở Mệnh ly hương, tán tài, nếu đắc-địa không gặp chính tinh, hạn gặp hoạch phát.

TƯỚNG QUÂN : (Mộc) : chủ sự binh quyền, gặp Hình, Ấn, Khốc, Mã rất hay, tối kỵ gặp Tuân, Triệt.

TẤU-THƯ ( Kim) : nói ngọt, nịnh hót, văn từ, gặp Hổ rất đẹp nếu là đàn ông, gặp Hồng rất đẹp nếu là đàn bà.

PHI-LIÊM ( Hỏa) HỖ-THẦN ( Hỏa) vui vẻ, thịnh phát : Phi gặp Hổ : Hổ bay, Hỷ gặp Phượng, Phượng múa.

BỆNH-PHÙ : bệnh tật; gặp Hình, Kỵ cùng ở Ách, hay có bệnh phong sang.

PHỤC BINH ( Hỏa ) : gặp sao tốt, có tài phò tá ; gặp sao xấu, có tính gian tà.

QUAN PHỦ : gặp sao xấu, xấu ; gặp sao tốt, tốt thêm.

### **KÌNH- DƯƠNG, ĐÀ-LA**

KÌNH DƯƠNG thuộc Kim ( Phù trâm Tinh) Thiên hình thứ hai, ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi đắc địa.

ĐÀ LA thuộc Kim ( Trọ lực tinh) Hóa-Kỵ thứ hai Dần, Thân, Tị, Hợi, miếu vượng.

SAO KÌNH, ĐÀ ( Vũ tinh ) : đắc địa hoạch phát, hãm chủ hình thương khốn khổ.

Mã ngộ Đà La khôn ngoan sảo trá

Hổ ngộ Kinh-Dương mưu trí anh hùng.

### **THIÊN- KHÔNG (Hỏa)**

Tí, Ngọ, Mão, Dậu, đắc địa, chủ uy dũng, cứng cổ, gian hùng. Lộc Tồn, Hóa- Lộc ngộ Thiên-Không, đồng tiền tán tụ bất thường. Về tuổi già gặp sao Thiên-Không bất lợi.

TẢ, HỮU (Thổ) Thìn, Tuất, Sửu, Mùi : đắc địa; với sao tốt, tốt thêm, đi với sao xấu, giúp cho xấu thêm.

XƯƠNG (Kim), KHÚC (Thủy) : văn chương thông minh, nếu gặp sao tốt; dâm tình (khoa giáp tinh) nếu gặp sao xấu (đồn bà).

Ở Thìn, Tuất tối hãm (tuổi Tân, Đinh không can gì) gặp Thái, Tuế, Khoa, Quyền, văn chương, biện thuyết đi với Thương- sứ tối kỵ có tài mà không đạt. Thân cư Thiên – dzi, giáp Thương- sứ, Khúc xương, hạn tối Thiên dzi tối độc.

KHÔNG KIẾP : (Hỏa) hung bạo; gan góc ở Tỵ, Hợi, gặp Khoa, Quyền hoạch đạt tung hoành.

THIÊN THƯƠNG : (Thủy) gặp Tang môn xấu, (hạn Tang Thương).

THIÊN SỨ : (Thủy) gặp Tang, Cơ, hay bị ngã, hoặc đòn đánh.

LONG, PHƯỢNG : ở Sửu, Mùi đắc địa, chủ hỷ sự ; gặp Riêu, Hỷ khác nào cá gặp nước, rồng gặp mây.

THAI TỌA : đài các, bề vệ, gặp Tả, Hữu rất đẹp; tượng trưng đồ đạc, quần áo.

QUANG, QUÍ : (Quý tinh) ở Sửu, Mùi : gặp Tả, Hữu, Thanh- Long, Khôi, Việt, Hoa Cái, Hồng – Loan: thượng cách .

Phú đoán : Quý, An, Thanh, Việt, Cái, Hồng.

Trai cận cừ trùng, gái tắc cung phi, nếu gặp Khôi có tài phụ chính.

KHỐC HƯ : chủ sâu bi, Tí, Ngọ đắc địa (tiền chở hậu thành) gặp Hình, Mã võ cách thành danh.

THIÊN TÀI : sao phù suy không phù thịnh, tựa như núi Thái Sơn gặp sao xấu cản xấu; gặp sao tốt cản tốt. Thí dụ : gặp Âm dương đắc địa làm mờ vẻ sáng; Âm dương hãm; trái lại : tăng vẻ sáng.

THIÊN THỌ : (Thọ tinh) ở Mệnh, Giải ách, Phúc đức : tốt.

Thai phụ phong cáo : (Văn tinh) bằng sắc; ở giải ách vô vị.

THIÊN ĐỊA, GIẢI THÂN : 3 sao chủ sự giải hung; ở Điền tài xấu.

THIÊN ĐỨC, NGUYỆT ĐỨC, PHÚC ĐỨC : đóng đầu tốt đấy (Phúc tinh).

THIÊN MÃ : (Hỏa) tài năng hoạt động, bốn ba; ở Tị đắc địa, tối kỵ Tuần, Triệt (hạn gặp Thiên mã hay đi xa, hoán cải).

HỒNG LOAN, THIÊN HỖ (Thủy) vui vẻ, tuổi trẻ gặp thời hay, về già gặp thời : hữu hỷ, hữu thương (vừa vui vừa buồn).

ĐÀO HOA (Thủy) Tý, Mão đắc địa, Thủ Mệnh không đẹp, chóng gặp, chóng phai, chiếu

Thân Mệnh rất đẹp, vui vẻ, tươi sáng. Về già gặp Đào hoa, Thiên không, thời xấu.

HÓA LỘC (Mộc) Tý, Ngọ, Mão, Dậu đắc địa : gặp Lộc Tôn gọi là Song Lộc cách. Nhưng cùng ở một cung không đẹp, vì Lộc tôn là Thổ, vậy Mộc khắc Thổ.

Thí dụ : Mệnh ở Ngọ, Lộc Tôn ở Dần, Hóa Lộc ở Tuất rất hay; nếu Lộc Tôn ở Dần, Hóa Lộc ở Tý không đẹp bằng cách trên; là vì hai Lộc không Giao Nhau; phải Nhìn Nhau rồi mới chiếu lên Mệnh mới tuyệt quý (Hình Tam giác).

HÓA QUYỀN (Thổ) Thìn, Tuất, Sửu, Mùi : đắc địa; gặp Tả, Hữu, Hoa Cái tối quý. Tuổi Kỷ cần có Hóa- Quyền.

HÓA KHOA (Kim) Dần, Thân, Tị, Hợi : đắc địa; gặp Sát, Phá, Tham, Liêm tối ái (Sao này là dấu vị giải sự hung)

HÓA KỶ (Kế đô tinh) (Thủy) chủ suy nghĩ, thâm trầm, tranh cạnh, mưu trí. Hợi, Tý, Dần, Mão : miếu địa (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi vượng địa).

Người tuổi Dương sao Hóa Kỵ phải ở cung Dương.

Người tuổi Âm sao Hóa Kỵ phải ở cung Âm.

Thí dụ : tuổi Hợi (Âm tuế) Hóa Kỵ ở Sửu (âm cung) thế là tuyệt cách, nhất là Mệnh ở đấy, mà gặp nhiều quý tinh. (Tóm lại : sao Hóa Kỵ là sao nịnh hót, đi với tốt làm tốt, gặp sao xấu làm xấu). (Đóng ở Điền Tài giữ bền của).

Bốn sao Hóa kể trên, không nên câu nệ, hơn kém về chỗ đắc địa, hãm địa, miễn hồ << Được việc >> hay << Không được việc >>.

Thí dụ : Quyền ở Tuất, (đắc địa) mà Giải ách đóng đấy, là << Không được việc >>.

Quyền ở Tý (hãm) nhưng Quan, Lộc đóng đấy là << Được việc >>.

THIÊN HÌNH (Hỏa) Vũ tinh, Tài tinh, Kiêm sát tinh ; Dần, Tuất, Mão, Dậu : đắc địa; gặp Binh, Hình, Tướng, Ấn tối quý (võ công) (đóng ở Điền, Tài rất tốt).

THIÊN RIÊU (Thủy) Quái ác tinh, khi mờ khi tỏ, huyền ảo; gặp Long, Phượng tối quý.

THIÊN Y : sao bệnh tật gặp Tả, Hữu, Quan, Phúc quý nhân và Thiên Hình; làm thầy thuốc có danh.

KHÔI, VIỆT : (Hỏa) quý tinh; gặp Đồng, Lương, Hồng, Tấn : tối ái.

QUỐC ẤN : đi với Tướng, Hình rất đẹp, nếu ngộ Tuần, Triệt là ấn mẽ, dấu có gặp công danh nhưng không bền.

ĐƯỜNG PHÙ : Quốc Ấn thứ 2; gặp Tướng, Tấu, Long, Phượng và Quan Phù : đi tu hoặc làm thầy cúng có danh tiếng; ở Điền Trạch gặp quý tinh có nhà to, đẹp và giữ bền cơ nghiệp.

HỎA TINH: (Hỏa) (lửa nhân tạo) chủ thiêu đốt, hung bạo, uy cương Dần, Mão, Tị, Ngọ : vượng : Hợi, Tý : hãm. (Đờn bà gặp Linh tinh và Hỏa tinh không tốt) ở Điền Trạch, Tài Bạch rất xấu; tán tài, cháy nhà, nếu gặp nhiều sao Thủy không đáng ngại.

LINH TINH: (Hỏa) (lửa sấm sét, điện lực) Tý, Ngọ : đắc địa, Thân, Dậu : hãm; đi chung với sao Thiên, Việt: tối kỵ nghĩa là: Búa Sấm sét có điện, lửa.

Hai sao Linh, Hỏa cũng như Hóa Kỵ nghĩa là : Dương Tuế phải ở Dương cung, Âm Tuế : Âm cung.

CÔ THẦN, QUẢ TỬ : (Mộc) chủ cô đơn, lạnh lẽo, âm thầm, hiểm hoi.

Ở MỆNH : Cô Thần, Quả Tử hai sao

Thiết thân chẳng dám, bạn nào mấy ai!

Ở TỬ TỨC : hiểm hoi (Cô, Quả) mà ngộ Thiên Hình

Quý tinh trước cửa đây sàן quế hờe.

Nhưng gặp Kim tinh, thời chế bớt tính hung hãn của sao Cô, Quả : cũng có con, thường không được nhiều con.

LA, VÔNG : chủ kim hãm, gặp Hung tinh lại càng hay, hạn đi tới La, Vông (cung Thìn, Tuất) hay rắc rối, cản trở.

THIÊN QUAN, THIÊN PHÚC : chủ sự cứu giúp từ tâm.

HOA CÁI : tượng trưng cái lọng, gặp Hóa Quyền, Tả, Hữu tối quý.

PHÁ TOÁI : chủ phá ngang, gặp Vũ, Riêu : ngộng. Thêm Việt, ky thời cam.

Vũ, Riêu, Phá Toái ở gần

Lại có Việt, Ky mười phần miệng cam.

(Hỏa) HỢI, tối hãm, gặp Thiên Lương, Thiên Cơ, và Song Hao, Hình, tối ky; có khi phải bị đâm, giết. (Sao Địa Kiếp thứ hai).

ĐÁU QUÂN : (Kim) sao bảo thủ, ở Điền, Tài rất tốt. Ở Tử Tức hiếm con. Ở Quan Lộc gặp Quý tinh rất tốt. (gặp Tử Vi là Đế có quân thân; bề tôi châu vua).

LƯU HÀ : (Thủy) gặp Thanh Long (rồng gặp nước mà vẫy vùng) gặp Hao, Kiếp, Sát, Hình hãm địa : tối độc; có khi bị hung sát. Gặp Cự, Ky : đi sông nước đề phòng.

THIÊN TRỪ : tượng trưng sự được ăn uống (gặp Lộc : tốt).

LƯU NIÊN VĂN TINH : tượng trưng cho văn học (gặp Khoa, tốt).

### Để bổ khuyết cuốn Tử Vi kinh nghiệm

#### QUYỂN THƯỢNG

THIÊN TRỪ (ăn uống) LƯU NIÊN VĂN TINH (văn học đỗ đạt)

Giáp, Đinh ở	Tị	Giáp	ở	Tị
Ất, Tân, Mậu	___Ngọ	Bính, Mậu	___	Thân
Bính	___ Tý	Canh	___	Hợi
Canh	___ Dần	Nhâm	___	Dần
Kỷ	___ Thân	Ất	___	Ngọ
Nhâm	___ Dậu	Đinh, Kỷ	___	Dậu
Quý	___ Hợi	Tân	___	Tý
		Quý	___	Mão

### BẢN ĐỒ HOA GIÁP (60 năm) xem :

#### Tuổi nào, thuộc Mệnh gì ?

Và so đôi tuổi : vợ chồng, cha con, anh em, bạn bè : có hợp nhau không ?

Giáp Tí	kim	chất vàng
Ất Sửu	hải trung kim	vàng dưới bể
Bính Dần	hỏa	lửa
Đinh Mão	lô trung hỏa	lửa trong lò
Mậu Thìn	mộc	chất gỗ
Kỷ Ty	đại làm mộc	cây trong rừng lớn
Canh Ngọ	thổ	đất
Tân Mùi	lộ bàng thổ	đất ngã ba đường
Nhâm Thân		kim chất vàng
Quý Dậu	kiếm phong kim	thanh kiếm vàng

Giáp Ngọ kim	chất vàng
Ất Mùi sa trung kim	vàng trong cát
Bính Thân hỏa	lửa
Đinh Dậu sơn hạ hỏa	lửa dưới chân núi
Mậu Tuất mộc	chất gỗ
Kỷ Hợi bình địa mộc	cây mộc đồng bằng
Canh Tý thổ	đất
Tân Sửu bích thượng thổ	đất trên vách
Nhâm Dần kim	chất vàng
Quý Mão kim bạch kim	vàng pha vàng trắng
Giáp Tuất hỏa	lửa
Ất Hợi sơn đầu hỏa	lửa đầu núi
Bính Tý thủy	nước
Đinh Sửu giá hạ thủy	nước cuối giòng
Mậu Dần thổ	đất
Kỷ Mão thành đầu thổ	đất trên thành
Canh Thìn kim	chất vàng
Tân Ty bạch lạp kim	cây đèn nến bằng vàng
Nhâm Ngọ mộc	chất gỗ
Quý Mùi dương liễu mộc	gỗ cây liễu
Giáp Thìn hỏa	lửa
Ất Tị phú đáng Hỏa	lửa ngọn đèn to
Bính Ngọ thủy	nước
Đinh Mùi thiên hà thủy	nước sông trên trời
Mậu Thân thổ	đất
Kỷ Dậu đại dịch thổ	khu đất lớn
Canh Tuất kim	chất vàng
Tân Hợi thoa xuyên kim	vàng thoa xuyên
Nhâm Tý mộc	chất gỗ
Quý Sửu tang đố mộc	gỗ cây dâu
Giáp Thân thủy	nước
Ất Dậu toàn trung thủy	nước giữa suối
Bính Tuất thổ	đất
Đinh Hợi ốc thượng thổ	đất nền nhà
Mậu Tý hỏa	lửa
Kỷ Sửu tích lịch hỏa	lửa sấm sét
Canh Dần mộc	chất gỗ
Tân Mão tùng bách mộc	gỗ cây thông
Nhâm Thìn	thủy nước
Quý Tị trường lưu thủy	nước chảy mạnh
Giáp Dần thủy	nước
Ất Mão đại Khê thủy	nước suối lớn

Bính Thìn	thổ	đất
Đinh Tị	sa trung thổ	đất cát
Mậu Ngọ	hỏa	lửa
Kỷ Mùi	thiên thượng hỏa	lửa trên trời
Canh Thân	mộc	gỗ
Tân Dậu	thạch lựu mộc	gỗ cây thạch lựu
Nhâm Tuất		thủy nước
Quý Hợi	đại hải thủy	nước trong biển lớn

Chú giải : Bản đồ Hoa giáp có 60 năm, trong đó chia làm lục giáp :

1. Giáp tí
2. Giáp ngọ
3. Giáp tuất
4. Giáp thìn
5. Giáp thân
6. Giáp dần

Thí dụ : Tuổi Tân Hợi, ở trong khu vực giáp thìn; hoặc gọi là << con nhà Giáp thìn >>.

Ta thường nói : lưỡng kim, kim khuyết; lưỡng hỏa, hỏa tuyệt >> là làm sao?

Như trên đã biết có nhiều thứ Kim, nhiều thứ Hỏa; vậy phải phân biệt trong những trường hợp nào mới có thể xung khắc nhau được.

Chồng << thoa xuyên kim >> vợ cũng << thoa xuyên kim >> không can gì! Là vì : vàng đeo với vàng đeo. Trừ khi : gặp Kiếm phong kim thì không tốt; hoặc 2 người cùng Kiếm phong kim, tất phải có chuyện chẳng lành; vì sao ? Vì, Kiếm phong kim đụng vào nhau, tất có một thanh Kiếm phải : gãy, mẻ.

Lại như << lưỡng hỏa, hỏa tuyệt >> có nghĩa là, so sánh lửa trên trời với lửa ngọn đèn; thì lửa ngọn đèn tất phải lu mờ; nhưng trái lại lửa của hai ngọn phú đáng thì lại thêm sáng.

Lại như câu << Kim khắc Mộc >>, chỉ có ảnh hưởng không hay : khi nào thanh Kiếm vàng gặp Mộc; còn như vàng thoa xuyên gặp Mộc, quyết chẳng hề! Một lẽ rất giản dị : là vàng đeo, đeo chặt sao được gỗ cây liễu, cây thông. Cứ như thế mà suy, chớ nên cố chấp.

#### NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH

Kim	sinh
Thủy	—
Mộc	—
Hỏa	—
Thổ	—

#### NGŨ HÀNH TƯƠNG KHẮC

Thủy	Kim	khắc	Mộc
Mộc	Mộc	—	Thổ
Hỏa	Thổ	—	Thủy
Thổ	Thủy	—	Hỏa
Kim	Hỏa	—	Kim

Chú giải : Nhiều người yên trí là hợp ngũ hành tương sinh là tốt. Nhưng có nhiều trường hợp vô vị.

Chồng Mệnh << Bích thượng thổ >> gặp vợ Mệnh Kim thì chẳng ích gì; vì rằng : << đất bức vách >> sinh sao được ra vàng; hoặc << phú đăng hỏa >> (lửa ngọn đèn) giúp ích sao được << khu đất lớn >>

## CHƯƠNG THỨ HAI CÁCH ĐOÁN SỐ

Đặt một lá số rất dễ, nhưng đoán số rất khó ; không một ai dám tự phụ, đoán 10 câu trúng cả

10. Trừ người đó là Khổng Minh và Bỉnh Khiêm tái sinh.

Tóm lại, không gì bằng, mình đoán số cho mình, cũng như mình hiểu bệnh của mình, hơn ông thầy thuốc hiểu.

#### TRƯỚC HẾT

1. Xem Mệnh, Cục có tương sinh không ?
2. Mệnh Dương có ngôi cung Dương không ?
3. Sao Chính tinh ở Mệnh có hợp mình không ?
4. Nếu không có Chính tinh; thời lấy Bằng tinh làm chủ.
5. Sao Chính tinh thủ Mệnh có đắc địa không ?
6. Hung tinh dẫu chẳng ở Mệnh hay chiếu; đóng chỗ khác có đắc địa không ?
7. Phúc đức có nhiều sao sát hay không ?
8. Thân, Mệnh được những cách gì ?
9. Năm, tháng, ngày, giờ ấy có tương sinh không ? Thí dụ : năm, tháng Hỏa, ngày giờ Thổ : tốt.
10. Cung Giải – Ách có tốt không ? nếu xấu, mà Mệnh quý cách, cũng kém, là vì : bệnh tật luôn luôn, còn thời giờ đâu mà nghĩ đến công việc.

Phải cần tam phương, tứ hướng mà hợp lại, rồi đoán :

Thí dụ : Mệnh ở Ngọ, xem cung Ngọ, Dần, Tuất, Tí và lục hợp là cung Mùi.

Còn cung Giáp, là cung : Tị, Mùi cũng cần.

#### CUNG ẢNH HƯỞNG QUAN HỆ.

Mệnh Tí, Ngọ, ảnh hưởng nhiều về Phụ mẫu

—	Sửu, Mùi	—	—	—	Huỳnh đệ
—	Tị, Hợi	—	—	—	Điền trạch
—	Dần, Thân	—	—	—	Tử tức
—	Mão, Dậu	—	—	—	Tật bệnh
—	Thìn, Tuất	—	—	—	Nô bộc.

Sự ảnh hưởng như trên tùy theo xấu, tốt : gặp nhiều sao tốt được hưởng nhiều cái hay; nhiều sao xấu thì lao đao, khổ sở về cung đó.

Thí dụ : cung Phụ mẫu lục hợp nhiều sao tốt; cha mẹ thọ, giàu, được nhờ. Nếu xấu cha mẹ nghèo, hoặc chia ly, mà thân mình phải chịu đau đớn về gia cảnh.

Mệnh tuy được bộ quý, chẳng may ngộ Tuần, Triệt, thì giảm quá nửa.

Mệnh vô chính diệu, gặp Tam không tối quý; nhưng tam phương cần nhiều quý tinh chiếu mới hay.

Khi mình ra đời, có được ở nơi tú khí, phong cảnh đẹp không ? Thí dụ : Hai người đồn ông, cùng đẻ một năm, một tháng, một ngày, một giờ.

1 người đẻ ở nơi văn vật khác với người kia đẻ ở trên rừng (khác phong thổ) .

Hai người cùng ở chung một nhà, cùng đẻ con trai, hoặc cùng con gái. Vậy phải xem, bố của hai đứa trẻ ấy có khác nhau không ? (khác giòng giống).

Lời xưa :

Con vua lại được làm vua

Con sãi chùa, thì quét lá đa.

**Con đẻ sinh đôi.**

Cùng trai, cùng gái, tức là 2 lá số như in.

Vậy sao, 1 báo, 1 gây, 1 hiển danh, 1 lu mờ.

Thí dụ : lá số : Mệnh cư Tí có sao Thiên cơ, gặp nhiều sao xấu, tức là người anh ra trước : gây, cơ khổ.

Còn cung Sửu (lục hợp) gặp Tử, Phá hội Quyền, Lộc ; tức là người em : danh giá, to lớn (còn nói : đầu giờ, cuối giờ; riêng tôi : tôi vẫn hòa ai nghi).

### **THAM, LIÊM cư TỶ, HỘI.**

Dẫu là Tú tinh nhưng có trường hợp vẫn hay như thường

Tham, Liêm cư Hội : Tuổi Kim thêm Hóa Kỵ, rất tốt; là vì :

Kỵ là Thủy, chế bớt sức nóng của sao Liêm Trinh (Hỏa) và tuổi Kim ngồi cung Thủy rất đẹp.

Tham Liêm cư Tị, tuổi Hỏa thêm Hóa kỵ rất tốt; là vì:

Kỵ là Thủy, chế bớt sức nóng của Liêm Trinh mà tuổi Hỏa ở cung Hỏa không can gì !

Nếu tuổi Hỏa Mệnh ở Hội tức là Hỏa chết.

— Kim — Tị tức là Kim chết.

Nếu đi trái cách như vậy, thì Tham, Liêm tối độc.

### **CỰ MÔN TÍ NGỌ**

**Tức là thạch trung ẩn ngọc cách.**

Cần có Song Hao là Hỏa mới hay Ngọc nằm trong đá, cần lửa nung đốt, đá vỡ ra, thời ngọc mới tung vẻ sáng.

Nếu ngộ Lộc Tồn (tượng trưng cái kho tàng ; cachette) thời vô vị. Vậy hòn ngọc vẫn nằm lỳ trong hòn đá (Hóa Lộc không can gì).

### **SONG LỘC CÁCH**

Ở chung với nhau không đẹp; vì Lộc Tồn (Thổ) Hóa Lộc (Mộc) Mộc khắc Thổ. Đi theo hình tam giác, chiếu lên Mệnh thời tối quý. Ở chung một cung, tất nhiên phải xung sát, có khi khổ vì tiền, ai oán về bạc.

### **SONG HAO CÁCH (thuộc Hỏa)**

Tuy gọi là Hao, nhưng đi trúng cách thời giàu sang phú quý. Mệnh Mão, Dậu gặp Cơ, Cự phùng Hao tối quý.

Giàu sang nhưng không bền, vì Hao vốn dĩ Hao tán, Phong lưu mã thượng bao nhiêu, thì cũng có lúc phải phong trần, mã thượng nói nôm là << Tốt ông không tiền, hoặc tiếng cả nhà không >>.

Phú đoán : << Tinh Hao phá nóng tầy lửa đốt !>>.

Mệnh có Song Hao đến hạn Song Hao thì đạt.

Mệnh có Lộc Tồn đến hạn Hao thì tán tài.

Mệnh có Song Hao đến hạn Lộc Tồn thì bình thường. Trái lại Lộc Tồn ngộ Không vong thời xấu, chẳng kiếm được, lòi còn xuất cửa nhà ra nữa.

### **MÃ ĐẦU ĐỐI KIỂM**

Tuổi Bình, Mậu đều có Kinh Dương ở Ngọ, Nhưng Mệnh ngồi Ngọ gặp Linh, Hỏa, Hình, Kỵ hoặc tuổi Mộc mới đáng sợ. Nếu có Thiên, Địa, Giải Thân không can chi.

Kinh Dương cư Ngọ là Mã đối kiểm (kiểm quán cổ ngựa).

Kinh Dương cư Ngọ thêm Thất Sát là Mã đầu đối kiểm (kiểm quán trên đầu ngựa).

(2 cách kể trên đóng ở Giải Ách thời hay bị ung thư, hoặc chết phí mạng, nếu không có sao Giải),.

**KIỆP, KHÔNG, TỊ, HỢI**

Gặp Quyền, Lộc mới phú quý khả kỳ, hoạnh đạt tung hoành. Nếu không có Quyền, Lộc chung thân khổ sở, lao đao, Hạng gặp Không, Kiếp tối độc.

Hạng Vũ anh hùng ngộ Thiên Không nhi táng quốc.

Thạch sùng hào phú ngộ Địa kiếp dĩ vong gia.

**CỰ, ĐÔNG, THÌN, TUẤT, SỬU, MÙI.**

Tuổi Tân, Đinh rất tốt, còn tuổi khác tối hãm.

Nếu cung Phụ Mẫu ở đó, gặp nhiều sao xấu, cha mẹ chia ly hoặc mình đi làm con nuôi.

**ÂM DƯƠNG HÃM ĐỊA**

Đi hợp cách và thêm Tả, Hữu, Quyền, Lộc vẫn là thượng cách.

Âm, Dương đắc vị đi không hợp cách vẫn vô vị.

Thí dụ : Đờn bà, tuổi Mùi (Âm tuế) Thái âm ở Tị (Âm cung)

Đờn ông, tuổi Tí (Dương tuế) Thái dương ở Tuất (Dương cung).

Như vậy : là hợp tuổi, hợp cách.

Đờn bà, tuổi Tí (dương tuế) Thái dương ở Tị (Âm cung).

Đờn ông, tuổi Dần (dương tuế) Thái âm ở Hợi (âm cung).

Như vậy : là bất hợp cách, giảm vẻ sáng.

Âm, Dương hàm tối kỵ gặp Linh, Hỏa, Hình, Riêu, Địa Kiếp và Kiếp Sát. Nếu gặp Kỵ, Đà đắc địa thời hay, (Kỵ, Đà là mây che, hắc ám. Kỵ còn biến hóa linh động. Đà ở lý một chỗ).

Nếu Linh hỏa, Hình, Riêu, Địa Kiếp hợp với Đà, Kỵ thời mù.

Âm dương hãm ngộ Tam Không thời sáng ra.

Âm dương miếu ngộ Tam Không thời tối lại.

**ÂM DƯƠNG (sách Tâu)**

Thái Dương gặp Hóa Kỵ cũng đắc địa : Khánh vân phùng Nhật (mây 5 sắc châu mặt trời) .

Thái Âm gặp Hóa Kỵ cùng đắc địa : Khánh văn phùng Nguyệt (mây 5 sắc châu mặt trăng).

Âm, Dương hãm gọi là phản bối (hãm) vô ngại ; là vì : nhớn lên phải xuất giá.

Đờn ông gặp Âm dương phản bối rất xấu; phải ly hương, lưu lạc, bôn ba.

**ÂM DƯƠNG ĐÔNG CUNG CÁCH**

Phú đoán : mấy người bất hiển công danh

Chỉ vì Nhật, Nguyệt đồng tranh Sửu Mùi.

Nhưng Nhật, Nguyệt nếu gặp Tả, Hữu, Khúc, Xương thì hiển danh.

**ĐÔNG, LƯƠNG, TỊ, HỢI**

Gọi là hãm nhưng :

Thiên Lương ở Hợi gặp Thiên Khôi : tối quý

Thiên Đông ở Tị gặp Thiên Việt : tối ái.

**THAM, VŨ, ĐÔNG HÀNH**

Ở Sửu, Mùi gặp Quyền Lộc mới hay (tiền bản hậu phú).

**LIÊM, SÁT, SỬU, MÙI**

Tối hãm, gặp Ác sát tinh. Mệnh ở đó rất xấu, ai oán trong thâm tâm, cuộc đời hay bị hận lòng (có Hóa Khoa khả giải).

**VŨ, PHÁ, TỊ, HỢI**

Mệnh ở đó : gặp thêm Hóa Kỵ là người đại yếm trá, nhiều mưu kế; tham dự vào bộ Tham

mưu, hoặc Trinh thám thời giỏi.

### **THIÊN CƠ (Mộc)**

Ớ Dần (bình) Mão : đắc địa (Cơ đứng Tí, Ngọ, Mão, Dậu, gặp Song Hạo rất tốt) sao tình cảm tranh đấu.

Đờn bà : cơ thủ mệnh gặp Linh Hỏa; thời ông chồng chớ nên lấy thêm vợ lẽ, tan cửa nát nhà.  
Cơ, Lương đồng cung gặp Hóa Quyền tối quý.

### **KÌNH DƯƠNG, LỰC SĨ (kim)**

Sao khoẻ, có năng lực, quả cảm, thêm Hình, Hổ : người ít tình cảm, gan dạ sắt đá.

### **KÌNH DƯƠNG, ĐÀ LA**

Kinh dương : Dương tinh thuộc Kim

Đà la : Âm tinh thuộc Thủy.

Kinh dương ở Dương cung phù cho Dương Nữ, Dương Nam.

Đà la ở Âm cung phù cho Âm nữ, Âm nam.

### **THIÊN RIÊU (thủy)**

Sao nhiều tình cảm, mê hoặc, chóng yêu, chóng ghét gặp Long, Phượng mới đẹp.

### **THIÊN TƯỚNG (thủy)**

Sao Tướng tinh, thủ mệnh đờn bà : xấu, gặp Tử Vi vô ngại, gặp Tấu, Hồng rất đẹp, nếu gặp sát tinh cũng như Thiên Cơ, không nên lấy vợ lẽ, hoặc làm lẽ, om sòm trong gia đình.

### **BẠCH HỔ (Kim)**

Cung Dậu đắc địa, oai dũng.

Từ Dậu đến Sửu, để đêm rất hợp.

Thí dụ : Hổ cư Dậu, lại để giờ Dậu, tháng Dậu, năm Dậu : tối quý.

Tóm lại : những Hung tinh hãm địa; cần để về những tháng, ngày giờ lạc lợi thời đỡ xấu.

### **PHI HỎA bắt thành Kim**

Bạch hổ (Kim) ở Tỵ, Ngọ (Hỏa) : để giờ Dậu (Kim) tháng Dậu (8) giờ Tý (Thủy) tốt.

### **PHI THỔ bắt thành Mộc**

Thiên Lương (Mộc) ở Thân, Dậu (Kim) để giờ Dần, Mão (Mộc) tốt.

### **PHI THỦY bắt thành HỎA**

Linh, Hỏa cư Thủy cung (Tí, Hợi) để tháng Hỏa (4, 5) giờ Hỏa (Tị, Ngọ) hoặc để về đêm (thêm sáng) kỵ giờ Hợi, Tý.

### **PHI THỔ bắt thành THỦY**

Tả, Hữu (Thổ) ở cung Thủy (Tí, Hợi) để tháng, giờ, ngày, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi (Thổ) tốt.

### **PHI KIM bắt thành Mộc.**

Lương hoặc Tham (Mộc) ở Kim cung (Thân, Dậu) để tháng Hợi, Tí (10-11) hoặc giờ Thủy (Hợi, Tí 9 đến 1 giờ đêm) và đi cùng sao Thủy : tốt.

Nói rõ nghĩa hơn : Mệnh Kim, sao Kim ở cung Hỏa (Tị, Ngọ rất xấu) nhưng để tháng Kim (7-8) ngày Kim (xem lịch) giờ Kim (3 đến 7 giờ chiều); thời cái << Lúa >> ấy, không thể đốt sủi được lũ Kim được.

### **Bàn về Hung tinh (SÁT, PHÁ, THAM, LIÊM) và Sát tinh (KÌNH, ĐÀ, KHÔNG, KIẾP, LINH, HỎA)**

Sát, Phá, Tham, Liêm hãm cần Sát tinh đắc địa.

Tử, Phủ, Cơ, Nguyệt đắc địa gặp Sát tinh hãm : vô ngại.

Tử, Phủ, Cơ, Nguyệt đắc địa gặp Sát tinh đắc địa : xấu, ganh nhau.

Tử, Phủ, Cơ, Nguyệt hãm gặp Sát tinh đắc địa : rất xấu; xảo trá, vì Sát tinh lấn tính chất tốt của Tử, Phủ, Cơ, Nguyệt.

Tóm lại : Bộ Sát tinh chỉ phù cho bộ Hung tinh vì Sát, Phá, Tham, Liêm mới chế phục được họ mà thôi.

### THIÊN KHÔNG (Sách Tàu)

Giá tiền nhất vị thị Thiên Không

Thân Mệnh nguyên lai bất khả phòng

Nhị Chủ, Lộc tồn, nhược trị thử

Diêm Vương bất phạ nễ anh hùng.

Dịch nghĩa : sao Thiên Không bao giờ cũng đứng trước sao Thái Tuế. Bản mệnh, bản thân, thân chủ, mệnh chủ và Lộc tồn không nên đi chung với vị đó. Hạn gặp, vua Diêm Vương cũng chẳng nề gì; dầu bạn là anh hùng.

### MỆNH VÔ CHÍNH DIỆU, ĐẮC TAM KHÔNG, NHI PHÚ QUÍ KHẢ KỲ (Sách Tàu)

TAM KHÔNG : Triệt không

Tuần không

Địa không

Không phải là Thiên không : lấy lý là :

Triệt lộ không vong (4 chữ)

Tuần trung không vong (4 chữ)

Phú quý khả kỳ : giàu sang có hạn định : ý nói phú quý không bền.

Triệt lộ không vong (4 chữ)

Tuần trung không vong (4 chữ)

Phú quý khả kỳ : giàu sang có hạn định : ý nói phú quý không bền.

TRIỆT LỘ KHÔNG VONG (Kim)

TUẦN TRUNG KHÔNG VONG (Hỏa)

Triệt đáo Kim cung: Thân, Dậu cung. Kim mệnh vô ngại.

Tuần lâm Hỏa địa : Ngọ, Mùi cung. Hỏa mệnh vô ngại.

Thí dụ : Mệnh ở cung Thân gặp Triệt : vậy bị 2 chữ Triệt lộ (đỡ xấu)

Mệnh ở cung Dậu thời bị 2 chữ Không Vong (xấu lắm).

Các cách trên đây, trích ở sách Tàu, vậy các bạn thử thí nghiệm xem cách nào đúng hơn. Nhất là << Tam Không và Thiên Không >>.

### HUNG TINH ĐẮC CÁCH

Mệnh vô chính diệu, hoặc Âm nam gặp thì hay.

### ÂM DƯƠNG TINH

Âm tuế : gặp Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương và Thiên Phủ, Cự Môn : tốt.

Dương tuế : gặp Sát, Phá, Tham, Liêm, Thái Dương, Vũ Khúc, Thiên tướng : tốt.

Còn Tử Vi phù cho cả Dương, Âm tuế.

### TÍNH ĐẠI, TIỂU HẠN

Đại hạn 10 năm

Tiểu hạn 1 năm

10 năm xấu, gặp 1 năm tốt : bình thường

10 năm tốt, gặp 1 năm xấu : đỡ xấu

10 năm tốt, gặp 1 năm tốt : đại phát đạt

10 năm xấu, gặp 1 năm xấu : đại cơ cực

Hạn , 5 cung đều xấu, gặp Triệt ngay đấy, không can gì

Hạn, 5 cung đều đẹp, gặp Tuần ngay đấy, mất vẻ đẹp.

Phú đoán : tam phương sung sát hạnh Triệt nhi khả bang

Tứ hướng giao phù, ngộ Tuần, Không trực đối.

### Sao BẢN MỆNH có hợp mình không ?

Thí dụ : Mệnh Hỏa gặp sao Thiên Lương (Mộc) ngôi cung Tí (Thủy) như vậy rất quý.

Vì : cung Dương cho sao (Thủy dương Mộc)

Sao Dương cho Mệnh (Mộc dương Hỏa)

Nếu Mệnh Kim gặp sao Thiên Lương (Mộc) mà ngôi cung Ngọ (Hỏa) như vậy là xấu.

Vì : cung Dương cho sao

Sao lại càng đốt mệnh mình dữ !

(Hỏa gặp Mộc, lửa càng cháy to, càng to bao nhiêu, lại thiêu đốt Kim bấy nhiêu).

Phú Đoán : Mệnh được sinh vào mấy quý

Bằng sinh ra tiết khí đã nề

Khắc ra cũng chẳng ích gì

Tâm <<công>> (ngôi sao) kia chớ khắc chi mệnh mình.

Thí dụ: Thất Sát là Kim, ở cung Hợi là xấu : vì Kim sinh Thủy vậy Thất Sát bị <<tiết>> ra.

Nếu Thất Sát ở cung Thổ (Thìn, Tuất) mới đẹp, vì Thổ sinh Kim. Cung phải dương cho sao, rồi sao lại dương cho Mệnh. Chắc có nhiều bạn thắc mắc, là vì sao ? Thất Sát ở Dần mà gọi là đẹp (Thất Sát chiếu đẩu). Thưa, tuy rằng Kim khắc Mộc, nhưng địa vị của Thất Sát ở đó, là do Thiên định.

### Bàn về TỬ TỨC

Cổ nhân nói : Mệnh hung nhi cát, do hữu Tử cung cát.

Mệnh cát nhi hung, do hữu Tử cung hung.

Mệnh xấu, hóa tốt, vì cung con cái tốt.

Mệnh tốt, hóa xấu, vì cung con cái xấu.

Là vì : đời người, hầu hết ai ai cũng muốn có con để giải dòng giống. Của có, con không có, lấy ai là người hương khói sau này.

Số nghèo, nhưng con cái hay, tức là về già được nhờ con, có giòng giống mãi mãi.

1. Cung Tử Tức có Sát, Phá, Tham, để đưa con Sát, Phá, Tham thủ Mệnh, đó là Truyền tinh, sau được nhờ nó.
2. Nếu đưa con ấy Tử, Phủ hoặc Cơ, Nguyệt thủ Mệnh; không phải Truyền tinh, sau không được nhờ nó, hoặc nó hay, mình đã chết rồi.  
Cung Tử tức của chồng có Tử, Phủ, Vũ, Tướng  
Cung Tử tức của vợ có Sát, Phá, Tham, Liêm
3. Để đưa con Tử, Phủ thủ Mệnh, thời người chồng hợp đưa trẻ đó. Để đưa con Sát, Phá thủ Mệnh, thời người vợ hợp đưa trẻ đó.
4. Cung Tử tức của mình có Sát, Phá, Tham để đưa con Cơ, Nguyệt thủ Mệnh; khó nuôi.  
Là vì : Sát, Phá, Tham gặp Cơ, Nguyệt tối kỵ.

5. Cung Tử tức của vợ Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương hội Kinh, Đà, Cô, Quả, để đưa con cũng từng ấy vị sao thủ Mệnh, thời xấu, khó nuôi, nếu người mẹ đã ngoài 40 tuổi, thì nuôi được nó; là vì bốn mươi năm qua, các sao << Yếu >> đi, đỡ hung. Nếu người mẹ, trong 40 tuổi mà nuôi được đứa trẻ ấy, thì quyết đoán đứa trẻ ấy sẽ << làm nên >>; vì nó đã << quen >> những vị sao hung ấy rồi.

Đờn bà tuổi Giáp, Mệnh Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương tức là Tử tức, Sát, Phá, Tham, gặp Khoa, Quyền, Lộc : nhiều con (ích tử) ; cung Phu có Thái Dương ngộ Kỵ : chẳng lợi chồng, hoặc phải nuôi con một mình.

### Những sao xấu, đóng vào TỬ TỨC

Cô Thần, Quả Tú, Thiên Hình, Đẩu Quân, Hóa Kỵ, Đà La, Địa Kiếp, Kiếp Sát, Linh Hỏa, Khốc Hư, Bạch Hổ, và Lộc Tồn.

### Bàn về những sao Hung, Sát ở Mệnh

Mệnh đứa trẻ, đầy rẫy những sao Ác Sát, Hung tinh, mà nó đã sống được ngoài 13 tuổi, thời không lo ngại nữa; là vì : nó << quen >> với các vị ấy.

Người ta hầu hết, không bao giờ chết ở hạn đi tới Bản mệnh. Trong vòng 13 tuổi không kể.

### LƯU, LỘC, MÃ, KINH, ĐÀ, THÁI TUẾ VÀ KHỐC HƯ

Rất quan hệ, xem bảng dưới đây :

<b>Cung Tị</b> Lộc tồn Lộc tồn	<b>Cung Ngọ</b> Kình, Kình Khốc hư, Tang môn, Tuế phá	<b>Cung mùi</b>	<b>Cung Thân</b> Tiểu hao Tiểu hao Bạch hổ Quan phù
<b>Cung Thìn</b> Đà, Đà Thái Tuế Quan Phù	<b>Dậu Tuất</b>	Hợi Tí Sửu (Mậu Tí 1948) 21 tuổi <b>TUỔI MẬU THÌN</b> Dương Nam	<b>Cung Dậu</b>
<b>Cung Mão</b>		<b>Dần Mão Thìn Tý</b>	<b>Cung Tuất</b> Thiên hư Điều khách Tuế phá
<b>Cung Dần</b> Thiên khốc Điều khách Đại hao, Đại hao, Tang môn, Thiên mã, Thiên mã	<b>Cung sửu</b>	<b>Cung Tí</b> Thái tuế Bạch hổ	<b>Cung Hợi</b>

GIẢI ĐOÁN : tuổi Mậu Thìn, Dương Nam, đi tới hạn Mậu Tí (1948) gặp 2 Kình, 2 Khốc, 2 Hư, 2 Hao; Thái Tuế, Tang Môn, Điều Khách: đáng sợ. Gặp 1 Kình, 1 Khốc, 1 Hư Tang Hổ còn ê chề điều đứng. Huống hồ, người tuổi này, năm Mậu Tý (1948) cái gì cũng gặp 2 cả.

Bản mệnh như ngọn đèn mờ trước gió, đại đức mới sống được.

Mậu Thìn dĩ nhiên Lộc Tồn ở cung Tị; đến năm Mậu Tí Lộc Tồn lưu niên, cũng ở cung Tị.

Tức là hạn đến năm Tí có 2 Kinh Dương, năm Tí, Thái Tuế lưu niên ở cung Tí chiếu lên; và Khốc Hư lưu niên ở Ngọ; có thể gọi là << HẠN MÃ ĐỐI KIẾM TRÙNG PHÙNG >>.

### Bàn về cung TẬT ÁCH

Phá Quân : là phá bệnh đi.

Thất Sát : là giết bệnh đi

Song Hao : là hao bệnh đi

Thiên Không : là không có bệnh

Tham Lang : là tham bệnh vào; rất xấu ; nếu gặp Tuần, Triệt, Phá, Sát, Hao và Không : đóng Tật ách rất tốt; nhưng ngộ Tuần Triệt rất xấu; tức là ngán bệnh lại.

TÓM LẠI TẬT ÁCH CHỈ CẦN TƯ DỮNG TINH Là Sát, Phá, Không, Hao.

TRÀNG SINH : đừng nhầm là tốt, nên gặp sao xấu, thời càng phù cho sao xấu, SỐNG GIAI ; tức là lâu khỏi bệnh.

THÍ DỤ : tràng sinh gặp Khốc Hư : lại càng nuôi vi tràng bệnh tăng lên ; hoặc gặp Hao lại nuôi sự Hao tăng lên.

### LỤC SÁT TINH

Kình, Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa.

### LỤC BẠI TINH

Song Hao, Tang Hổ, Khốc Hư.

Hạn đẹp như hoa, như gấm, mà ngộ Lục sát, Lục bại tinh, hãm địa cũng vô vị.

Chỉ Tuần, Triệt là cản được họ : nếu họ hãm địa.

Trái lại : họ đắc địa, mà Tuần, Triệt cản họ, thời rất xấu.

### LỤC HỢP

Hạn 10 năm cũng phải tính lục hợp

\_\_ 1 năm \_\_ \_\_ \_\_ \_\_ \_\_

\_\_ 1 tháng \_\_ \_\_ \_\_ \_\_ \_\_

\_\_ 1 ngày \_\_ \_\_ \_\_ \_\_ \_\_

### NÉT MẶT

Mệnh : Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương : hiền hậu.

\_\_ : Sát, Phá, Tham, Liêm : oai nghiêm

\_\_ : Tử, Phủ, Vũ, Tướng : bệ vệ

\_\_ : Bạch Hổ : oai, trán cao, hói, mắt to

\_\_ : Hồng, Đào : vui, buồn, thất thường

\_\_ : Hỏa, Linh : nhãn nhó

\_\_ : Kiếp, Không : đen tái

\_\_ : Khốc, Hư : trán đen bóng

\_\_ : Đồng, Âm đắc địa : xuân sắc lâu phai

\_\_ : Âm, Dương đắc địa : càng già mắt càng sáng (mắt hau hấu) .

### TUỔI GIÀ

Gặp : Tử, Phủ, Tràng Sinh, Đế vượng, Hóa Lộc : tốt

\_\_ : Đào, Hồng, Lộc Tồn và Thiên Không : xấu.

(Nếu Mệnh đã có sẵn những sao kể trên, thời vô ngại, vì đã <<quen>> rồi).

Gặp : Tả, Hữu : chỉ ứng trung vận, về già không hiệu lực nữa.

Gặp : Địa Kiếp, Địa Không (tượng trưng cái gậy, cái bị : biểu hiệu sự sa sút, cơ hàn) : rất xấu, nếu gặp Hóa Khoa khả giải.

### TÍNH ĐẠI TIỂU HẠN

**ĐẠI HẠN** : theo lối của ta, thời đại hạn tính ngay từ cung Mệnh, mà lưu thuận, nghịch đi. Thí dụ : Thủy nhị cục, viết số 2 từ cung Mệnh.

Theo lối của Tàu : thời đại hạn theo trước, sau cung Mệnh mà lưu thuận, nghịch đi. Thí dụ : Thủy nhị cục, Dương nam viết số 2 ở cung Phụ mẫu rồi lưu thuận đi; hoặc Âm nam thời viết số 2 ở cung Huynh đệ rồi lưu nghịch đi.

Riêng tôi, tôi thí nghiệm cách của Tàu đúng hơn.

#### TIỂU HẠN :

Theo tiểu hạn, tính tháng giêng đi ngược đến tháng sinh rồi gọi cung ấy là giờ Tý, tính xuôi đến giờ sinh, ở đấy là tháng giêng.

Theo tiểu hạn, tính tháng giêng đi xuôi đến tháng sinh rồi gọi cung ấy là giờ Tý, tính xuôi đến giờ sinh, ở đấy là tháng giêng.

Theo tiểu hạn, ở ngay đấy là tháng giêng, rồi tính thuận sang cung khác là tháng hai, ba v.v...

Ngày mồng một cũng ở ngay cung ấy.

Riêng tôi, tôi thí nghiệm thấy cách thứ ba này giản dị và đúng hơn.

### TIỂU HẠN TRẺ CON

Theo lối của Tàu chỉ tính lục đồng hạn :

1 Mệnh, 2 Tài, 3 Giải ách, 4 Phu thê, 5 Phúc đức, 6 Quan lộc, và đại hạn trong sáu năm đó phải nhìn Bản Mệnh là cốt.

Từ 7 tuổi trở đi tính theo tiểu hạn như người lớn. Và đại hạn cũng chuyển sang cung Huynh đệ, hoặc Phụ mẫu rồi.

Cách trên đây, riêng tôi, tôi thấy đúng hơn.

### Luận về ÂM DƯƠNG, NGŨ HÀNH của Năm, Tháng, Ngày, Giờ.

Con người đã bước chân vào đời, nhất cử nhất động đều phải chịu sự chỉ huy của các vị Tinh tú chiếu ở trong là số của mình, và, năm, tháng, ngày, giờ cũng cần phải rõ Âm, Dương, Ngũ Hành của nó.

#### Bản đồ phân Âm Dương, Ngũ Hành của Tháng, Ngày, Giờ.

THÁNG	NGÀY	GIỜ
1. Dương Mộc	<b>DƯƠNG</b>	<b>DƯƠNG</b>
2. Âm Mộc	Tí, Dần, Thìn, Ngọ,	Tí, Dần, Thìn, Ngọ,
3. Dương Thổ	Thân, Tuất	Thân, Tuất
4. Âm Hỏa		
5. Dương Hỏa	<b>ÂM</b>	<b>ÂM</b>
6. Âm Thổ	Sửu, Mão, Tị, Mùi,	Sửu, Mão, Tị, Mùi,
7. Dương Kim	Dậu, Hợi	Dậu, Hợi
8. Âm Kim		
9. Dương Thủy		
10. Âm Thủy		
11. Dương Thủy		
12. Âm Thổ		

Còn năm, tháng cũng cần xem Ngũ hành và hàng Can (coi ở bản đồ Hoa Giáp 60 năm).

THÍ DỤ :

Tuổi Tân Hợi – Âm Nữ – Kim Mệnh

Đẻ tháng Bính Tí (tháng Thủy)

Đẻ ngày Nhâm Dần (ngày Kim)

Đẻ giờ Tí (giờ Thủy)

Hơn nữa, Mệnh ngồi cung Thân, Dậu (Kim) hoặc cung Hợi, Tí (Thủy) ; thời rất đẹp (Kim, Thủy tương sinh).

THÍ DỤ :

Đờn bà tuổi Hợi tuổi âm

Đẻ tháng hai tháng âm

Đẻ ngày Sửu ngày âm

Đẻ giờ Sửu giờ âm

Mệnh ngồi tại Sửu cung âm

Thân cư Thiên di tại Mùi cung âm

Mệnh có sao Thái âm

Đó tức là Thượng cách : hợp sao, hợp cung, hợp ngày, giờ, năm, tháng.

### ĐẾ TINH

**Tử vi cư Ngọ** : đế có ngai vàng

\_\_ \_\_ Tí : đế mất ngai (phế đế)

\_\_ **Thất Sát cư Tị** : oai vệ, đế có bảo kiếm

\_\_ **Thất Sát cư Hợi** : dễ xuất chinh, gặp sao tốt, phò thì oai danh, nếu gặp sao xấu thì bôn ba.

**Tử Vi, Tham Lang, Mão, Dậu** : đế yếm thế người có tâm tu, hoặc thích nghiên cứu đạo lý.

**Tử Vi, Thiên Tướng, Thìn, Tuất** : đế có tướng

**Phá Quân, Sửu, Mùi** : đế ngộ hung đồ ; người bướng bỉnh, hung bạo (cương quả chi nhân)

### ĐỊA HÌNH

Dần, Mão : Mộc hương

Tị, Ngọ : Hỏa hương

Thân, Dậu : Kim hương

Hợi, Tý : Thủy hương

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi : Thổ hương

THÍ DỤ : Kim Mệnh ngồi Tị hoặc Ngọ (hỏa hương) thời xấu.

Mão cung, đất của Đông trù táo quân (thổ địa)

Dậu cung, đất của Phật

Tý cung, đất của Thánh (nhân thần)

Ngọ cung, đất của Long thần (thiên thần)

### Những sao ảnh hưởng về Ngày sinh, Tháng đẻ.

Đẻ tháng Dương ảnh hưởng Xương, Khúc

\_\_ tháng Âm \_\_ \_\_ Kiếp, Không

\_\_ giờ Dương \_\_ \_\_ Tả, Hữu

\_\_ giờ Âm \_\_ \_\_ Hình, Riêu, Long, Phượng.

### Tính chất 4 cây trong làng TỬ VI

**Thiên Lương** (Mộc) cây này cần có quả (Lộc tồn và Hóa Lộc) nếu gặp Hao (Hỏa) thời nghèo, thêm Hình, Kiếp, Sát tối độc. Khác nào cây khô chết yếu.

Thiên cơ (Mộc) cây này cần gỗ, gặp Hao thì gỗ càng cháy to, nhưng ở Mão, Dậu thời mới hay (uy quyền chính thế, có danh nhưng không giàu tiền, gặp Lộc đủ cả danh lẫn lợi.)

**Tham lang** (Mộc) cây cổ thụ, gặp Trùng sinh thời giàu, sang, thọ. Gặp Hao đắc địa (Dần, Thân, Ty, Ngọ). Danh tiếng, phong lưu, kín cửa. Nếu gặp Hao hãm địa, hoặc Địa Kiếp và sao Tử, người tần tiện keo bẩn, gặp Hóa Lộc, Lộc Tồn có phú nhưng không có quý.

**Tang môn** (Mộc) cây đàn, loại cây nhỏ; cần gặp Thái dương, hoặc Thiếu dương chiếu thời đẹp (ánh tà dương chiếu trên ngàn dâu xanh). Nếu gặp Linh, Hỏa cây bị thiêu đốt; xấu.

### ĐỒNG CÔ, BÓNG CẬU

Đàn ông : Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương ngộ Lục sát tinh hãm địa (Kình, Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa) tính nết ỡng ẹo, ít nghĩ đến việc vợ chồng, hoặc ái nam ái nữ.

Đờn bà : Tử, Phủ, Vũ, Tướng nhất là Vũ Tướng thủ Mệnh gặp Lục bại tinh hãm địa (Song Hao, Tang, Hổ, Khốc, Hự) cũng như cách trên; nếu thêm Hình, Riêu, Cô, Quả suốt đời không thành gia thất; hoặc có thành cũng không bền, lận đận, cao số.

### PHONG TÌNH CÁCH

Phần nhiều gặp Song Hao, Hóa Kỵ, Hình, Riêu, Đào, Hồng, Mộc dục, Thai, Tham, Phá, Cự, Lương và Xương, Khúc v.v...

### LUẬT THỪA TRỪ

ĐI ĐẾN TUỔI LỄ gặp Long, Phượng, Tang, Hổ, Tuất. Long, Phượng tượng trưng sự vẻ vang, tiếng tăm ; thời tránh sao được miệng tiếng rèm pha; có lẽ đâu 10 điều đặc ý cả mười.

ĐI ĐẾN TUỔI CHẨN gặp Lộc, Hồng, ngộ Thiên Không, Lộc, Hồng tượng trưng hỷ sự, tiền tài; vậy (hỷ sự tất phải tiêu tiền) đó là lẽ thường.

### LOÀI VẬT

Tôi đã thí nghiệm lấy số SÚC vật : Trâu, Bò, Ngựa, Chó (dĩ nhiên là mỗi lần để được nhiều con : đó là định luật của Tạo Hóa)

Con nào số tốt; hình dáng nó đẹp, nhà chủ nghèo đem ra chợ bán, quả nhiên được người mua nó là nhà giàu, tức là nó được no.

Con nào số xấu, hình giáng lông lá thô kệch, nhà chủ nghèo, ăn uống đói khát, làm việc nhiều, nếu đem ra chợ bán, lại sa vào ông chủ mới cũng hoàn cảnh cơ hàn như chủ cũ của nó.

Mời độc giả thử nghiệm xem.

### TỔNG LUẬN

Số Tử Vi chẳng khác chi cuộc chơi tam cúc. Tướng sĩ chẳng gặp thời (không đủ bộ) cũng vô vị.

Tối đen gặp thời (đủ bộ) vẫn thành công, kết phát oai lừng.

**Bản đồ : Âm – dương, Ngũ – hành, Màu – sắc, Phương – hướng.**

<b>Cung Tị</b> Hỏa âm Phượng nam Sắc đỏ Tốn	<b>Cung Ngọ</b> Hỏa dương Thiên đình Sắc đỏ Lý	<b>Cung Mùi</b> Thổ âm Sắc vàng	<b>Cung Thân</b> Kim dương Phượng tây Sắc trắng Khôn
<b>Cung Thìn</b> Thổ dương hoặc gọi là Thiên la sắc vàng			<b>Cung Dậu</b> Kim âm Sắc trắng Đoài
<b>Cung Mão</b> Mộc âm sắc xanh Chấn			<b>Cung Tuất</b> Thổ dương hoặc gọi là Địa vông sắc vàng
<b>Cung Dần</b> Mộc dương phương Đông sắc xanh Cấn	<b>Cung Sửu</b> Thổ âm Sắc vàng	<b>Cung Tí</b> Thủy dương (Địa phủ) sắc đen Khảm	<b>Cung Hợi</b> Thủy âm phương Bắc sắc đen Càn Hoặc gọi là Nhàn cung

Cung Dần, Thân, Tị, Hợi : Tứ sinh hoặc gọi là Tứ vượng.

Ty, Ngọ, Mão, Dậu : tứ tuyệt

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi : tứ mộ

Theo bản đồ Bát quái : Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là Trung phương.

#### ÂM DƯƠNG CỦA THẬP CAN

Giáp	Dương can	Ất	Âm can
Bính	—	Đinh	—
Mậu	—	Kỷ	—
Canh	—	Tân	—
Nhâm	—	Quý	—

#### ĐỂ THIẾU THÁNG

Sao Thai bất kỳ, đóng ở đầu, ngọ Hỏa Linh và Thiên Hình, Kiếp Sát thời để thiếu tháng hoặc động thai .

#### BẢN ĐỒ CÁC VỊ SAO ĐÓNG (sách)

V. Dương, Đông, Xương, Khúc, Không, Kiếp D. Tử, Tướng H. Âm, Tham, Liêm	V. Hỏa, Linh, Tồn, Loan, Khốc, Hư, Cơ, Lương, Dương, Sát, Phá. D. Vũ, Cự, Tham, Phủ H. Đông, Âm, Kinh, Lộc Quyển, Xương, Khúc, Kỵ	V. Tử Phủ, Vũ, Liêm, Tham, Kinh, Đà, Hỏa, Linh, Quý, Tả, Hữu. D. Xương, Khúc, Khoa, Quyển, Lộc, Tướng, Lương. H. Cơ, Đông, Tồn, Kỵ.	V. Liêm, Sát, Khoa. D. Tử, Đông, Xương, Khúc, Kinh, Linh, Khốc, Kỵ H. Vũ, Lương, Phá, Lộc, Quyển, Đà, Tuất.
--	--	--	---

<p>V. Lương, Cự, Vũ, Tham, Khoa, Lộc, Quyền, Long, Loan, Kinh, Đà, Linh. V. Xương, Khúc, Hỏa, Tôn, Thai, Tọa, Dương, Phủ. H. Kiếp, Không, Tử, Am Dương</p>	<p><b>BẢNG CÁC SAO ĐÓNG</b></p> <p>Chữ tắt V. là Vương-địa - D. là Đắc-địa - H. là Hãm-địa</p>		<p><b>TUẦN TRIỆT</b> V. Liêm, Cự, Đại, Tiểu, Riêu, Hình, Hổ. D. Cự, Phủ, Am, Sát, Tham, Linh, Hỏa, Xương, Khúc, Loan, ky, Tả, Hữu, Hỏa H. Tuất, Đà, Khoa, Quyền, Lộc, Dương, Phá, Vũ, Đồng.</p>
<p>V. Đồng, Liêm, Cự, Cự, Tham, Linh, Hỏa, Hình, Cự, Biên, Đại, Tiểu, Tôn. D. Tả, Hữu, Xương, Khúc, Hỏa, Linh, Tư, Dương, Tướng Sát. H. Vũ, Am, Phá, Kinh, Đà.</p>			<p>V. Cự, Xương, Tham, Sát, Hình, Riêu, Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Thái, Tọa, Quyền, Lộc, Khoa, Ky. D. Phủ, Vũ, Phá. H. Kiếp, Không, Xương, Khúc, Hỷ, Thần, Quan, Phủ, Tử, Dương, Am</p>
<p><b>TUẦN TRIỆT</b> V. Đồng, Liêm, Tướng, Lương, Tử, Phủ, Hỏa, Kinh, Tôn, Mã, Hỏa, Xương, Linh. D. Kinh, Dương, Kiếp, Không, Đại, Tiểu. H. Vũ, Am, Đà.</p>	<p>V. Vũ, Phủ, Am, Sát, Tử, Đồng, Xương, Quang, Quý, Thai, Tọa, Xương, Khúc, Tả, Hữu, Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Quyền, Lộc. D. Khốc, Hư, Liêm, Cự. H. Cự, Tôn, Ky.</p>	<p>V. Cự, Đồng, Phủ, Am, Lương, Phá, Khúc, Hư, Hỏa, Tôn, Xương, Khúc, Đào. D. Vũ, Trinh, Tham, Tự, Sát, Kinh, Đà. H. Hỏa, Linh, Khoa, Quyền, Lộc, Ky, Dương.</p>	<p>V. Đồng, Am, Kiếp, không, Riêu, Tả, Hữu, Xương, Lộc, Khoa D. Kinh, Đà, Khúc, Cự, Tướng H. Mã, Quyền, Linh, Ky, Dương, Tham, Liêm, Lương.</p>

Tuy vậy, không nên câu nệ về phương diện đắc và hãm. Dù hãm đi đủ bộ vẫn đẹp. Đắc địa mà không đủ bộ cũng tựa như áo gấm vá thêm mụn vải nâu vào mà thôi.

### CHƯƠNG THỨ BA CÁC CÁCH TỐT XẤU

(Trích ở sách Tử Vi của người Tàu)

1. Giáp Nhật, giáp Nguyệt thù năng ngộ; giáp Xương, giáp Khúc chủ quý hê.
  2. Giáp Không, giáp Kiếp chủ bần tiện; giáp Kinh, giáp Đà vi khát thực.
  3. Liêm Trinh, Thất Sát phản vi tích, phú chi nhân.
  4. Thiên Lương, Thái Âm kiếp tác phong bông chi khách.
- 
1. Mệnh Thân ngồi giữa, hai bên gặp, Âm Dương và Xương Khúc, nếu không ngộ Kinh Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa thì tốt.
  2. Nếu số là quý cách, thì không thể gọi là bần tiện được; chỉ nghĩa là bôn tẩu tung hoành.
  3. Liêm, Sát ở Sửu, Mùi không nên làm càn, thì cuộc giàu sang mới bền.
  4. Thiên Lương, Thái Âm ở hãm địa (Âm ở Mão, Thìn, Tị, Ngọ) ; Lương ở Hợi, Tị mà gặp Kinh, Đà, Không, Kiếp, Linh, Hỏa thì nghèo hèn; nếu gặp Quý tinh Khoa, Quyền, Lộc là người phong lưu mã thượng, giang hồ hào hiệp.
  5. Liêm Trinh chủ hạ tiện, chi cơ hàn ; Thái Âm chủ nhất thân chi khoái lạc.
  6. Tiền bản hậu phú, Vũ, Tham đồng Thân, Mệnh chi cung; tiền phú hậu bần, chỉ vì vận phùng Kiếp, Sát.
  7. Xuất thế vinh hoa, Quyền, Lộc thủ Tài, Quan chi vị.
  8. Sinh lai bần tiện Kiếp, Không lâm Tài, Phúc chi Hường

- 
9. Văn Khúc, Vũ Khúc vi nhân đa học, đa năng : Tả Phù, Hữu Bật bình tinh khắc khoan khắc hậu.
  10. Thiên Phủ, Thiên Tướng nãi vi y lộc chi thần, vi sai, vi quan, định chủ thanh thông chi triệu.
- 
5. Sao Liêm Trinh đóng ở Tị, Hợi mà ngộ đa Hung tinh thì xấu : Thái Âm từ Mùi đến Tí, gặp nhiều Cát tinh thì tốt, nhưng số đàn bà thì tốt hơn.
  6. Vũ, Tham đồng cung ở Sửu, Mùi nghèo trước giàu sau; 30 năm về sau mà bản thân gặp Kiếp Sát, Địa Kiếp, Thiên Không, Hao, Tuyệt thì xấu.
  7. Cung Quan, cung Tài có Quyền, Lộc thì sung sướng.
  8. Cung Tài, cung Phúc có Địa Kiếp, Thiên Không thì nghèo hèn, nhưng nếu cung Phúc Đức không có Chính tinh mà gặp Kiếp, Không hoặc Kinh, Đà đắc cách thì tốt, mã phát anh hùng hào kiệt nhưng không bền.
  9. Sao Văn Khúc, Vũ Khúc học hành giỏi, sao Tả, Hữu ở Mệnh khoan hòa trung hậu.
  10. Phủ, Tướng ở Mệnh gặp Đa Trung tinh đắc cách thì làm quan, nhất là người tuổi Giáp : nếu ngộ Tuần, Triệt đi tu làm nên đến hòa thượng.
  11. Duệ nhi bắt ú khoa danh, hãm ư hung thần
  12. Phát bất chủ Tài, Lộc chủ tiên ư nịch địa
  13. Thất Sát triều đầu, tước lộc vinh xương.
  14. Tử, Phủ đồng cung, chung thân phúc hậu
  15. Tử Vi cư Ngọ vô sát tấu, vị chi Công Khanh
  16. Thiên Phủ lâm Tuất, hữu tinh phù, yếu kim vi tử
  17. Khoa, Quyền, Lộc vọng, danh dự chiêu chương
  18. Vũ, Khúc miếu viên, uy danh hách biến
  19. Khoa minh Lộc ám, vị Nguyệt Tam Thai.
- 
11. Sao Âm Dương và Hóa Khoa ngộ Kiếp, Không học hành dẫu tài giỏi, cũng không được mãi nguyện về đường thi cử, công danh.
  12. Sao Hóa Lộc đóng ở Tí, Ngọ, Thân, Dậu hoặc đi chung với Không, Kiếp thì cuộc giàu sang không bền.
  13. Thất Sát ở Dần, Thân an Mệnh rất tốt.
  14. Tử, Phủ (Dần, Thân) mà Mệnh ở đó là người phúc hậu hiền hòa.
  15. Người tuổi Giáp, Đinh, Kỷ, Tử Vi cư Ngọ, an Mệnh có cả phú lẫn quý.
  16. Người tuổi Giáp, Kỷ, an Mệnh ở Tuất, mà có Thiên Phủ, nếu gặp Quý tinh thì phú quý, không có Quý tinh chỉ bình thường.
  17. Mệnh một Hóa, Tài một Hóa, Quan một Hóa thì rất tốt.
  18. Vũ Khúc ở Thìn, Tuất nhị cung an Mệnh mà gặp Cát tinh là thượng cách, ở Sửu, Mùi là thứ cách.
  19. Người tuổi Giáp Mệnh lập tại Hợi có Hóa Khoa, cung Dần có Lộc Tồn thì tốt.
  20. Nhật, Nguyệt đồng làm, quan cư hầu bá
  21. Cự, Cơ đồng cung, công khanh chi vị
  22. Tham, Linh tinh thủ, tướng tướng chi danh
  23. Thiên Khôi, Thiên Việt cái thế văn chương
  24. Thiên Lộc, Thiên Mã kinh nhân giáp đệ

25. Tả phụ Văn Xương hội Cát tinh tôn cư bát tọa
  26. Tham Lang, Hỏa Tinh cư Miếu Vượng danh chấn chư bang.
  27. Cự, Nhật đồng cung quan phong tam đại
  28. Tử, Phủ triều viên thực lộc vạn chung.
- 
20. Người tuổi Bính Tân Mệnh ở Sửu, Nhật, Nguyệt ở Mùi chiếu hoặc Mệnh ở Mùi, Nhật Nguyệt ở Sửu chiếu thì rất tốt. (Xin nhớ : Âm Dương đồng cung thủ mệnh không tốt, chiếu mới tốt, nhất là tuổi Bính Tân).
  21. Tuổi Tân tuổi Kỷ Mệnh ở Mão, thêm Xương khúc Tả, Hữu là Thượng cách, người tuổi Bính là thứ cách, tuổi Đinh bình thường.
  22. Tham Lang đóng ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi và Tý, an Mệnh gặp Linh tinh người tuổi Mậu, Kỷ (văn võ toàn tài)
  23. Mệnh có Khôi ngoài nó Việt chiếu thêm Cát tinh là văn chương lỗi lạc.
  24. Ở Dần Thân, Ty, Hợi, Thiên mã ngộ Lộc Tồn, thi đỗ đạt to văn chương danh thếp.
  25. Mệnh gặp hai sao kể trên, văn quan tột bậc.
  26. Mệnh đóng ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là thượng cách. Mệnh đóng ở Mão là Thứ cách, gặp Kinh, Đà, Kiếp, Không vô vị
  27. Cư Nhật ở Dần, Thân Mệnh đóng ở đó rất tốt, nếu phúc đức như vậy ba đời vinh hiển.
  28. Tử, Phủ đồng cung. Mệnh ở đó, gặp đa quý tinh suốt đời giàu sang.
  29. Khoa, Quyền đối củng, trạc tam ư vũ môn.
  30. Nhật, Nguyệt tịnh minh, tá cữu trùng ư nghiêu điện.
  31. Phủ, Tướng đồng lai hội Mệnh cung toàn gia thực lộc
  32. Tam hợp minh châu sinh vượng địa ẩn bộ thêm cung
  33. Thất sát, Phá quân nghi xuất ngoại
  34. Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương tác lại nhân
  35. Tử, Phủ cư vượng địa, đoán định công hầu khi.
- 
29. Khoa, Quyền, Lộc ở Mệnh hoặc chiếu, nếu không gặp Sát tinh thì tốt, khác nào, rồng gặp may, cá gặp nước.
  30. Thái Âm ở Hợi, Thái Dương ở Mão gặp quý tinh thì tốt làm đến cận thân. Chú ý : Thái Dương ở Mão an Mệnh cần phải tuổi Dương, Thái Âm ở Hợi, an Mệnh cần phải tuổi Âm đó là thượng cách, tuổi Tân Ất : Thượng cách, tuổi Đinh : phú cách, tuổi Bính : quý cách, gặp Không, Kiếp, Kỵ : bình thường.
  31. Được cách như trên văn học thành danh.
  32. Mệnh ở Mùi có Nhật, Nguyệt chiếu, hoặc Mệnh ở Thìn, Tuất có Âm, Dương thêm cát tinh rất tốt tựa như hòn ngọc sáng ở ngoài biển.
  33. Được cách như trên ra ngoài được vẻ vang.
  34. Được cách như trên là văn cách : viết báo, thư ký, dạy học vân vân.
  35. Tử Vi cư Ngọ, Mệnh an Ngọ, Tuất có Thiên Phủ, hoặc Mệnh ở Mão, Hợi gặp Âm, Dương, thêm Khoa, Quyền, Lộc, Tả, Hữu, Xương, Khúc nhất định công hầu nếu gặp Kinh, Đà, Linh, Hỏa, Kiếp, Không bị giảm.
  36. Nhật, Nguyệt, Khoa, Lộc, Sửu cung, định thị phương bá công.
  37. Thiên Lương, Thiên Mã hãm, phiêu đặng vô nghi.
  38. Liêm Trinh, Sát bất gia, thanh danh viễn phan

- 
39. Nhật xuất lôl môn phú quý vinh hoa  
 40. Nguyệt lãng, Thiên môn tiến tước phong hầu  
 41. Dẫn phùng Phủ, Tướng vị đãng nhất phẩm chi vinh  
 42. Mộ phùng Tả, Hữu tôn cư Bát Tọa chi quý  
 43. Lương cư Ngọ vị quan tư thanh hiển
- 
36. Âm Dương ở Sửu, Mùi hầu gặp Xương, Khúc, Khoa, Quyền Lộc hoặc Tả, Hữu thì mới hay.  
 37. Những sao kể trên ở Tị Hợi và Thân, ngộ Ấc sát tinh, lưu lạc giang hồ, trái lại gặp Quý tinh là người phong lưu mã thượng.  
 38. Sao Liêm Trinh đóng ở Sửu, Mùi và Thân, Mão gặp đa Quý tinh công danh hiển đạt, nếu gặp Ấc sát tinh hãm địa, nghèo hèn và yếu.  
 39. Thái Dương cư Mão, an Mệnh thêm Tả, Hữu, Xương, Khúc, Khôi, Việt người tuổi Giáp, Ất, Canh, Tân là thượng cách : nếu gặp Hình, Kỵ và Tứ Sát thì trung bình.  
 40. Mệnh ở Hợi, gặp Thái Âm, thêm Quý tinh, người tuổi Bính Đinh là quý cách, tuổi Nhâm Quý là phú cách.  
 41. Cung Dần, Tuất, Ngọ, gặp Phủ, Tướng người tuổi Giáp rất quý nếu không gặp Ấc sát tinh.  
 42. Mệnh ngồi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi gặp đa quý tinh thì phúc, lộc, thọ.  
 43. Thiên Lương cư Ngọ an Mệnh, người tuổi Đinh là thượng cách, người tuổi Kỷ là thứ cách, người tuổi Quý là quý cách.  
 44. Khúc ngộ Lương tinh, vị chi thai cương. (chí khí hiên ngang)  
 45. Khoa lộc, Tuần phùng, chu bột hàn nhiên nhập tướng  
 46. Văn tinh ám cổng, mãi nghị doãn hỉ đãng khoa  
 47. Kinh Dương, Hỏa tinh oai quyền xuất chúng, đồng hành Tham, Vũ uy yếm ưu di.  
 48. Lý Quảng bất phong, Kinh Dương phùng ư Lực Sĩ  
 49. Nhan Hồi yếu triết Văn Xương hãm ư Thiên thương  
 50. Trọng do mãnh liệt, Liêm Trinh nhập miếu ngộ Tướng quân  
 51. Tử, Vũ tài năng, Cự Tứ Đồng Lương xâm thả hợp  
 52. Dẫn, Thân tối hỷ Đồng Lương hội.
- 
44. Lương ở Ngọ gặp Khúc là thượng cách, ở Dần là thứ cách, hoặc Lương tại Ngọ, Khúc ở Tý là quý cách (trung bình)  
 45. Mệnh có Quý tinh, Quan Lộc có Khoa, Quyền, Lộc chiếu rất tốt.  
 46. Mệnh, Quan, Dzi, Tài, có Khoa, Quyền, Lộc, Xương, Khúc, Tả, Hữu thì tốt  
 47. Kinh Dương ngộ Hỏa ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi hoặc Tham, Vũ, anh hùng xuất chúng, nhưng vẫn có người ghét.  
 48. Lý Quảng không được phong tước là vì Kinh, Dương, Lực Sĩ ở mệnh. Đờn bà có hai sao này đóng Mệnh không tốt.  
 49. Văn Xương, Văn Khúc ở Nô bộc mà ngộ Kinh, Đà, Thất Sát thì yếu tử.  
 50. Mệnh ở cung Thân ngộ Liêm Trinh, Tướng Quân.  
 51. Mệnh ở cung Thân, Đồng, Lương, Cự, Nhật, Cơ, Âm ở Tí, Dần, Thìn chiếu mà hội Tả, Hữu, Khoa, Quyền thì tốt.  
 52. Hai sao kể trên ở cung Dần, Thân thì những người tuổi Giáp, tuổi Canh tốt.

- 
53. Thìn, Tuất ứng hiểm hãm Cự Môn  
 54. Vận suy, hạn nhược, non thảo tào sương  
 55. Vận suy, hạn suy hỉ Tử Vi chi giải hung ác  
 56. Cô bản đa hữu thọ, pha quý tức yếu vong  
 57. Điều Khách, Tang Môn lộc châu hữu chuy lâu chi ách  
 58. Quan phù, Thái tuế công trị hữu thấp chỉ chi ưu  
 59. Hạn chí Thiên la, Địa võng, Khuất Nguyên nịch thủy nhi vong.  
 60. Vận ngộ Địa Kiếp, Thiên Không, Nguyễn Tịch hữu bản cùng chi khổ.
- 
52. Thìn, Tuất có Cự Môn mà Mệnh ở đấy rất xấu, chỉ trừ những người tuổi Tân và Đinh không việc gì.  
 53. Vận xấu, hạn xấu, người ta ví như là cỏ non gặp phải sương muối.  
 54. Vận hạn cùng suy mà gặp được Tử Vi thì bớt được sự hung  
 55. Mệnh ngộ Thái Tuế, Thiên thọ, cung Quan, Dzi, Tài có Lộc hãm, nếu hạn đến đấy phát đạt thì không thọ  
 56. Đại tiểu hạn ngộ Quan Phù, Thái tuế chiếu thì nên đề phòng rắn, rết cắn.  
 57. Đại tiểu hạn đi đến Thìn, Tuất, gặp Vũ, Khúc, Tham Lang hoặc Thái Tuế, Tang Môn, Bạch Hổ, Kiếp, Không, khác nào ông Khuất Nguyên reo mình xuống nước.  
 58. Đại tiểu hạn ngộ Kiếp, Không rất xấu, khác nào ông Nguyễn Tịch lâm vào cảnh nghèo nàn.  
 59. Văn Xương hội Liêm chỉ táng Mệnh thiên niên  
 60. Mệnh không hạn không vô cát Tấu công danh tăng trừng  
 61. Linh phù Thiên Không, do như bán thiên triết triệu  
 62. Mệnh chung ngộ Kiếp, Tham như lãng lý hành thuyền  
 63. Hạng Vũ anh hùng hạn chí Thiên Không nhi táng quốc  
 64. Thạch Sùng hào phú hạn phùng Địa Kiếp dĩ vong gia  
 65. Lã hậu chuyên quyền lưỡng trùng Thiên lộc, Thiên mã  
 66. Dương Phi hảo sắc tam hợp, Văn Khúc, Văn Xương  
 67. Thiên Lương ngộ Mã Nữ mệnh tiện nhi thả dâm  
 68. Xương Khúc giáp Trì, Nam mệnh dĩ như thả hiển
- 
60. Người tuổi Tân, gặp Xương Khúc, Tham Liêm ở Ty Hợi không thọ. Nếu gặp bộ Phủ, Tướng thì không việc gì.  
 61. Hạn gặp Không, Kiếp dù có gặp cát tinh cũng vẫn bị trắc trở  
 62. Mệnh có sao Thiên Không đóng ở Tí, Ngọ, Mão, Dậu xấu, là một người gan góc, trầm tĩnh, anh hùng.  
 63. Mệnh có sao Địa Kiếp, sao Tham Lang tẩm thân tựa như chiếc thuyền bông bênh trôi nổi trên mặt nước  
 64. Hạn gặp Thiên Không, Địa Kiếp, anh hùng như Hạng Võ, giàu có như Thạch Sùng một phút cũng thành trắng tay.  
 65. Đờn bà gặp các sao kể trên oai quyền sủng ái như bà Lã Hậu, Dương Phi.  
 66. Mệnh đờn bà ở Dần, Thân, Tị, Hợi gặp Thiên Mã, Thiên Lương đa tình, nếu không gặp đa quý tinh thì nghèo hèn.  
 67. Mệnh ở Sửu Mùi gặp Ấm, Dương, Tả, Hữu, Xương, Khúc chiếu rất tốt (Thái Dương là

- đơn tri, Thái âm là quế tri) : nghĩa là lá ngọc cành vàng chi cách.
68. Cực cư Mão, Dậu, đa vi thoát tục tăng nhân
  69. Trinh cư Mão, Dậu, định thị công tế lại phần
  70. Tả, Phủ đồng cung tôn Cư vạn thừa
  71. Liêm Trinh, Thất Sát lưu đặng thiên nhai
  72. Đặng Thông, Cơ, Tử vận phùng Đại Hao chi hương
  73. Phu Tử tuyệt lương, hạn đao thiên thương chi nội
  74. Linh, Xương, La, Vũ hạn chi đầu hà
  75. Cự, Hỏa, Kinh Dương chung thân ải tử
  76. Kim lý phùng Không, bắt phiêu lưu tức chủ tật khổ.
- 
70. Sao Tử, Tham thủ Mệnh, gặp Khôi, Việt, Tả, Hữu và thêm hung tinh thì đi tu có thể làm đến hòa thượng (Cực tinh : Tử Vi)
  71. Sao Liêm Trinh ở Mão, Dậu gặp Quý tinh thì làm nên văn chức, nếu gặp ác sát tinh hay bị hình ngục
  72. Thìn, Tuất hai cung an Mệnh có Tả, Phù, Thiên Phủ gặp quý tinh rất tốt.
  73. Sao Liêm, sao Sát ở Tị, Hợi gặp Kiếp, Kỵ người lưu lạc, phong trần.
  74. Đặng Thông Mệnh ở Tý ngộ Đại Hao đi đến hạn ác sát tinh bị chết đói.
  75. Đức Khổng Tử hạn đi đến Thiên thương ngộ Hao bị đói
  76. Bốn sao kể trên người tuổi Tân, Nhâm, Ất đại tiểu hạn gặp nên đề phòng sông nước.
  77. Ba sao kể trên lâm vào Thân Mệnh, đại tiểu hạn ngộ thêm sao xấu, thì tự tử (thất cổ).
  78. Mệnh vô chính diệu ngộ Thiên Không, không có cát tinh phù chiếu, chẳng phiêu lưu tất cũng nghèo hèn.
  79. Mã đầu đời kiếm, phi yếu triết tắc chủ hình thương
  80. Tí, Ngọ, Phá quân gia quan tiến lộc
  81. Xương, Tham cư Mệnh phần cốt túy si
  82. Triều đầu ngưỡng đầu, tiền Lộc vinh xương
  83. Văn quế văn hoa, cữu trùng quý hiển
  84. Đơn trì quế trì, tảo toại thanh âm chi chi
  85. Hợp lộc cộng Lộc, định vị cư kích chi thần.
- 
79. Kinh Dương ở Tý, Ngọ, Mão, Dậu. Mệnh đóng ở đó thêm Ác sát tinh, nếu không chết non thì cũng bị tù tội hoặc sẹo vết, Kinh Dương ở Ngọ thì độc hơn cả : còn Đà La ở Dần Thân, Ty, Hợi thì không việc gì nếu ngộ Mã là người mưu trí tài cán.
  80. Sao Phá Quân đóng Ty, Ngọ thêm Cát tinh rất tốt
  81. Mệnh ở Tham, Liêm cư Ty, Hợi ngộ Xương Khúc, Hóa Kỵ hoặc thêm Ác sát tinh thì người đó bị lang (chân tay) hay bạch tạng.
  82. Thất Sát, Tý, Ngọ, Dần, Thân chiếu Mệnh là triều đầu, ở Mệnh là ngưỡng đầu thêm Quý tinh rất tốt.
  83. Văn Xương là văn Quế, Văn Khúc là văn hoa, đóng ở Sửu, Mùi, an Mệnh thêm Quý tinh thì tốt, gặp Ác tinh thì vô vị
  84. Đơn Trì là Thái Dương ở Mão, Thìn, Tị : Quế Trì là Thái Âm đóng ở Dậu, Tuất, Hợi : trong các cung ấy mà an Thân Mệnh gặp Xương Khúc, Khôi, Việt thì sớm thành danh.
  85. Mệnh một Lộc, Dzi một Lộc hoặc cả hai Lộc thì làm quan võ to.

- 
86. Âm Dương hội Xương khúc, xuất thế vinh hoa.
87. Phụ bật ngộ Tài cung, y bài chữ tử
88. Cự, Lương tương hội Liêm Trinh tịnh hợp lộc uyên ương nhất thế vinh
89. Vũ Khúc nhân cung đa thủ nghệ, Tham hãm địa tác trừ nhân
90. Thiên Lộc triều viên thân vinh quý hiển (Thiên Lộc : Lộc Tôn)
91. Khôi tính lâm Mệnh vị liệt Tam Thai
- 
86. Mệnh có Âm Dương mà Xương Khúc chiếu, hoặc có Xương Khúc mà Âm Dương chiếu thì tốt.
87. Cung Tài và cung Quan, gặp Tả, Hữu phùng Lộc thì khác nào như người mặc áo gấm thêu hoa.
88. Bốn vị sao trên ở Thân Mệnh hoặc phu thê thì khác nào như chim uyên, chim ương hội hợp.
89. Vũ Khúc cư Ty, Hợi là người làm công nghệ tốt, mà Tham, Liêm cư Ty, Hợi gặp Sát tinh thì xấu (trừ nhân : người bỏ đi).
90. Người tuổi Canh, Thiên, Lộc ở Thân, tuổi Giáp ở Dần; tuổi Tân ở Dậu; tuổi Ất ở Mão chiếu Thân Mệnh thì gọi là Thiên Lộc Triều viên cách; còn Lộc Tôn ở Tị, Hợi, Ngọ, Tý không gọi là Triều viên được, nhưng cũng tốt.
91. Mệnh cư Ngọ gặp Khôi, Việt, Xương Khúc người tuổi Tân là kỳ cách.
92. Vũ Khúc cư Càn, Tuất, Hợi, thượng tối phá Thái âm phùng Tham Lang
93. Hóa Lộc hờn vi, hảo hươu hưởng mộ trung tàng
94. Tí, Ngọ, Cự Môn thạch trung ẩn ngọc
95. Minh Lộc ám Lộc cấm thượng thêm hoa
96. Tử Vi Thìn Tuất ngộ Phá Quân, phú nhi bất quý, hữu hư danh
97. Xương khúc, Phá quân phùng Hình khắc đa lao khổ.
98. Tham, Vũ mộ trung cư tam thập, tổng phát phúc.
- 
92. Vũ Khúc ở Tuất, Hợi, lục hợp có Thái Âm, Tham Lang chiếu, thêm Hóa Kỵ và Sát tinh thì không tốt, thiếu niên lận đận; nếu gặp Hỏa tinh thì người tuổi Giáp, Kỷ, Nhâm hợp cách.
93. Vũ, Tham cư Thìn, Tuất, Sửu, Mùi ngộ Lộc phú quý sớm cũng không bền.
94. Sao Cự Môn đóng ở Tý, Ngọ cần nhất có Khoa, Lộc ở Dần, Tuất, Thân, Thìn chiếu thì mới quý.
95. Như tuổi Giáp, Mệnh lập tại Hợi gặp Hóa Lộc tức là Lộc Tôn ở Điền Trạch hoặc Mệnh lập tại Dần, cung Hợi có Hóa Lộc, chẳng khác gì người mặc áo gấm thêu thêm nhiều cánh hoa đẹp.
96. Tử Vi ở Thìn Tuất thì chỉ có phú không có quý, hoặc có quý không có phú, hoặc cái danh ấy không được bền.
97. Phá Quân đóng Thìn, Tuất, Mão, Dậu, gặp : Xương, Khúc, Hình, Kỵ thì đường đời bị lao tâm khổ trí.
98. Tham, Vũ, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi ngoài ba mươi tuổi mới phát đạt.
99. Thiên Đồng Tuất cung vi phản bội. Đinh nhân hóa cát chủ đại quý
100. Cự Môn Thìn, Tuất vi hãm địa, Tân nhân hóa cát lộc tranh vinh.
101. Cơ, Lương, Dậu thượng hóa cát già trúng ngộ Tài cung dã bất vinh

102. Nhật, Nguyệt tối hiêm nghi bối nãi vi thất huy  
 103. Thân mệnh định yếu tinh cầu khủng tu phân số  
 104. Âm gốc duyên mền táng bách phúc, chí ư hãm địa bất tào thương  
 105. Mệnh thực, vận kiên, cảo điền đắc vũ.
- 
99. Thiên Đồng cư Tuất cách thi rất hãm; trái lại đối với người tuổi Đinh lại tối qui (nếu Thiên Trường gặp Ác sát tinh ở cung ấy thì đi tu là hơn).  
 100. Cự Môn đóng ở Thìn, Tuất rất hãm; nhưng đối với người tuổi Tân thêm Lộc nữa thì trái lại rất tốt; nhưng phú quý ấy cũng bị nhiều phen thăng trầm.  
 101. Cơ, Lương đóng ở Dậu, Mão mà cung Tài ở đấy buôn bán rất tốt.  
 102. Sao Nhật, Nguyệt lạc hãm bị mất vẻ sáng nhưng gặp Tam Không lại sáng ra.  
 103. Một khi đã an Thân, Mệnh xem cái cung ấy có hợp mệnh không có gặp Tràn sinh, Đế vượng hay lại gặp phải sao Tử, Tuyệt.  
 104. Tuy rằng gặp vận hạn xấu thật, nhưng nếu mình ăn ở phúc hậu thì cái hạn đó chắc cũng bớt đi được một vài phần.  
 105. Mệnh tốt, vận tốt thì tựa như là cỏ ruộng gặp mưa.  
 106. Luận Mệnh tất suy tinh, thiện, ác, Cự, Phá, Kinh dương tính tất cương  
 107. Phủ, Tướng, Đồng, Lương tính tất hảo, Thất, Kiếp, Không, Tham tính bất thường.  
 108. Vũ, Phá, Trinh, Tham xung hợp khúc toàn cố quý; Dương, Đà, Thất Sát tương tạp ngũ kiến tắc thương  
 109. Tham Lang, Liêm Trinh, Phá Quân ác; Thất Sát, Kinh Dương, Đà La hùng  
 110. Hỏa tinh, Linh tinh chuyên tác họa; ngộ Kiếp, Không, Thương Sứ họa trùng trùng  
 111. Cự Môn Kỵ tinh giai bất cát vận, Thân, Mệnh, hạn; Kỵ : tương phùng.
- 
107. Phàm xem Mệnh người ta, phải xem sao thiện, sao ác thế nào nếu mà có các sao Kinh Dương, Phá Quân và Cự Môn đắc địa thì tính nét người ấy tất hiền ngang, can trường và anh hùng.  
 108. Các sao Phủ, Tướng, Đồng, Lương, tính nét hiền lành, phúc hậu, nếu gặp phải Ác sát tinh như Địa Kiếp, Thiên Không lại là người tham lam tính nét không được đĩnh chính.  
 109. Vũ, Phá, Trinh, Tham gặp Cát tinh thì hay; Thất Sát ngộ Dương, Đà hãm địa thì xấu.  
 110. Các sao kể trên đắc địa gặp Khoa Quyền, Lộc thì mới hay.  
 111. Gặp các sao kể trên hãm địa thì xấu (tang thương) tán tài  
 112. Thìn, Mệnh và hạn gặp Cự Môn, Hóa Kỵ rất xấu.  
 113. Cánh hiêm Thái Tuế Quan Phù chi quan phi khẩu thiết quyết bất không  
 114. Điều khách, Tang môn hựu tương ngộ quản giáo tai bệnh tương tương phùng.  
 115. Thất Sát thủ Thân trung thị yếu bản, Tham Lang nhập Mệnh tất vi Xương

116. Tâm hảo Mệnh vi diệc chủ thọ : tâm (độc) Mệnh bạc diệc yếu vong.  
 117. Lộc đảo, Mã đảo kỵ Thái Tuế chi hợp Kiếp, Không.
- 
113. Gặp Quan Phù, Thái Tuế giữ gìn miệng tiếng nếu không tất phải kiện cáo.  
 114. Gặp các sao kể trên hay bị ốm đau, tang thương  
 115. Thân Mệnh có gặp Thất Sát, Tham Lang gặp sao xấu thời quá xấu.  
 116. Người có Tử Vi hoặc Chính tinh đắc địa thì thọ ; người có sao xấu ở Mệnh cũng cần phải ăn ở đứng đắn thì không lo gì? Tóm lại, số tốt hoặc số xấu, cũng cần phải tu nhân tích đức thời được bền.  
 117. Lộc Tồn, Thiên Mã ngộ sao Thái Tuế hoặc Kiếp Không thì không tốt.

### CHƯƠNG THỨ BA

#### CÁC BỘ BẢNG TINH ĐẸP VÀ HẠN ĐẸP

(ở Mệnh và chiếu Mệnh Thân)

1. Long, Phượng, Hổ, Cái (Tứ linh) : bệ vệ ?
2. Riêu, Y, Long, Phượng : phong lưu
3. Thanh Long, Hóa Kỵ : bệ vệ
4. Bạch Hổ ngộ Phi Liêm : oai dũng
5. Bạch Hổ hàm kiếm (Thiên Hình cư Dần) : oai dũng
6. Bạch Hổ, Tấu thư (Hổ đội hàm sắc) : văn chương
7. Bạch Hổ, Kinh Dương : oai vệ
8. Tiền Cái, hậu Mã (Mệnh ngồi giữa) : oai vệ
9. Tiền Hình, hậu Ấn (Mệnh ngồi giữa) : oai vệ
10. Giáp Long, giáp Hổ : oai vệ
11. Mã ngộ Khốc, Khách : oai vệ đứng đắn
12. Mã ngộ Tràng Sinh : phong lưu
13. Mã ngộ Hình, Khốc : oai vệ
14. Quân thần khánh hội (Tử Vi phùng Tả, Hữu, Long, Phượng) quý cách.
15. Hỏa phùng Tuyết (2 sao cùng ở cung Hợi) : dũng cách
16. Xuất Tướng, nhập Tướng (Mệnh 1 Tướng, ngoài 1 Tướng chiếu) : dũng cách
17. Nội Tướng ngoại Binh : oai cách
18. Binh, Hình, Tướng, Ấn : vũ cách
19. Quang, Quý, Thanh, Việt, Cái, Hồng : thượng cách
20. Tử, Mã nhất ban (Tử Vi, Thiên Mã đồng cung) : thượng cách
21. Lộc phùng Đào, Hồng, Tả, Hữu : phú quý cách
22. Lộc, Mã, Tướng, Ấn : phú quý cách
23. Tuế phùng Xương Khúc : văn chương
24. Long, Hổ hội (Thanh Long Bạch Hổ cùng ở Mệnh) : oai cách
25. Khôi, Khoa cách (2 sao cùng ở Mệnh) : văn cách
26. Quyền, Sát cách: vũ cách
27. Cơ, Quyền cách : quyền biến
28. Tham, Khoa cách : quyền biến
29. Tham, Đà cách (phong lưu; cư Dần tối quý)

30. Quang, Quý, Sửu, Mùi : quí cách
31. Xương, Khúc đồng cung : phong lưu
32. Tọa, Khôi hướng Việt : văn chương
33. Khốc, Hư, Tí, Ngọ : oai dũng
34. Thai, Tọa đồng cung : bệ vệ
35. Tả, Hữu, Long, Phượng : phong lưu
36. Đế ngộ Quần thần (Tử Vi ngộ Khoa, Quyền, Lộc) : thượng cách
37. Cự, Cơ ngộ Song Hao (Tí, Ngọ, Mão, Dậu) : thượng cách
38. Thần đồng phụ nhĩ (Tử vi ngộ Tấu thư) : thông minh
39. Nhật trâm Thủy để (Thái Dương cư Hợi) : văn chương
40. Văn vũ toàn tài (Xương với Liêm, Khúc với Vũ Khúc)
41. Thiềm cung triết quế (Long, Phượng, Xương, Khúc, Sửu, Mùi) : thượng cách
42. Tham ngộ Tràng sinh (thọ)
43. Nhật xuất phù Tang (Thái Dương Mão gặp Tang môn) : thượng cách
44. Nhật, Nguyệt giao huy (Mệnh ở Mùi; Âm, dương đắc địa Mão, Hợi chiếu) : thông minh
45. Kiếp, Không, Tị, Hợi ngộ Quyền : oai dũng
46. Tử, Phá, Kinh, Đà : oai quyền
47. Linh Hỏa phùng Tham : oai quyền
48. Khánh văn phùng Nhật, Nguyệt (Hóa Ky gặp Âm, Dương đắc vị : mây 5 thứ châu mặt trăng mặt trời) : thượng cách
49. Các cách kể trên ở Mệnh, Thân, Phúc đức rất tốt, ngộ Tuần, Triệt giảm hay.

### BỘ XẤU VÀ HẠN XẤU

1. Hình, Hao ngộ Kiếp, Sát : hao tán, ốm đau
2. Tuất, Phá, Hóa Ky : miệng tiếng, cãi nhau
3. Riêu ngộ Phá tóai : ốm đau, khẩu thiệt
4. Việt ngộ Linh tinh : đề phòng điện, lửa
5. Hỏa tinh ngộ Mộc dục : đề phòng nước nóng, dầu sôi
6. Hồng Loan ngộ Địa Kiếp : tang thương, tình duyên trắc trở
7. Tang Môn ngộ Hỏa: tang thương, hỏa hoạn.
8. Tràng sinh ngộ Triệt : công vụ trắc trở
9. Tướng, Phá, Ấn ngộ Triệt : công vụ đề phòng tiểu nhân ám hại, vu khống
10. Thai ngộ Kiếp, Sát : khó đẻ, thai nghén bất an
11. Mộc dục ngộ Kiếp, Sát : -- -- --
12. Quan đới ngộ Linh Hỏa, Kiếp : nhiều truyện bực mình chớ nên chán nản.
13. Khúc ngộ Thiên thương : khoa trường lận đận
14. Xương ngộ Thiên Sứ : -- -- --
15. Long Trì ngộ Thái Dương : hạn đau mắt
16. Hao ngộ Thiên thương : nạn đói
17. Hao ngộ Tuyệt : đại phá sản
18. Lưu hà ngộ Kinh, Kiếp : đao nghiệp hình thương
19. Kinh, Ky ngộ Kiếp : -- -- --

20. Mã ngộ Triệt : hạn ngã, hoán cải chỗ ở
21. Hao ngộ Phá Quân : đại tán tài
22. Tử Vi ngộ Địa Kiếp : ốm đau, mắc lừa
23. Thiên Phủ ngộ Tam Không : hao tán
24. Thiên Lương ngộ Hỏa : hao tán, ốm đau
25. Thất Sát ngộ Hao : tang thương, ốm đau
26. Cự Môn ngộ Kỵ : đề phòng đi sông nước, nhiều chuyện bực mình
27. Liêm Trinh Tị, Hợi, Sửu, Mùi ngộ Linh Hỏa : đề phòng xuất ngoại, tiểu nhân lừa dối.
28. Cơ ngộ Thương sứ : ốm đau, chớ nên gây sự đánh nhau
29. Cơ ngộ Tang, khốc : ốm đau, tang thương
30. Tham ngộ Riêu, Kỵ : đề phòng đi sông nước
31. Phá, Liêm ngộ Hỏa : hạn hình tù, phá tài
32. Kỵ, Kinh, Hợi, Tí : chớ nên tranh cạnh; nhiều chuyện rắc rối
33. Đà, Hỏa, Linh, Hợi, Tí : -- -- --
34. Hổ ngộ Riêu : đề phòng súc vật cắn đá
35. Tang, Đào (Đào ở Mệnh, Tang ở Phụ mẫu : hạn đàn bà góa, hoặc vợ chồng chia ly)
36. Việt ngộ Linh, Hình : đề phòng sấm sét, điện lửa
37. Tham Lang ngộ Hổ : đề phòng súc vật cắn đá
38. Kinh, Đà, Không, Kiếp : tán tài, tang thương
39. Kỵ ngộ Đà La : nhiều chuyện bực mình
40. Thiên không ngộ Kiếp : phá tán, mọi chuyện bất nan thành
41. Tướng Quân ngộ Tử, Tuyệt : xuất ngoại bất lợi
42. Hồng ngộ kị, Cơ, tở duyên rắc rối
43. Cơ, Lương, Thái Tuế ngộ Tang : ngã, đề phòng leo trèo
44. Tuế, Đà ngộ Kiếp Sát : xuất ngoại đề phòng
45. Tướng ngộ Không, Kiếp : công việc rắc rối
46. Quan Phù ngộ Thiên Hình : đề phòng quan tọng
47. Kinh Dương ngộ Kiếp, Hoa Cái : lên đậu sởi, đánh nhau
48. Táng ngộ Hư, Khốc : tang thương, súc vật chết
49. Phá ngộ Hình, Kỵ : chớ nên gây sự đánh nhau
50. Hổ, Đà ngộ Kỵ : xuất ngoại đề phòng
51. Tuế ngộ Thiên Hình : quan phi khẩu thiệt
52. Kinh, Đà ngộ Mã : bốn ba hoán cải
53. Kinh Dương ngộ Riêu : hạn gẻ lở mụn nhọt
54. Thái Tuế ngộ Đà : nhiều chuyện bực mình
55. Hạn Liêm trinh, Tị, Hợi : đề phòng mọi chuyện giao du
56. Thai ngộ Mã : bốn ba, hoán cải
57. Mã ngộ Đà La : bốn ba, hoán cải
58. Kiếp, Không ngộ Hao, Quyền : bị rèm pha về chức vụ
59. Tham ngộ Song Hao : thất vọng về tình duyên, ai oán về tiền bạc

60. Cơ, Khốc, Hỷ, Kinh : trong nhà không có hòa khí  
 61. Linh phùng Sát Phá : quan phi khẩu thiệt  
 62. Cơ, Cự ngộ Hỏa, Kinh, Thương Sứ : tang thương, ốm đau, khẩu thiệt, quan tụng  
 63. Tướng, Phá, Phục hội Thai Riêu : hạn đòn bà, chớ nên cả nghe mà bị lừa; tình duyên rắc rối  
 64. Âm, Dương ngộ Kinh, Kỵ : hạn đau mắt, phụ mẫu bất an  
 65. Tang ngộ Không, Khốc : hạn thay đổi hoán cải, tán tài.

Các cách kể trên, xem Phú ma Thị thời rõ nghĩa hơn, tuy xấu; nhưng gặp Quan, Phúc quý nhân, Thiên, Địa, Giải, Thần; Thiên Nguyệt, Đức, Phúc đức tinh và Hóa Khoa khả giải.

### HÌNH TƯỢNG NGƯỜI

- Phi Liêm : tóc  
 Thiên Khôi : đầu  
 Thiên Tướng : mắt  
 Thái Dương : mắt bên phải  
 Thái Âm : mắt bên trái  
 Tam Thai : trán  
 Long trì : mũi (ngộ Kinh, mũi sống trâu, ngộ Khốc Hư, thì trĩ mũi đi đôi với Thái Dương, hay đau mắt).  
 Cự Môn : cằm  
 Hóa Kỵ : lưỡi  
 Thiên Đông : má  
 Tuế Phá : răng (ngộ Kinh : răng vẩu, ngộ Khốc Hư, răng sâu, sún)  
 Bát Tọa : cằm  
 Hóa Lộc : râu (Tham Lang ngộ Lộc : râu quai nón)  
 Phượng Các : tai (ngộ Kiếp, Kinh, diếc)  
 Lâm Quan : cổ  
 Phá Toái : cuống họng  
 Tả Hữu : 2 vai  
 Thiên Việt : 2 bả vai  
 Đế Vượng : lưng  
 Tham Lang : nách  
 Vũ Khúc văn khúc : 2 vú  
 Văn Xương : bụng  
 Thai : rốn (âm hộ)  
 Thiên Riêu : lông  
 Vũ Khúc : nốt ruồi (ngộ Hồng Loan : nốt ruồi đỏ)  
 Thiên Hình : da (vết sẹo)  
 Hỷ Thần : hậu môn (lỗ đít)  
 Thiên Mã : chân tay (ngộ Triệt Tuần : chân tay què tật)  
 Kinh Dương : dương vật  
 Bạch Hổ : xương cốt, máu

Hóa Quyền : 2 gò má

Hoa Cái ngộ Kiếp, Hình : mặt đỏ

Tất cả các sao kể trên đóng ở Mệnh, Giải ách, hoặc Lục hợp mà ngộ Kinh, Hình, Kỵ : hay bị sọc vết về bộ phận đó.

### ĐỒ DÙNG

1. Thiên y : quần áo
2. Thai, Tọa : đồ đạc
3. Hồng Loan : vải vóc
4. Thiên Cơ : máy móc
5. Thiên Hình : dao, kéo, gương, đao
6. Kinh Dương : tràng, đục, búa
7. Thiên Tướng : bút
8. Quốc Ấn : ấn, triện
9. Tấu thư : giấy
10. Đà La : mực
11. Quang quý : bài vở
12. Khôi, Việt : văn bằng
13. Vũ, Khúc, Tấu thư : nhạc khí (đàn nhị, sênh tiền)
14. Thiên Mã : ngựa xe
15. Thiên Khốc : cái nhạc, chuông

### TỬ VI CÔNG DÂN

Để xem, đoán; làng mạc, đình chùa; tiếc rằng sách vở thất lạc, tiện đây tôi cũng bàn qua để các bạn hiểu.

Thí dụ : Nếu có người, đến xem nội tình của làng họ ra sao; bạn cứ việc, lấy ngay : năm, tháng ngày, giờ lúc đó mà đặt số tử vi, còn âm nam hay dương nam, âm nữ dương nữ tùy theo âm dương của người xem. (còn tuổi là năm hiện tại đó).

### CÁCH ĐOÁN

Tử Vi : đình, thần hòang

Thiên phủ : phủ điện, vua bà

Thái Âm : chùa

Liêm Trinh : bụt

Hóa Quyền : đức ông, lý trưởng

Khôi, Việt : sư, thầy tự, ông giáo dạy trong làng

Thiên Đông : bụt đất, đá

Hoa Cái : bát hương, lọng

Thất Sát : thanh kiếm

Xương, Khúc : hoành phi, câu đối

Thiên Mã : ngựa

Kinh Dương : voi

Long, Phương : đồ gỗ chạm rồng phượng, hoặc bằng vôi xây

Cự Môn : làng (gặp Xương, Khúc : làng có trường học gặp Tả, Hữu, Đào, Hồng, Lộc có chợ

to)

Thiên Tướng : ấn, hòm sắt

Thiên Lương : miếu thờ thần

Long Trì : ao, giếng

Bạch Hổ : chó đá, thạch tinh

Thiên Cơ : cây cối, cầu quán

Vũ Khúc : lộ bộ thờ thần (hoặc chuông khánh đồng)

Hong Loan, Thiên Hỷ : vàng trang sức, thờ thần

Đào, Hồng, Hoa, Hỷ : đai màn, quần áo của thần

Đà La : cái mỗ cầm canh

Những sao kể trên, gặp Khốc Hư, Tang Hổ, Song Hao; Linh, Hỏa, Kinh, Đà, Không, Kiếp, Riêu, Kỵ và Kiếp Sát hãm thời bị : hư nát, mất cắp, hỏa tai, ma tà phạm tới.

### CÁC SAO VỀ GIÀ, KHI TỔNG CHUNG

Cự Môn : áo quan

Tả, Hữu : đồ tùy

Đào Hồng : đèn nến

Hóa Kỵ : phượng du, cây phước, chén thuốc

Hoa Cái : lọng

Quan đới : giấy thờ

Tấu Thư : giấy phủ mặt

Đường Phù : đồ tiệm

Quốc Ấn : vàng bạc bỏ vào áo quan

Thiên Khốc : phường kèn

Thiên Hư : gậy chống

Xương Khúc : câu đối, trường biển

Khôi, Việt : ông sư, thầy địa lý để đất

Điếu Khách : khách đến phúng viếng

Bạch Hổ : quần áo trở

Tang môn : xe tang, đòn tang

Thiên Mã : ngựa kéo xe tang

Tử, Phủ, Vũ, Tướng : đồ lộ bộ

Sát, Phá, Liêm, Tham : minh tinh, long đình, nhà táng

LỜI BÀN : Số thượng lưu về già gặp các sao kể trên : tất đám ma to

Số nghèo hèn, gặp lục sát tinh : tất đám ma nhỏ

VẬY : người giàu, về già, gặp đa quý tinh : đáng lo

Người nghèo, về già, gặp đa hung tinh : đáng buồn

Cần xem Thân, Mệnh, Phúc đức : mà đoán

Sợ nhất là gặp Thiên Không, Đào, Hồng, Cơ, Cự và Lộc Tồn

CHÚ Ý : khi nhắm mắt, không gặp Khôi, Việt : tất không gặp con trưởng.

### CÁC THỨC ĂN

Khi bạn được mời đi ăn cỗ; bạn đặt luôn lá số, lấy năm, tháng, ngày, giờ ngay lúc có giấy mời; bạn sẽ được biết bữa ăn đó có món gì; hoặc gỡ số Tử Vi mà xem nguyệt hạn, các bạn thử thí

nhịệm xem có đúng không ? Nhất là : nguyệt hạn gặp sao Thiên Trù, Thiên Quan, Thiên Phúc phùng Lộc hoặc Long Phượng, nếu gặp Thiên Không, thì hựt ăn, chỉ vui vẻ thôi.

1. Tham Lang : thit
2. Vũ khúc: xương
3. Thiên cơ : ngũ cốc (céréale)
4. Thiên Lương : rau
5. Thanh Long : cá
6. Đà La : cá nhỏ hồ ao
7. Phượng Các : gà vịt
8. Long Trì : hải vật
9. Tham ngộ Kỳ : thit lợn
10. Thiên Lương ngộ Linh, Hỏa : thit dê, ngựa
11. Mã ngộ Khốc : thit trâu
12. Cự Môn : thit bò
13. Bạch Hổ : sơn hào
14. Thiên Tướng : côm
15. Đà La, Đào Hoa : rượu
16. Tấu Thư ngộ Linh tinh : rượu mùi (liqueur)
17. Hỏa, Tấu hoặc cự Ky : thuốc lá, thuốc phiện
18. Thiên Phủ : tổng cộng các món ăn định soạn
19. Nhật, Nguyệt : món ăn đắt tiền; hoặc bánh trái
20. Thái Dương : thức ăn ngọt
21. Thái Âm : thức ăn mặn
22. Lộc Tôn: lòng lợn; hoặc gia vị cay
23. Hóa Lộc : gia vị đắng
24. Thất Sát: các thứ đậu nhỏ
25. Hoa Cái : các thứ đậu to
26. Lưu Hà : bún miến, trai ốc
27. Khốc, Hư, Riêu: rươi
28. Hóa Khoa : con rồng
29. Hóa Quyền : các gì còn non (bê, nghé)
30. Hồng Loan : tiết canh.

### CHƯƠNG THỨ TƯ LỊCH SỬ VỀ SỐ TỬ VI

Trần Đoàn tiên sinh; đặt ra số Tử Vi ngài sinh ở đời nhà Tùy (Trung Hoa), tu ở núi Hy Di, biệt hiệu là Hy Di lão tổ.

Cuối nhà Đường, thường chơi cờ với Triệu không Dẫn (tức Tống thái Tổ, mở ra nhà Tống); tục truyền ông Dẫn thua cờ, rồi vạch lên vách núi, cầm giấy núi Hy di cho ngài; vì thế nhà Tống không giám đánh thuế giấy núi ấy. Sau thời ngài, có những vị sau này, nghiên cứu thuật số của ngài, bổ khuyết thêm, để truyền về sau.

1. Hòang kim Sách
2. Ma Thị

3. Giã Hạc
4. Lý ngã Bình
5. Giác Tử
6. Thiệu can Tử

### PHÚ CỦA MA THỊ TIÊN SINH

*Do vị túc nho họ Bùi, người tỉnh Thanh Hóa*

#### DIỄN NÔM

Ngôi Tử Vi đóng vào chốn hãm  
 Quyền giải hạn, thiếu giảm vô uy  
 Phủ phùng Không, Sứ tài suy  
 Chung thân nan bảo, tư cơ lưu truyền  
 Mấy người phú quý nan tuyền  
 Bối sao Nhật, Nguyệt chiếu miền Sát tinh  
 Mấy người bất hiển công danh  
 Là vì Nhật, Nguyệt đồng làm Sửu Mùi  
 Song Nhật, Nguyệt hãm bên trong  
 Xương, Khúc chiếu giáp : hưng long Phúc Tài  
 Mấy người nịch tử, hỏa tai  
 Phá, Liêm gặp Hỏa ; Riêu ngôi Kỵ Tham  
 Khốc Hư ngộ hạn mạc đàm  
 Hạn phùng Không, Kiếp ai làm cho nên  
 Phượng Long Mão, Dậu đôi người  
 Vượng thời Kim bảng đề tên ở đầu  
 An quang, Thiên quý, Sửu, Mùi  
 Đường mây gặp hội danh cao bảng rỗng  
 Quan cung mừng được Đào, Hồng  
 Thiên di tốt kỵ Kiếp, Không lâm vào  
 Công danh đợi tuổi tác cao  
 Giáp Liêm, giáp sát, một hào chẳng sai  
 Giáp Bát tọa, giáp Tam thai  
 Thiếu niên dự được lâu đài nghênh ngang  
 Thiên, Nguyệt đức, có giải thần  
 Cùng là Quan Phúc, một làng trừ hung  
 Sét cho tường, chốn thủy cung  
 Kỵ tinh lạc hãm, Khoa, Đồng, Kinh dương  
 Đà đắc địa, Hỏa chiếu phương  
 Linh tinh hạn gặp tai ương chẳng lành  
 Mấy người ít tuổi công danh  
 Hồng loan, Bát tọa ở mình chẳng sai  
 Sét xem phú quý mấy người  
 Mệnh vô chính diệu trong ngoài Tam không  
 Đầu quân kỵ tử tức cung

Kiếp, Cơ tật ách phải phòng huyết hư  
 Hạn lâm Diêu Hổ khá lo  
 Những loài thú dữ chớ cho đến gần  
 Vận hành Ky, Cự hung thần  
 Phải phòng những chốn giang tân mới lành  
 Am Dương đôi ngả cho mình  
 Am tòng âm số, Dương hành dương cung  
 Hạn hành đại tiểu tương phù  
 Cát thời thịnh vượng, hung thời chuân truyền.  
 Dương, Đà sàm nhiều Mệnh viên  
 Nói hay loạn thuyết những phiền lo tai  
 Số muộn màng con trai chưa có  
 Vì Ky, Đà len lỗi Tử cung  
 Ách phùng ác sát trùng sung  
 Khí Âm lạnh lẽo chẳng cùng khí Dương  
 Hồng loan ngộ Kiếp, Không lâm thủ  
 Sá chi bàn những lũ yếu vong  
 Ky, Đà, Thái tuế, Thân trung  
 Khỏi nạn lại được thung dung mấy người  
 Phượng long, giáp Mệnh có tài  
 Trước sau vinh hiển, ra ngoài nổi danh  
 Sao Quang quý ấy Khoa tinh  
 Lâm vào Thân, Mệnh cao danh bảng rộng  
 Ngồi quý hưởng, chẳng phùng Không Sứ  
 Gặp Khoa thời, thủ cử chẳng sai  
 Giáp Nhật, Nguyệt trong ngoài Đồng Cự  
 Ấy công thành danh toại khá khen  
 Con em sạ khứ, sạ hoàn  
 Bởi sao Nhật, Nguyệt hãm ngồi Nô cung  
 Bệnh lao, đàm thấp chẳng thông  
 Bởi vì tật ách, đã phùng Kiếp, Cơ  
 Kiếp, Không hai gã khá lo  
 Lâm vào huynh đệ cô đơn một mình  
 Mẹ cha có phúc lành thượng thọ  
 Phụ mẫu cung hấn có Thiên Lương  
 Cung Thê thiệp Đồng lương hội đó  
 Hai vợ cùng, một tổ sinh ra  
 Sao Thai mà ngộ Đào hoa  
 Tiền dâm hậu thú, mấy ra vợ chồng  
 Mệnh viên gặp Kiếp, Không làm thủ  
 Kể chi bàn những lũ yếu vong  
 Ấn mang, vị liệt Công Hầu

Sao lành Tướng, Cáo hội vào mệnh cung  
 Làng có giếng bỏ không chẳng uống  
 Sao Mộc tinh, đóng ở Tật cung  
 Nhật phùng hãm ngộ lưỡng Long  
 Có người phương ý, vẫy vùng khôn lên  
 Long trì, Địa Kiếp cùng chen  
 Giếng bồi ao lấp, ở bên nhà này  
 Thiên Cơ ngộ Hỏa chẳng hay  
 Phùng Không, Kiếp Mộc nữ đầy quả lưu  
 Ngộ Hổ có thạch khuyến chiếu  
 Ngộ Dương, Đà có thạch đầu dựng cao  
 Cái rang Bạch hổ phù soi  
 Lại gia Tang, Điều thương ôi nàng tuyền (vợ chết)  
 Tang môn ngộ Hỏa sáu sao  
 Nó vào phương nào, phương ấy hỏa tai  
 Bệnh phù ngộ Thiên hình vô lợi  
 Ất có người chịu tật phong sang  
 Phụ, Vi, ở Phúc đức cung  
 Phản phu có kẻ, họ hàng chẳng không  
 Đào, Hồng, Sát, Phá, Tham, Liêm  
 Lâm vào số gái chỉ hiềm sát phu  
 Tang, Đào ở Mệnh cung sau trước  
 Gái đã đành lỡ bước cầu ô  
 Ngọc trần có vết đen tô  
 Thiên Khôi tại Tý, thủ đầu Mệnh Thân  
 Nhật, Nguyệt ngộ Đà tinh chốn hãm  
 Hóa Ky gia, mục ám bất minh  
 Việt, Linh lại có Thiên hình  
 Địa phương ất cũng đã đành lời kinh  
 Ngộ Cơ, Lương đánh gãy cành  
 Ngộ Âm, Dương ấy đã đành tan không  
 Hình, Riêu, Mệnh gái long đong  
 Vì chẳng lộc chồng, ất cũng phản phu  
 Sao Ky, Đà hội Phu cung  
 Hại chồng chước quỷ, tính đường tinh ma  
 Riêu, Đào số gái ai hay  
 Chồng ra cửa trước, giắt tay trai vào  
 Ngộ Hình, gặp Quý dám đầu (đứng đắn)  
 Cùng là Tử, Phủ một màu chính chuyên  
 Ghen đầu mà chẳng biết chôn ?  
 Tham cư vượng địa, phải nên đề phòng (hay ghen chồng)  
 Lỡ tai điếc lác lo phiền

Dương, Đà, Không, Kiếp, Cự miên Mệnh cung  
 Miệng ấp úng nói không ra tiếng  
 Vì Tuất, Đà, Riêu, Cái Mệnh viên  
 Âm, Dương, Tuần, Triệt tại tiền  
 Mẹ cha ắt đã chơi tiên thừa nào  
 Phúc đức ngộ Tang, Đào, Hồng, Hỷ  
 Họ hàng thường có kẻ yếu phu  
 Lưu Tang lưu Mã gặp nhau  
 Hạn cùng năm ấy Bò trâu chẳng lành  
 Tham Lang, Bạch hổ nào sinh  
 Dân, Tuất chốn ấy, lánh mình sơn lâm  
 Thai tinh ngộ Thái âm cung Tử  
 Con phải vì cầu tự nơi nao  
 Họ hàng có kẻ binh đao  
 Tướng, Nguyệt, Tử, Phục lâm vào Phúc cung  
 An quang phùng Đào, Hồng, Điền trạch  
 Ấy cô di lưu lại ruộng nương  
 Vợ chồng viễn phối tha phương  
 Đào, Hồng đóng chỗ vào hàng Thiên Di  
 Quan phù, Tấu, Tướng nghề gì ?  
 Mệnh phùng Tả, Hữu tăng ni kéo nào  
 Hồng Loan, Tấu, Vũ, Hỷ Đào  
 Nhạc phường ca vũ danh vào cửa quan (con hát)  
 Hình, Cơ, Khúc, tấu một đoàn  
 Trong nghề thợ mộc, khôn ngoan ai tà  
 Khéo nghề kim chỉ vá may  
 Cơ, Tang, Hồng, Phúc ở rầy mệnh cung  
 Hồng Loan ngộ Ky, Phu cung  
 Tơ hồng chưa tắt má hồng đã xui  
 Hỏa, Linh ngộ hãm Thiên Riêu  
 Ất trong mình ấy, có tà chẳng yên  
 Phụ Bật, Khúc, Tướng đồng viên  
 Ngôi cao chính viện danh truyền y quan  
 Phụ Bật ngộ Thái âm nhân (nhân; cung Hợi)  
 Gái làm bà đỡ, cứu đàn nhi sinh  
 Thiên Tài ngộ Nhật bất minh  
 Nết na lung láo, những khinh phạt, thần (bướng)  
 Tý, Sửu, Mệnh : Ngọ, Mùi nhân  
 Kiều cư ngụ sứ, chẳng gần bản tông  
 Thê cung Kiếp, Không trùng sung  
 Trái hai, ba độ mấy song cửa nhà  
 Tử cung ngộ Kiếp, Không gia

Nuôi con chẳng mát, đã ba bốn lần.  
 Khốc Hư lại ngộ Dưỡng thần  
 Sinh nhiều nuôi ít, gian truân thuở nào  
 Hiếm hoi bởi ngộ Thiên hình  
 Quý tinh trước cửa, đầy sân quế hòe  
 Không ngộ Phá, Tú thê hào  
 Vợ chồng cách trở ba tao mới thành  
 Triệt, Tuần ngộ Mã, Hình thê vị  
 Vợ bỏ chồng đào tị tha phương  
 Phá phùng Hình, Kỵ huynh hương  
 Anh em bất thuận nhiều đường khi tranh  
 Phá quân ngộ Hỏa Đà, Dương  
 Lâm vào Thìn Tuất nét thường gian phi  
 Thiên Hình, Dương Nhận Ngọ vì  
 Tại gia Kiếp sát ưu nguy hình tù  
 Điều, Đà Dương, Sát cung phu  
 Lại thêm Linh Hỏa vợ lo giết chồng (phụ bạc)  
 Hoa Cái, Phượng Các, Đào Hồng  
 Trai toan nể vợ, trong lòng khôn khuây  
 Trai bất nhân Phá Quân Thìn Tuất  
 Gái bạc tình, Tham Sát nhà cung  
 Hạng phùng Điều, Hỷ, Đào, Hồng  
 Gái trai mà tưởng trong lòng dâm phong  
 Quan phù, Thái tuế vận phùng  
 Tháng ngày châu chực cửa công bồn chồn.  
 Cơ, Lương, Thái tuế, tang môn  
 Lâm vào chốn hãm, càn con chớ trèo  
 Kỵ, Đà, Sát, Ach liền theo  
 Qua sông vượt bể ba đào chớ đi  
 Tướng hãm phùng Không, Kiếp vì  
 Làm quan thời phải cách quan mà về  
 Phù, Hình, Không, Kiếp khả chê  
 Kẻ thù người ghét, toan bề nghịch hung  
 Thai tinh, Long, Hỷ vận này  
 Vợ thời thai dựng đến ngày khai hoa  
 Kinh Dương, Hoa Cái ngộ Đà  
 Hạng hành năm ấy, đậu hoa phải phòng (lên đậu)  
 Phục binh, Tuế, Kỵ, Kiếp Không  
 Cùng người tranh cạnh, trong lòng chẳng nguôi  
 Khoa, Quyền, Lộc, Mã, Văn, Khôi  
 Công danh thành toại đến hồi hiển vinh  
 Khốc Hư ngộ Tang chẳng lành

Thương người hại của chẳng yên được nào  
 Kiếp, Hư, Hình, Ky, Đà, Dương  
 Gian nguy tật bệnh, dở dang ngại dần  
 Vận phùng Lộc, Mã cùng lưu  
 Dương, Đà, Ky, Nhật mắt đau phải phòng  
 Ngại hiểm Mã ngộ Không vong  
 Gặp sao Tả, Hữu hạn phùng cả đôi  
 Hỏa, Linh, Trì, Mộc cùng soi  
 Lánh mình lửa cháy, nước sôi phải phòng  
 Hổ, Đà, Ky, Nhàn tàn toan  
 Đề phòng chó dại, hãm thiêng dậy toàn  
 Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Quả, Loan  
 Hôn nhân vận ấy, ứng hàn thất gia  
 Lương phục, Vũ ở tòa Ngọ vị  
 Vận gặp thời, chức trị Quản binh  
 Dậu cung Thái tuế, Thiên hình  
 Tai sinh họa chí, dị sinh công cùm  
 Quan, Không, trùng kiến, Võ, Tham  
 Đường mây thuở ấy đã cam bốn trì  
 Khốc, Hư ở Tí, Ngọ vì  
 Quan cung lại gặp tiếng thời đồn xa  
 Dần, Thân, Ky, Sát (Kiếp sát) trùng gia  
 Thương chiêu đả nhục, thực là gian nan  
 Vợ giàu của cải muôn vàn  
 Thái Âm ngộ Đức, An quang, Mã, Đồng  
 Thiên Hình, Sát, Hổ Tử cung  
 Đến già không thấy tay bông con thơ  
 Sinh con những giống ngẩn ngơ  
 Tử cung, đối chiếu Sát, Đà, Kiếp Không.  
 Cơ, Lương, Lộc Mã đồng cung  
 Phú gia dịch quốc của dùng siết đầu  
 Ngồi cao chức trọng công hầu  
 Mệnh phùng Quyền Sát ở đầu Ngọ cung  
 Hình lâm Quan Lộc cư Đồng (Dần, Mão)  
 Quản binh dẫn chức ân hồng quân vương  
 Quan cao chấn ngự biên cương  
 Ngọ cung kiến Sát, tử, Lương, Vũ, Đồng  
 Khôi, Lương, Thành, Việt, Cái, Hồng  
 Trai cậu cừu trùng, gái tặc cung phi  
 Hồng, Khôi, Xương, Tấu, phù trì  
 Sân rồng kéo bằng, danh đề ở cao  
 Kỵ gia ở cửa màn đào (cung Tí)

Làm nghề thuật sĩ, phong lưu nuôi mình  
 Thê, Nguyệt đức ngộ Đào tinh  
 Trai lấy vợ đẹp, gái lành chồng sang  
 Trong ngoài mà có Âm Dương  
 Ba lần danh dự một làng quan giai  
 Khôi, Việt, Quyền, gia trong ngoài  
 Trưởng nam, trưởng nữ gái trai đồng lần  
 Mệnh, Hóa Ky, tật Mộc, thân  
 Âm tì, nang thấp, nhiều phần chẳng sai  
 Lộc, Hồng của vợ, lấy đem làm giàu (cung Thê)  
 Sát phùng Phù, Hổ hay đầu  
 Dạ, Tràn thừa ấy âu sấu ngọc trung  
 Dương, Đà ngộ Mã tai sung  
 Những lo, đánh bắc, đẹp đông chẳng rồi  
 Thiên di bầy Mã binh ngồi  
 Đông trì, tây tẩu, pha phôi cõi ngoài  
 Kiếp Không lâm vào phúc tài  
 Luận chưng số ấy sinh lai khó hèn  
 Triệt, Tuần đóng ở cung Điền  
 Tư cơ cha mẹ không truyền đến cho  
 Kiếp, Không gian phỉ quanh co  
 Đề phòng kéo phải lộ đồ khám kha (lữ độ đường)  
 Hỏa tinh ngộ hãm oan gia  
 Hiệu là lửa cháy mấy hòa khỏi tai  
 Đại hao lâm vào Phúc tài  
 Tán nhiều, tụ ít, mấy ai nên giàu  
 Tử cung Không, Kiếp trùng giao  
 Bệnh phùng huyết tán thai bào phù hoa  
 Tật cung Hóa Ky cùng gia  
 Dương, Hư chứng ấy, ắt là hiếm con  
 Dương, Riêu bệnh ghẻ phòng môn  
 Tuất, Đà, loạn thuyết xuất ngôn chiêu nần  
 Mệnh Đào, Thân tại Hồng Loan  
 Vận phùng Tuất, Kiếp đả hoàn thê nhi  
 Hạn lưu Tuất Mệnh một vi  
 Gặp chưng năm ấy, vận thời gian nan  
 Tham, Liêm, Tị, Hợi chớ bàn  
 Văn vương thuở nọ, tân toan ngục tràng  
 Dẫn, Thân, Xương hội Tham Lang  
 Vận ông Quán trọng phải vào nhà Linh (hạn tù)  
 Kiếp, Không nhị vị khả ưu  
 Gặp sao Thiên giải nhẽ cầu lại yên

Phá phùng Mão, Dậu khá phiền  
 Thấy sao Nguyệt Đức tế liền lại qua  
 Lao đao sớm tối bơ vơ  
 Mệnh cung Cơ, Kỵ hẳn ra nhị vì  
 Long đong đông tẩu, tây trì  
 Chẳng qua Thiên Mã Thiên Di hãm nhân  
 Chơi bờ du thủy, du sơn  
 Thiên Di gặp Mã hợp chàng Đà La  
 Vợ chồng nay giận mai hòa  
 Phục binh, Hóa kỵ một tòa thê cung  
 Khôn giò siết nổi sâu nông  
 Sửu, Mùi, Tham, Vũ hội đồng Khúc Xương  
 Tí cung Thiên Phủ, Kiếp, Dương  
 Cuồng ngôn loạn ngữ nhiều đường loanh quanh  
 Thìn, Tuất, Thất Sát một mình  
 Gia trùng sung hạn, khôn thành hung phương  
 Kỵ tinh Xương Khúc đồng hương  
 Nhan hồi số ấy nghĩ càng thêm thương (yếu tử)  
 Bệnh Phù, Thái Tuế rõ ràng  
 Sửu, Mùi, Thìn, Tuất gặp Lương lại lành  
 Thiên Đồng cư Ngọ ngộ Kinh  
 Một phương hùng cứ tiếng tăm anh hùng  
 Cây đào mọc ở Nô cung  
 Vong phu mắc tiếng, bất chung cùng chồng  
 Phúc cung ngộ hãm Kiếp, Không  
 Hộ hàng nhiều kẻ hành hung phi loài  
 Phá quân sao ấy tán tài  
 Lâm trạch bán hết lưu lai tổ điền  
 Tiểu hạn Cự, Vũ, Hóa, Quyền  
 Chiếu hoa chấn thủ một bên phương ngoài  
 Mộ phùng Tả Hữu đồng lai  
 Thăng quan tiến chức miếu đài nổi danh  
 Việt, Khôi, Trì, Cúc, Vân tinh  
 Vào thi, ất hẳn bề càn quế hoa  
 Sát phùng Tồn, Tử giải qua  
 Một sao Kỵ đóng, ất là tối tăm  
 Thiên Lương ngộ Hỏa chiếu lâm  
 Hại người tổn vật, âm âm tai ương  
 Hãm tinh gia lại hãm Dương (Thái Dương)  
 Chẳng sinh kiện sự, thời thương thung đường (bố chết)  
 Sửu, Thương, Cơ, Hỏa, Cự, Dương  
 Suy người, hại cửa, nhiều phương ưu phiền

Kiếp, Không, Hao lại gặp quyền  
 Nghe rèm liên lụy, kể trên chẳng dùng  
 Đại, tiểu ngộ Tham Lang sung  
 Phá tài, tổn của ất phùng nhị Hao  
 Linh phùng Sát, Phá hạn cao  
 Vua Văn thừa nợ phải vào ngộ linh (nhà tù)  
 Hồ ngộ Âm Miếu (cung Dậu) cùng xinh  
 Siêu thiên quan chức, vận lành mừng vui  
 Cung Điền liền gặp Cơ, Lương  
 Mộc làm tổ nghiệp, đến hồi sinh lai (hoán cải)  
 Thiện tinh chiếu ở phương Đoài  
 Có người lấy của phật đài họa to  
 Dương gian gái để phải lo  
 Kỵ làm thường thấy tay vo bụng nằm (Ach cung)  
 Âm tinh (Kỵ) Tham diệu đồng sâm  
 Gia trung thất vật gian dâm, loạn tài  
 Tham phùng phụ nữ hoài thai (Ach cung)  
 Để rồi, bệnh phải đau rai nửa mình  
 Thương người Cơ, Khốc gia lâm  
 Hỷ cùng Dương hợp, đả sâm người nhà  
 Âm nhàn, Đà, Hồ, Tuất gia  
 Trước sân chợt thấy huyền hoa rụng rời (mẹ chết)  
 Linh tinh, Việt, Hỏa, bên đoài  
 Gia trung hương hỏa kìa ai lạnh lòng (cung Tử tức)  
 Quý hội họp vào cung Thân, Dậu  
 Đến phật tiền cầu tự mới sinh (cung Tử tức)  
 Sửu cung đều có Hung tinh  
 Kể đau, người bệnh tạ ông thành hoàng  
 Cấn, Dần, Sửu, sao tàng Linh, Hỏa  
 Con hồng tinh biến hóa cành cây (Điền Trạch)  
 Long phùng Phượng, Hỷ cũng hay  
 Vui mừng mới thấy, bì ai bỗng liền  
 Lộc tồn, Tử cùng Thiên Mã hội  
 Ngộ phi thường mừng buổi phong lưu  
 Kinh Dương mà ngộ Thiên Đồng  
 Gặp Linh thừa ấy phải cầu hôn nhau  
 Nhà (Điền) điều sợ Phá Quân, Hao thủ  
 Ngộ Tử, Lương, trừ lũ Hung tinh  
 Việc người xích mích khá không ?  
 Tử Vi, Khôi, Việt ba ông phải tìm  
 Hợi, Tý gặp phải hiểm Phật Thánh  
 Dậu, Thân lâm tính chốn liên đài

Tử, Tham, Khôi, Việt, nam (Ngọ), đoài (Thân)  
 Long thần cầu đảo bệnh ai lại lành  
 Mão, Thìn ngộ đã đành ông Táo  
 Ly (Ngọ), Tốn (Tị) phùng phải Cáo ôn binh  
 Dzi cung nếu giúp Quý tinh  
 Đi qua đền miếu phải kinh ma làm  
 Mệnh Thân, Dậu, đồng lâm Không, Kiếp  
 Gia Triệt, Tuần phải khiếp gian nguy  
 Mệnh cung vi có Tử Vi  
 Tương phùng hạn nhược vận say chẳng hiềm  
 Cung Huynh đệ Triệt, Tuần sung thủ  
 Chim đầu đàn vỗ cánh bay khơi  
 Tướng Quân, Lộc, Mã có người  
 Giàu sang đảm lược nên trai anh hùng (cung Huynh đệ)  
 Tướng ngộ Đào, Hồng cũng chiếu  
 Ngồi màn Đào có ả Thôi Nương (chị em gái tài hoa)  
 Tràng Sinh, Đế Vương đa nhân  
 Giáp chiếu Nhật, Nguyệt có lần sinh đôi  
 Đế Vương ngộ Thai, Khôi cùng Tướng  
 Có dị bào hai đám anh em  
 Thái Âm hiếm có Thiên Cơ  
 Âm cùng mấy Phúc đồng sinh lưỡng bào  
 Tam Không, gia nội tao cát diệu  
 Ngộ Dương tinh cũng nể con nuôi  
 Đào Hoa, Thai, Hỷ trong Khôi  
 Ngồi ra Bình, Tướng ả vui loang toàng  
 Tướng Phá, Phục trong làng Thai diệu  
 Ngoài Đào Hồng, Hoa Cái, Thiên Di  
 Có người dâm dục thị phi  
 Tư thông chi dựng kẻ chê người cười  
 Sao Hình thủ cùng người đánh lộn (anh em xung khắc)  
 Ky sinh lâm, lòng vốn bất hòa  
 Lộc Tồn, Thiên Mã cùng gia  
 Có người buôn một, bán ba nên giàu  
 Vũ, Tướng ở đầu cung ấy  
 Nghệ bách công ai thấy cũng dùng (anh em làm thợ giỏi)  
 Tử, Tang, Tả, Hữu hội trung  
 Có người con gái lộn chồng tìm ra  
 Sao Xương, Tuế một tòa đóng đậy  
 Thập lý hầu hẩn thấy một hai (anh em tài giỏi)  
 Việt, Khôi, khoa mục chẳng sai  
 Khôi huynh, Việt đệ là bài trong kinh

Triệt, Tuần ngộ Thiên hình đống đấ  
 Người một phương chẳng thấy họ hàng (anh em lưu lạc)  
 Kinh tinh ngộ Kỵ, Âm dương  
 Ất trong đái tật có người hại thê  
 Cung Thê thiệp, Đào, Hồng tương ngộ  
 Vợ mấy người, đều có dung nhan  
 Có Diêu, ấy ngoại tình bàn  
 Tử, Không ngộ Mã lăm đàn bướm ong (lấy vợ giang hồ)  
 Mã chẳng gặp Tử Không ở đó  
 Thời con nhà vọng tộc lương gia  
 Phượng, Long đẹp đẽ ai qua  
 Hình dong mặt mũi, đố hoa tốt vầy  
 Tang, Không, Khốc dị sinh hoán cải (duyên số lật đật)  
 Để di truyền vạn đại về sau.

### HOÀNG KIM PHÚ

1. Tử Vi trung hậu  
 Thiên phú ôn lương
  2. Đồng, Cơ viên, phú tính tâm từ  
 Linh, Hỏa miếu, vi nhân dõm đại
  3. Phúc diệu phùng Việt diệu ư Tị cung, định thị hải hà dục  
 Âm tinh phùng Khôi tinh ư Hợi địa, ứng chi sơn nhạc giáng thần
- 
1. Sao Tử Vi trung hậu, sao Thiên phú ôn hòa, từ tâm
  2. Sao Thiên đồng, sao Thiên cơ, vui vẻ hiền từ  
 Sao Hỏa, Dần, Mão, Tị, Ngọ sao Linh tinh, Tý, Ngọ chiếu Mệnh là người can đảm (tối kỵ đồn bà)
  3. Thiên đồng ngộ Thiên việt ở Tị cung : người đáng điệu đẹp như sông bể (quí cách)  
 Thiên lương ngộ Thiên khôi ở Hợi cung đáng điệu oai phong như thần linh giáng thế.
  4. Nhật lạc nhân, sắc thiếu xuân dung  
 Lương xung tọa, chù kiêm thọ toán
  5. Mão, Dậu, Tử, Tham vi tăng đạo  
 Cát quý gia tượng lực vinh phong
  6. Cấn canh Tử, Phủ vi Phật nhi  
 Hình, Sát hội Long thần định giáng
  7. Hóa Kỵ văn nhân bất nại  
 Thiên cơ nữ mệnh thiếu trung
  8. Thiên tướng Tuất, Thìn khởi thị đạt công danh chí sĩ  
 Đế tọa La, Võng hoàn vi phi nhân nghĩa chi nhân
  9. Hợi tọa Quế, Hoa phi vinh, tắc phú  
 Cung Thao, Đế ấn đoạt trưởng tranh quyền.
- 
4. Thái dương hãm mặt mũi âu sầu, buồn. Thiên Lương chiếu Mệnh được thọ.
  5. Tử Tham ở Mão Dậu là người thích ưa đạo Phật, từ tâm, nếu thêm nhiều Quý tinh được giàu sang.

6. Mệnh Dần, Thân, Tử, Phủ người to béo như con của Phật  
Mệnh Dần, Thân gặp Thất Sát người có oai tướng như Long thần
  7. Hóa Kỵ đi với bộ sao Văn( Xương, Khúc, Khôi, Việt ) công danh lật đật, đồn bà có sao Thiên cơ ở Mệnh nếu gặp Sát tinh, vất vả
  8. Cung Quan, Tuất, Thìn gặp Thiên tướng : công danh bền.  
Tứ, Tướng ở Thìn, Tuất an Mệnh : người hung bạo, gan dạ.
  9. Cung Hợi gặp Xương, Khúc an Mệnh : chẳng giàu thì sang. Tử Vi, Quốc Ấn ở Ngọ (cung Thân) an Mệnh, hoặc Bào : mình con thứ hóa con trưởng.
  10. Tham cư Tí, thử thiết vô nghi, ngộ Tuần, Không phản vi đoan chính. Phá tọa ly cầu thủ vị miễn, phùng Lộc, Dương năng giải xướng cuồng.
  11. Mão cư Vũ, Sát, Phá, Liêm; phòng mộc áp, lôi sà, chi họa. Tù ngộ Dương Đà, Linh, Hỏa hữu tỏa đà, thất cốc chi ưu
  12. Khúc, Xương hãm Thiên thương đồ lãng đãng. Liêm Trinh phùng Văn Quế, cánh bôn ba.
  13. Sát, Tý, Ngọ, Hổ hầu thọ khảo hình Dần, Tuất kê thổ anh hùng.
- 
10. Tham lang cư Tí an Mệnh : nói như sẻ cửa chia nhà, trái lại gặp Tuần, Không là người giữ lời hứa. Phá quân cư Ngọ an Mệnh, ăn nói câu nhâu; nhưng gặp Lộc và Thiếu dương : là người vui tính hay nói khôi hài.
  11. Những sao kể trên ở Mão, Mệnh hoặc hạn gặp : đề phòng gỗ dề, rấn cấn, điện rứt, sét đánh (gặp Quý tinh và Tuần Triệt khả giải). Sao Liêm trinh, Tị, Hợi gặp Dương Đà, Linh, Hỏa đề phòng trăng trời, đói khát, tù tội.
  12. Sao Khúc, Xương đi chung với Thiên Thương và Liêm Trinh công danh lật đật.
  13. Sát ở Tý, Ngọ, Dần, Thân an Phụ mẫu, thời phụ mẫu thọ Hình, Dần, Thân, Mão, Dậu an Mệnh, người có tài năng đảm lược.
  14. Tham tú tọa, nhi phùng Hóa Kỵ đạo ngoại hành thương Song Lộc cư, nhi ngộ Cơ Lương phú gia địch quốc
  15. Phá, Liêm, Mão, Dậu mạc ngộ Kiếp, Kinh tu phòng hình ngục Kỵ cư Mộ cung nhi giao Đà Hổ, sa mã hạn hành
  16. Khốc Hư Tý Ngọ tiền bản hậu phú Mã ngộ Tràng Sinh thanh vân đắc lộ
  17. Kiếp Sát phùng Thai tu phòng sinh sản Mộ tinh ngộ Nhật, thân phụ nan toàn
  18. Thiên Lộc nhi ngộ Thái Âm tại Nhân cung, dị bào huynh đệ. Phúc diêu nhi ngộ Cự Môn tại Mộ cung, thê nhi lãng đãng.
  19. Mã ngộ Thiên Hình nhi phùng Thiên Khốc, công hoàn phát võ. Kinh ngộ Đồng Âm, nhi phùng Phượng giải, nhất thế uy danh.
- 
14. Tham Lang đắc địa gặp Hóa Kỵ, buôn bán ngược xuôi. Song lộc gặp bộ Cơ, Lương giàu sang phú quý.
  15. Phá, Liêm, Mão, Dậu ngộ Kiếp, Kinh, đề phòng tụng sự. Cự Môn Thìn, Tuất, Sửu, Mùi gặp Kỵ : xe, ngựa đề phòng.
  16. Sao Khốc, Hư, Tý, Ngọ hạn gặp tiền trở hậu thành. Mã gặp Tràng Sinh hạn gặp công danh như ước nguyện.
  17. Kiếp Sát ngộ Thai an Mệnh, Tử tức, Ấch : khó đẻ. Sao Mộ gặp Thái Dương hạn gặp: bố đau yếu hoặc chết.

18. Lộc tồn, Thái âm cư Tí an Bào : có anh em dị bào. Thiên đồng, Cự môn ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi an Thê, Tử tức muộn vợ muộn con, an Mệnh thì ảnh hưởng ít.
19. Mệnh hoặc hạn gặp rất hay (khác nào vị tướng thắng trận)  
Mệnh hoặc hạn gặp rất hay (khác nào Lưu Bang làm vua)
20. Nên nhớ : Đồng Âm ở cung Ngọ mới tuyệt đẹp.
21. Đào Hồng cư Quan tảo tuế đắc quân hành chính Khúc Xương giáp Mệnh, xuất ngoại đa cận quý nhân.
22. Tham, Vũ đồng hành hạnh phùng Mộ tinh ; tứ đại hiển vinh. Tướng binh tọa chiếu lai chiếu Hình, Ấn ; ái văn sung võ  
Thiên Phủ tối kỵ Không tinh ; nhĩ ngũ Thanh Long phản vi cát tượng. Tử Vi cần Tam Hóa ; nhược phùng Tứ sát; phong bãi hà hoa
23. Tam Không bất ky chư sứ vô hữu Chính tinh. Tử hướng giao phù cát diệu, tu phòng Tuân Triệt.
- 
20. Sao Hồng, Đào ở Quan, Lộc : công danh sớm gặp. Mệnh giáp Khúc, Xương, bước ra đường đời gặp người to nâng đỡ.
21. Tham, Vũ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi : là Mộ cung) nhưng lại thêm sao Mộ, an Phúc đức, họ hàng 4 đời sung sướng; an mệnh cũng tốt. Mệnh hoặc thân, được gặp 4 sao kể trên chiếu ; kiêm văn võ toàn tài, hoặc làm việc văn mà coi về võ (Etat - Major) võ mà coi về văn ; làm việc coi Binh lương (Intendance)
22. Thiên Phủ rất sợ Tam Không nhưng gặp Thanh Long thì đẹp. Tử Vi cần Tam Hóa, nhưng gặp Kinh, Đà, Không, Kiếp; thì khác nào cánh hoa bị mưa gió phủ phàng.
23. Cung nào không có Chính tinh, gặp 1 trong Tam Không ở đó thời hay, hạn gặp rất tốt, nhưng có Tuân Triệt thời giảm.
24. Thai tinh mộ diệu lai triều, đa học thiếu thành. Nhật, Nguyệt nhi chiếu Hư, Không, học nhất nhi thập.
25. Tam kỳ giao hội, mục ngũ Ky, Kinh; giáng lộ thanh vân. Dần, Thân, Không, Kiếp, nhĩ ngũ Quý tinh, thăng trầm vô độ.
26. Ty, Hợi, Kiếp, Không nhĩ phùng Quyền, Lộc, hoạnh đạt tung hoành. Tham, Đào, Giải Ách nhĩ ngũ Linh, Riêu, lãnh hoàn chi bệnh.
27. Sát phùng Hình, Hổ hãm tại Tử cung, thai lệ chi ai. Phá ngũ Ky, Tang nhập cư Nô Bộc đa chiêu oán nộ.
28. Tuyệt phùng Hỏa diệu tại Hợi cung, nhĩ ngũ Tham, Hình uy danh vũ thế. Hồng ngũ Cơ, Thư cư Dần địa, nhĩ phùng Lộc, Ấn hoan cận cứu trùng.
- 
24. Sao Thai và sao Mộ chiếu Mệnh ; học không thành tài. Mệnh vô chính diệu, Âm Dương đắc địa chiếu rất thông minh (số Gia cát; Mệnh ở Mùi; Âm Dương Hợi, Mão chiếu).
25. Mệnh có Tam Hóa gặp Kiếp, Kinh, công danh không bền. Mệnh Dần, Thân nhiều sao tốt, nhưng lẫn sao Kiếp Không, cuộc đời xuống chó lên voi.
26. Mệnh Tí, Hợi gặp Quyền, Lộc, Kiếp, Không, người dũng lược tài đảm, chốc vãng giá nghênh ngang, chốc tay trắng, cung Giải ách có 4 sao kể trên ; bị bệnh lãnh tinh (hiếm)
27. Sao kể trên, ở Tử Tức, buồn rầu về con (hiếm)  
Sao kể trên ở Nô bộc, làm ân nên oán

28. Cung Hợi gặp sao Tuyệt, Hỏa thêm Tham, Hình an Mệnh hoặc chiếu Mệnh, công danh lừng lẫy.  
Sao kể trên, an Mệnh hoặc hạn gặp, khác nào gặp vua, đàn bà cần Tấu Thư, đờn ông cần Lộc Tồn.
29. Lương phùng Hao, Sát tại Tị cung; đao nghiệp hình thương Kỵ ngộ Khoa tinh cư Hợi, Tý; ngôn hành danh thuận.
30. Mệnh Quan nhị giáp Phượng, Long thanh danh sủng ái. Tài, Phúc nhị phùng Hao, Kiếp; đờn ảnh có bản.
31. Lộc, Mã giao trì, chúng nhân sủng ái.  
Kiếp không độc thủ, thị kỹ phi nhân
32. Dần, Thân nhị hội Tham, Liêm ngộ Văn Xương nhập lao Quán Trọng. Cự Đồng nhị phùng La, Võng , ngộ Khoa tinh, thoại thuyết Lịch Sinh
- 
29. Mệnh ở Tị gặp sao kể trên, khó tránh bất đắc kỳ tử. (Thiên Lương tối kỵ Song Hao và Kiếp Sát, hoặc cung Bào, Phụ Mẫu, Nô bộc, Phúc đức, Thê tử ở đó, liệu mà đoán, thời người đó sẽ bị, có Tuần Triệt khả giải) Mệnh ở Tý hoặc hạn gặp Khoa, Kỵ trên thuận dưới nghe (tốt)
30. Mệnh Quan giáp Long, Phượng : tiếng tăm vui vẻ. Phúc đức ngộ Hao, Kiếp chiếu thân cô độc, nghèo hèn, nếu có Mệnh có nhiều Quý tinh, Hao, Kiếp đắc địa, chỉ là giàu sang phú quý không bền, nhưng vẫn làm nên phi thường.
31. Lộc, mã thủ Mệnh ai ai cũng yêu mến.  
Kiếp, Không hãm, thủ Mệnh mà vô chính diệu; ai ai cũng ghét, đã chẳng ra gì lại còn khinh người.
32. Mệnh và hạn gặp khác nào ông Quán Trọng vào tù ngục. Cự, Đồng, Thìn, Tuất ngộ Hóa Khoa người ăn nói giỏi, tựa như Lịch Sinh sang Tề thuyết khách nhưng phải thêm nhiều Quý tinh, nếu không yếu tử như Lịch Sinh.
33. Mệnh vô chính diệu, hoan ngộ Tam Không; hựu Song Lộc phú quý khả kỳ.
34. Cự, Cơ nhị ngộ Lộc Tồn ngữ bất chính ngôn Nhật, Nguyệt nhị phùng Hình Hỏa, thân thiếu hạc hình.
35. Tử, Phá tại Mộ cung, bất trung bất hiếu  
Vũ, Phá cư Ty, Hợi đấng tử vô lương
36. Tý, Ngọ, Tướng, Liêm nhị phùng Phụ Bật; thái y đắc thế. Cơ, nguyệt căn khôn, nhị hội Diêu Xương thi tứ dâm tàng
37. Vũ, Tướng, Dần, Thân nhị ngộ Lộc, Quyền ; phú gia Vương Khải.  
Phá, Kinh, Mão, Dậu nhị phùng Khoa Bật; khởi ngục Hoàng Sào
- 
33. Mệnh không có chính tinh mà gặp Tam Không thêm cả Song Lộc, phú quý giàu sang vô kể.
34. Mệnh gặp như thế, người ăn nói không nghĩ trước sau.  
Mệnh gặp như thế, người gầy gò như hạc, như mai
35. Mệnh gặp như thế, người bất trung bất hiếu (phàm nhân); người cải cách chính thể đại cục (vĩ nhân)  
Mệnh gặp như thế; người sảo trá (phàm nhân); người gian hùng (vĩ nhân).
36. Người gặp như thế, làm thuốc rất giỏi

- Mệnh gặp các sao như trên ở Dần, Thân ; văn thơ phong tình, như bà Hồ Xuân Hương (đi miệng).
37. Mệnh hạn gặp giàu sang như Vương Khải  
Mệnh hạn gặp tung hoành như Hoàng Sào khởi ngục.
38. Cự Môn, Tị, Hợi, Kỵ ngộ Lộc Tồn, nhi phùng Quyền, Lộc kiếm sạ Đẩu, Ngưu.  
Đế tọa Ly cung. Kỵ phùng Hao, sát : hạnh ngộ Khôi Khoa, hữu tài phụ chính.
39. Cự, Cơ chính hưởng hạnh ngộ Song Hao uy quyền chính thế. Tham, Tử thủy cung, giáp biên Tứ Sát; bản khổ chung thân
40. Âm Dương lạc hãm, tu cầu Không, Diệu tối kỵ Sát tinh, Nhật, Nguyệt tịnh minh tối kỵ Tam Không, tu cầu Khoa, Lộc
41. Lã Hậu lộng quyền phùng Lưỡng Lộc ; Dương Phi hảo sắc thị Khúc, Xương.
- 
38. Mệnh hạn gặp như thế, khác nào người dùng kiếm mà bắt sao Ngưu sao Đẩu (nên an phận thủ thường : người có chí to, nhưng không toại nguyện)  
Tử Vi cư Ngọ gặp Khôi, Khoa có tài tế thế kinh bang, nếu gặp Hao, Kinh, Đà, Không, Kiếp Sát thời vô vị.
39. Mệnh hạn gặp như thế, công danh thành đạt (xin nhờ Cự, Cơ, Mão, Dậu, Tí, Ngọ cần Song Hao mới hay). Tham, Tử, Hợi, Tí, giáp Tử Sát tinh rất xấu
40. Âm Dương lạc hãm cần Tam Không gặp Kinh, Đà, Không, Kiếp : xấu. Âm Dương đắc địa có Khoa, Lộc mới hay; gặp Tam Không giảm tốt.
41. Mệnh hạn gặp Lưỡng Lộc, thời lung lạc quyền bính như bà Lã Hậu.  
Mệnh hạn gặp Khúc, Xương thời phong nguyệt được sủng ái như Dương Phi.
42. Tả, Hữu tại Phu cung, vô môi tự giá  
Phủ, Tướng cư Thê vị, phi giá bất thành
43. Hạn phùng Tử, Phủ, Vũ, Tướng hạnh đắc Hồng, Quyền, Khương Công hỷ ngộ Văn Vương  
Hạn ngộ Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương kiêm Hữu Sát tinh  
Hiến đế ưu phòng Đồng Thị
44. Mệnh đắc Tham, Liêm, Sát, Phá tu cần Tử, Phủ, Vũ, Tướng lưu niên.  
Mệnh viên Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương tối kỵ Sát, Phá, Tham, Liêm chi hạn (gặp Hóa Khoa khả giải)
45. Nữ tướng tinh hùng hỷ hư trừng  
Nam Thiên Phủ giảo long vãng dực
- 
42. Cung Phu Thê gặp Tả, Hữu, lấy vợ lấy chồng không mất tiền, hoặc mất ít.  
Cung Phu Thê gặp Phủ, Tướng không thể lấy nhau một cách lúi xùi như cách trên được
43. Hạn gặp như trên, khác nào Khương Tử Nha gặp Văn Vương. Hạn gặp như trên, khác nào Hiến Đế gặp Đồng Trác lộng quyền (xấu)
44. Mệnh có bộ Tham, Liêm gặp Tử, Phủ thời hay.  
Mệnh có bộ Cơ, Nguyệt gặp Sát, Phá, Tham thời xấu; nhưng gặp Hóa Khoa không ngại gì. Vì bộ Sát, Phá, Tham chỉ cần Hóa Khoa mới hiển.
45. Đồn bà Thiên tướng thủ Mệnh, hung tợn như gấu dữ; nếu gặp Hồng, Tấu số cung phi.  
Đồn ông gặp Thiên phủ khác nào con thuồng luồng qua vực (tính nét cần thận, suy nghĩ).

46. Sát, Phá, Tham tại nữ Mệnh, nhi ngũ Văn Xương ư Tân, Đinh, Tuế xương phụ chi nhân.  
Tử, Phủ, Vũ, Tướng, Phu cung giả hợp Riêu Đào ư Giáp, Mậu nhân giang hồ chi nữ.
47. Cự, Đồng nhập miếu tại Mệnh viên, mẫn tiếp đa năng, Phủ, Vi lạc hãm, ư Thân, Sửu, trở thành vạn sự.
48. Thiên Phủ, Kỵ ngũ Không tinh, lai nhập Tài cung tán hao vô độ.  
Tử Vi mạc phùng Địa Kiếp, Hồng Đào nhập Mệnh, giảm thọ chi niên.
49. Đế Vương, Tràng sinh tại Mệnh viên ; Kiêm phùng Tử, Phủ quảng đại chi nhân.  
Thiên Tướng, Tử Vi, Thân phùng Phá kiêm ngũ Vượng Tuần, đa mưu yếm trá.
- 
46. Tuổi Tân, Đinh đờn bà gặp các sao kể trên, một bước nên bà (làm quan tấ).  
Tuổi Giáp, Mậu đờn bà, cung Phu có các sao kể trên, cũng một bước nên bà (không bền).
47. Cự, Đồng ở Mệnh đắc địa, có tài giỏi chứ không phải là <<canh cãi chóng chán>>  
Tử, Phủ hãm Thân, Mệnh làm việc gì cũng lận đận mới thành.
48. Cung Tài gặp như thế, đồng tiền lên xuống không bền. Mệnh như thế, giảm thọ.
49. Mệnh như thế : người chính nhân quân tử  
Mệnh như thế : người mưu mẹo tài tình (gian hùng)
50. Tật cung hạnh phùng Phá, Sát, nhi ngũ Song Hao, Mộc kỵ; sang độc ung thư.  
Giải Sửu mạc ngũ Cự, Đồng, kiêm phùng Tang, Hổ, Đà, Riêu : vô sinh nan dưỡng
51. Quang Vũ nhất thế uy danh do ư Đồng, Nguyệt, Giải, Kinh. Lý Quảng sức địch vạn chúng, thị hữu Kinh dương Lực Sĩ.
52. Tràng sinh tại Hợi, Tuyệt Sửu phùng Sinh, nhi phùng Thiên mã, lộ đồ bồn tẩu.  
Thiên mã tại Tị, thị ư chiến Mã, hạnh ngũ Tướng, Khoa, loạn thế xuất đầu.
53. Sát, Phá, Tham tại phối cung, đắc Quyền, Lộc, Khúc, Xương, Mệnh phụ chi nhân, hiếm Quý, Tuế, ưu phùng Cô Quả; quả phụ chi nhân.  
Tử, Phủ, Vũ, Tướng phu vị, kiêm Tam kỳ gia hội, lược thao chi nữ, kỵ Tân, Kỵ, ưu ngũ Kinh Đà chung thân trái quả.
- 
50. Cung Tật Ách gặp như thế; hay bị ung nhọt, mổ sẻ.  
Cung Tật Ách gặp như thế; đẻ nhiều nuôi ít (nuôi con chật vật)
51. Quang Vũ, Lý Quảng, gặp những sao kể trên, Mệnh đều ở Ngọ.
52. Sao Tràng Sinh và Mã ở Hợi; là người có tài, nhưng chìm nổi. Thiên Mã ở Tị đắc địa, ngũ Tướng, Khoa, thời loạn làm nên công cán, hoặc những việc khó khăn, người khác không làm nổi mà mình làm nổi.
53. Cung Phu có những sao kể trên là bậc Mệnh phụ, nhưng tuổi Quý mà gặp Cô Thần, Quả Tú góa sớm.  
Cung Phu có những sao kể trên, người đảm đang thao lược, nhưng tuổi Tân, Kỵ gặp thêm Kinh Đà suốt đời đa hận
54. Chu mãi Thần tiền bản hậu phú, do hữu Khốc, Hư chính hưởng. Trương tử Phòng, thao lược đa mưu, do phùng Tử, Phủ, Kỵ, Quyền
55. Tham, Đào tại Nhân cung, nữ Mệnh độc phụ chi nhân tâm, ngũ Triệt, Tuần tâm tình thư thái.  
Riêu, Sát cư Hỏa địa, nữ nhân ba đào xuất hải, phùng Quyền, Lộc tham bác chi nhân.

56. Cự, Đồng nhập mộ nhị hợp Ky, Kinh hạn phòng thủy lộ Tham, Sát, Ngọ, Dần kiêm ngộ Hổ, Tang : lời thú nan đề .
54. Tràng Sinh, Đế Vương tại Tử cung, Lộc Quyền chiếu cùng đa sinh quý tử.  
Kiếp, Kinh, Tang, Hổ cư nhập tử : âm kỵ lai sâm, hữu tử tạt nguyên.
- 
54. Chu mãi Thần khở trước sướng sau, vì có Khốc, Hư, Tý, Ngọ, Trương Lương, nhiều mưu kế tài giỏi vì Mệnh có Tử, Phủ, Ky, Quyền.
55. Đồn bà Tham, Đào, Hợi, Tý an Mệnh người hiểm độc, nhưng gặp Triệt, Tuần ôn hòa thanh nhã.  
Riêu, Sát, Tị, Ngọ nữ Mệnh, phong trần chìm nổi (có tài); nhưng gặp Quyền, Lộc có tài tình nhưng không vương lụy.
56. Cự, Đồng, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi gặp thêm Ky, Kinh đề phòng sông nước (tuổi Tân, Đinh vô ngại)  
Các sao kể trên, Mệnh hạn gặp, nên đề phòng sấm sét và thú dữ.
57. Các sao kể trên ở Tử Tức, sinh con có tài lược  
Các sao kể trên ở Tử tức, và thêm Hóa Ky và về hàng Âm tinh, sinh con có đứa phải tàn tật.
58. Triệt ngộ Lộc Tôn, cư Huynh đệ, nam trưởng bốn ba ngoại sử. Khốc phùng Tang, Hỏa tại Phu cung, phu quân lưỡng mục bất minh.
59. Lộc Tôn nhập miếu tại Hợi cung, chung thân phú túc Hóa Lộc đắc địa cư Dần, Mão cố thủ tham tài.
60. Phá cư Mộ cương quả chi nhân, phùng thời loạn thế, nhi phùng Hình, Lộc chấn động uy danh.  
Dương tại Thủy, nhật trâm Thủy đế, loạn thế phùng quân, mạc ngộ sát tinh tu phòng đao nghiệp.
61. Nam nhân Tang Hổ hữu tài uyên bác  
Nữ Mệnh, Hổ, Riêu đa sự quả ư
- 
58. Cung Huynh đệ có các sao kể trên, có người anh tất phải bốn ba lưu lạc, nếu không có, mệnh đi đến hạn đó, cũng bốn ba.  
Các sao kể trên ở cung Phu, chồng bị kém mắt, hoặc tàn tật; nếu không thì góa sớm.
59. Sao Lộc Tôn ở Hợi an Mệnh, suốt đời no ấm  
Sao Hóa Lộc, Dần, Mão an Mệnh giàu có, giữ cửa bên.
60. Phá quân, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi an Mệnh hoặc hạn gặp, gặp cơ hội tiến đạt : thêm Hình, Lộc, công danh vang bóng một thời.  
Thái dương cư Hợi an Mệnh, loạn thế gặp thời, nhưng ngộ Sát tinh nên đề phòng, ám sát.
61. Con trai gặp các sao kể trên có tài  
Trái lại con gái gặp nhiều chuyện buồn rầu (muộn chồng)
62. Thanh Long, Thìn, Thổ, Đinh, Kỷ âm nam gia hợp Ky tinh công danh toại mãn  
Xương, Khúc, Sửu, Mùi, Giáp Nhâm dương nữ, kiêm phùng Hồng, Lộc, hiển phụ chi nhân.
63. Thiên Không, Hóa Ky tối kỵ Quan cung, nhi phùng Âm dương phản bối, công danh văn tuế tạt thành.

- Linh Hỏa, Hình, Tang tối hiêm Tử tức, hạnh ngộ Nhật, Nguyệt tịnh minh, nam tử lão thành tất hữu.
64. Tử, Phủ, Vũ, Tướng, Tả, Hữu, Phượng, Long kiêm hợp Lộc, Ấn, Khoa, Quyền, khánh hội quân thần chi cách, gia Kiếp, Kinh loạn thế nan thành đại sự.  
Sát, Phá, Liêm, Tham, tam kỳ gia hội lai chiêu, Hồng, Hình, Tả, Hữu uy danh nhất thế chi nhân, Ky, Không, Triệt : chung thân tác sự nan thành.
- 
62. Thanh Long ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi an Mệnh, Quan, Di, Tài, đờn ông Đình, Kỷ gặp thêm Hóa Ky công danh lên như điều.  
Các sao kể trên, đờn bà Dương Tuế là người, là người đức hạnh
63. Cung Quan tối kỵ sao Thiên Không và Hóa Ky, gặp Âm dương phản bối; tức là mặt trăng mặt trời sáng ra, nhưng về văn niên mới thành đạt.  
Cung Tử tức gặp các sao kể trên, về già mới có con, nhưng con khá.
64. Mệnh gặp các sao kể trên, nhưng gia thêm Kiếp, Kinh, công danh dẫu gặp gỡ nhưng không bền.  
Mệnh gặp các sao kể trên, nhưng ngộ Tuân, Triệt võ công hiển đạt nhưng không bền.
65. Chu thái Hậu hiếu hạnh sắc tài, do hữu Tử Phủ, Khoa, Quyền, Hình, Sát.  
Tống nguyên Phi dung nghi đức lượng, do hữu Đào, Hồng, Cơ, Cự, Hao, Quyền.  
Lộc phùng Lương miếu, bảo tư tài, ích dữ, tha nhân. Hao ngộ Tham Lang, tài sinh dâm tình, ư tỉnh để.
66. Song Hao Tị Hợi nhi ngộ Sát Hình, giáp canh Dương nữ : thụ cách yếu bản  
Lưỡng lộc Ngọ Dần nhi phùng Tử Vũ, Đình Kỷ âm nam phú đa danh thọ.
67. Thiên Hình Hóa Ky nhi ngộ Bệnh Phù Hao Sát tại giải cung; hữu tật phong sang.  
Nhật – Nguyệt vô minh, nhi phùng Riêu, Kiếp, Ky, Kinh ư Mệnh giải: tật nguyên lương mục.
- 
65. Đờn bà gặp các sao kể trên, hiếu hạnh kém gì bà Chu thái Hậu.  
Đờn bà gặp các sao kể trên, đức độ tài giỏi kém gì bà Tống nguyên Phi  
Nghĩa đen : Hóa Lộc hoặc Lộc Tồn gặp Thiên Lương đắc vị, người đem của mình mang cho kẻ khác (nghĩa bóng : đem cho vay lãi)  
Nghĩa đen : Hao gặp Tham Lang, người thích tiền, yêu tình ái, lòng ham muốn thâm sâu tận đáy giếng (nghĩa bóng : có tiền cứ bo bo giữ tiền, hoặc đem chôn cất đồng tiền; còn tình ái kín đáo, giữ gìn cho đậm)
66. Các sao kể trên ở Tị Hợi, đờn bà giáp canh và Dương Tuế : nghèo yếu
67. Các sao kể trên ở Giải Ach : hay bị phong hủ  
Các sao kể trên ở Mệnh, Tật Ach : mắt kém, hoặc mù
68. Hóa Ky, tý cung Khoa Lương phụ chiếu : Khổng Tử đắc quân dân sủng ái  
Tướng Liêm tại Ngọ, Khoa Hình quyền củng : Hàn Tín đạt cao võ thượng chi công
69. Hạn phùng La Vông, Nhật Nguyệt giao huy, Kiếp, Không Dương nhận; Lưu Bang cam nhập Bao Trung  
Vận hội Cơ Lương Quyền Xương Tam Hỏa Phụ Bật Song Hao; Hán Đế nhập tần phá sở.
70. Mệnh Vô Chính diệu hạn ngộ trúc la, Đào Hồng suy tuyệt; Khổng Minh nan cầu tăng thọ.

- Mệnh đắc Tướng Liêm hạn phùng La Vồng, Đà La Tham, Linh; Hàn Tín thọ tử đao hình.
- 
68. Các sao kể trên Mệnh an Tý cung, tựa như số đức Khổng Tử được vua yêu chuộng dân chuộng
69. Các sao kể trên lâm vào Thìn Tuất (La Vồng) hạn Lưu Bang bị Hạng Vũ ép vào ở đất Bao Trung (rồng vào ao tù). Hạn gặp các sao kể trên, Lưu Bang vào đất Tần, đuổi được Hạng Vũ, thống nhất thiên hạ (rồng ra biển)
70. Hạn gặp Sát Phá Tham (trúc la) thêm Đào Hồng Suy Tuyệt, mà Mệnh Vô Chính Diệu, chẳng khác chi Gia Cát không cưỡng được cái chết với trời.  
Mệnh Hàn Tín cư Ngọ Tướng Liêm Kinh Dương ; hạn đến cung Thìn gặp Tham, Linh, Đà La bị Lã Hậu giết.
71. Nhan hồi yếu thọ do hữu Đào, Hồng, Không, Kiếp, Đà Linh thủ Mệnh  
Đạo Trích thọ tăng do ư Nhật, Nguyệt, Cơ, Lương miếu nhập Mệnh Thân
72. Nhật, Nguyệt cư Mộ cung mục thống thiên miên.  
Phụ, Giải, Hổ, Tang : nhi phùng Sát, Dục hữu tự thốn thừa
73. Thai phùng Sát, Dục, tu phòng sản phụ:  
Kiếp, Cơ, ngộ Hỏa tất ngộ Hỏa tai
74. Linh phùng Sửu, Mã nhi ngộ Dương, Đà hữu tạt tứ chi. Khốc, Khách, Kiếp Phù, mạc ngộ Cự, Dương chung thân đa lệ.
- 
71. Gặp các sao kể trên ở Mệnh, tựa như số Nhan Hồi yếu tử (34 tuổi) gặp các sao kể trên ở Mệnh, tựa như số Đạo Trích (ăn trộm Đồi Thất quốc) thọ 74 tuổi.
72. Sao Âm dương ở Thìn, Tuất, Sửu, Mùi (Mộ cung) Mệnh an ở đó thêm Sát tinh hay đau mắt.  
Cung Phụ Mẫu tạt ách đối nhau, chiếu vào Tử Tức gặp sao Tang Hổ, Kiếp Sát, Mộc dục : dễ con thiếu thán, hoặc thừa ngón chân ngón tay
73. Các sao kể trên ở Mệnh, Giải Ách, Tử Tức của đờn bà : khó đẻ.  
Các sao kể trên ở Mệnh, Giải Ách : đề phòng lửa cháy, dầu sôi.
74. Các sao kể trên ở Mệnh, Giải Ách : chân tay có tật  
Các sao kể trên ở Mệnh, Giải Ách : hay đau mắt, ướt mắt
75. Hạng Vũ anh hùng ngộ Địa không ni táng quốc  
Thạch Sùng cự phú ngộ Địa Kiếp dễ vong gia
76. Mệnh lý Không vong, Kiếp thủ thân, chung niên tạt thị tác cơ bản.  
Mệnh phùng Lộc, Cự, Không, Thân, Sửu mãn kiếp toàn phùng phương thiếu khiếm.
77. Phàm toán lai Mệnh thế, tu soát thọ, bản, chi cách. Phàm chiêm vận hạn hành, tu phòng lục sát lai sâm.
- 
75. Hạn gặp Địa Không tựa như Hạng Vũ bị tan sự nghiệp  
Hạn gặp Địa Kiếp, tựa như Thạch Sùng bát mẻ không còn
76. Mệnh, Thân có Không, Kiếp, giàu sang không bền, hoặc ăn ở bản tiện  
Mệnh Thân gặp các sao kể trên suốt đời chỉ phong lưu hoặc thiếu; chứ không giàu to (xin nhớ : Lộc Tồn chứ không phải Hóa Lộc)
77. Xem số cần quyết định giàu nghèo, thọ yếu; là điều cốt yếu. Còn xem vận hạn, phải tìm Kinh, Đà, Không Kiếp Linh Hỏa trước tiên.

**CHƯƠNG THỨ NĂM**  
**SỔ TỬ VI LẬP THÀNH**

**Số vĩ nhân thế giới, tung hoành trong trận hàoan cầu đại chiến thứ hai 1939 – 1945**

Thái dương Khốc, Đà la Hình, Lực sĩ Quan phù <b>Quan</b> Làm quan Long trì	Phá quân, Đào hoa Nguyệt đức, Tử phủ Thương <b>Nô</b> Quan đới Lộc tồn, Bác sĩ	Thân Thiên cơ, Kinh Tuế phá, Hư Hỏa <b>Dzi</b> Mộc dục Quan phủ	Tử vi, Thọ, Sứ Thiên phủ, Hỷ Việt, Thiên trù Kiếp Phục binh <b>Ách</b> Tràng sinh Long đức 52
Lộc, Vũ khúc Thiếu âm Thanh long Lưu hà, La <b>Điền</b> Đế vương Địa giải	Tí Sửu		Thái âm, Hao Phượng Giải Hổ, Riêu, Y Thiên phúc <b>Tài</b> Dưỡng Quý nhân 42
Thai phụ Thiên đông Thiện giải <b>Phúc</b> Suy Hao, tang	Thân Dậu Tuất Hợi	Dần Mão Thìn Tỵ	Tham lang Võng Bệnh phù Quyền, phúc đức Thiên đức <b>Tử Tức</b> Thai Quả tú 32
Thất sát, Thiên tài Tướng quân Quốc ấn Thiên dương Hồng Hữu bật Địa không Cô thần <b>Phụ mẫu</b> Bệnh Thiên không Đẩu quân Kiếp sát Tham quan Quý nhân	Thiên lương Khúc xương Quang quý Tọa Kỵ Hoa Cái <b>Mệnh</b> Tử Phá toái Tấu thư Thai, Khoa 2	Thiên tướng Liêm trinh Tả phù, Khôi, Phi Liêm <b>Bào</b> Mộ Linh tinh Trực phù 12	Cự môn, Mã Phong cáo Hỷ thần <b>Thê</b> Tuyệt Điều khách 22

**Giải đoán lá số thứ nhất**

**Kỷ Sửu 14 – 9 giờ dậu**

**SỐ VĨ NHÂN**

**MỆNH THÂN :**

Quang quý, Khúc, Xương, Thai, Tọa, Tấu, Cái

**QUAN LỘC :**

Mã ngộ Hình, Khốc : công hoàn phát võ

Tứ Linh châu Mệnh (Long, Phượng, Cái, Hổ)

Ky nghệ Khoa tinh : ngôn hành danh thuận.

MỆNH GIÁP : Liêm Sát, lưỡng Tướng, Tả, Hữu và Linh Hỏa miếu; vĩ nhân đởm đại

ĐẶC ĐIỂM :

Lục sát và Lục bại tinh đều đặc cách :

Kiếp, Không : Dần, Thân

Kình, Đà : Tị, Mùi

Linh Hỏa : Tý, Mùi

Tang Hổ : Mão, Dậu

Song Hao : Mão Dậu

Khốc Hư : đặc cách (gặp Mã)

Lưỡng tướng hợp bộ; không bị Tuần Triệt cản.

Tuần lâm Hỏa địa

Triệt đáo Kim cung

Tứ Hỏa, đặc cách và Mệnh, Thân đều ở Tứ mộ

Thanh Long phùng Lưu hà (rồng gặp nước)

Hơn nữa; Âm tước gặp hung sát tinh đều hay cả

Hình như Tạo hóa cố << Nặn>> một người này xuất thế.

Hạn 52- 61. Tiểu hạn Giáp Thân 1944, đại tiểu hạn đều gặp Không, Kiếp, Đào Hồng, Cô quả, Thiên Không, Kiếp Sát, Trắng tay.

Lên cũng hạn đó; mà xuống cũng ở đó. Tài như Hạng Vũ, Thủy Hoàng cũng chẳng thoát khỏi 3 thước đất.

## LÁ SỐ THỨ HAI

### SỐ HOÀNG ĐẾ

Vũ khúc, Phá quân, Thương, Thiên quý, Hổ <b>Nô</b> Tuyệt Bình, Phá toái	Thái dương, hồng Thai phụ, Phúc đức Hao <b>Dzi</b> Mộ Thiên đức, thiên giải, Đào hoa	Quả tú, Thiên phủ, Bệnh phù Hình, Sứ <b>Ach</b> Tử Khách TUẦN TRIỆT	Thiên cơ, Thái âm Lộc, Việt Ky Phi, Phù, Hỷ <b>Tài</b> Bệnh Thiên phúc Quý nhân 46
Thiên đồng Văn khúc, Long đức Kình, Quan phủ <b>Quan</b> ThaiThiên quan quí nhân	Thân Dậu Ất Dậu 1-11 giờ Tý ÂM NAM HỎA MỆNH HỎA CỤC	Tuất Hợi Tỵ Sửu	Tử vi, Tài, Thọ Tham lang, Khoa Thái tước <b>Tử tước</b> Suy Khốc, An quang Phi liêm 36

Lộc tồn, Bác sĩ Linh tinh, Hư <b>Diên</b> Dưỡng Tuế phá	Mão Dần		Cự môn Tấu thư Văn xương, Thiên ki ông Đường phù Hỏa <b>Thê</b> Đế vượng Thiếu dương
Tả phù, Đà la Tam thai, phong cáo Lực sĩ Tử phù <b>Phúc</b> Tràng sinh Nguyệt đức Kiếp sát	Liêm trinh Thất sát, Long phương, Thanh long, Hoa cái <b>Phụ mẫu</b> Mộc dục Giải thần Quan phúc	Thân Thiên lương, hữu bật, Quyền, khô, Hỷ <b>Mệnh</b> Quan đới Bát tọa, Thiếu âm Hao	Thiên tướng, kiếp Mã, Không tang Tướng quân, Đẩu quân, Quốc ấn <b>Bào</b> Làm quan Riêu, Y Cô thần

**Giải đoán lá số thứ 2**

**Ất Dậu 1- 11 giờ Tý**

**SỐ HOÀNG ĐẾ**

Khôi, Lương, Thanh, Việt, Tấu, Hồng  
Trai cận cửu trùng, gái tắc cung phi  
Hồng, Khôi, Xương, Khúc, phù trì (Tả Hữu)  
Sân rồng kéo bằng danh đề ở cao  
Trong ngoài mà có Âm dương  
Ba lần danh dự, một làng quan giai

(Phú Ma Thi)

Nhưng Ngài không được thọ là vì : Thiên lương phùng Hao, Sát (Kiếp sát).

Đại tiểu hạn (36 - 45) gặp Khốc, Hư, Tang, Bạch, Kiếp, Không, Kinh, Riêu, Đẩu, Tuế, Thương sứ và Lộc tồn ngộ Cô quả. (Ất, Sửu ngài thăng hà).

Mệnh viên Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương tối kỵ Sát, Phá Tham, Liêm chi hạn.

(Hoàng Kim Phú).

**LÁ SỐ THỨ BA**  
**SỐ KHANH TƯỚNG**

Phá quân, Vũ khúc Thương Lộc, lực sĩ Đà la, An quang Hổ <b>Nô</b> Làm quan Phá toái 72	Thái dương Lộc tồn, Bác sĩ Hồng, Bát tọa, Thiên đức <b>Dzi</b> Quan đới Đào, Hỏa, Phúc đức 62	Sứ, Thiên phủ Riêu, Y, Địa không Điều khách, Kinh Quả tú <b>Ách</b> Mộc dục Quan phù 52	Thái âm, Việt Thiên cơ, Bình Tam thai <b>Tài</b> Tràng sinh Trực phù 42 TRIỆT
--	--	---	--

Tả phù, Thiên đồng, Long đức Thanh long <b>Quan</b> Đế vượng THÂN	Thân Dậu  Kỷ Dậu 17-7 giờ Thân <b>ÂM NAM THỔ MỆNH</b> <b>THỦY CỤC</b>  Mão Dần		Tử vi, Quyền Tham lang, Hao Khốc, Thái tuế Thiên qui, thiên tài <b>Tử tức</b> Dưỡng Thiên quan Quý nhân 32
Tiểu hao, Địa kiếp Tuê phá Hình hư <b>Điền</b> Suy TUẦN			Cự môn, hữu bật, Hoa cái Phong cáo, Thiếu dương, Bệnh phù <b>Thê</b> Thai Thiên không 22
Tướng, Xương Ấn, Thiên giải Thai phụ, Nguyệt Đắc tử phù <b>Phúc</b> Bệnh Kiếp Sát, Thiên phúc Quý nhân	Liêm trinh Thất sát, tấu thư Long Trì Phượng Giải <b>Phụ mẫu</b> Tử Thiên thọ Quan phù	Thiên lương Khôi thiếu âm Khoa, Hỷ, Kỵ Mệnh <b>Mộ</b> Phi liêm Văn khúc 2	Thiên tướng Mã, Hỷ thần Tang, Đẩu quân Linh tinh <b>Bào</b> Tuyệt Cô thân 12

**Giải đoán lá số thứ ba****Kỷ dậu 17 –7 giờ Thân****Số KHANH TƯỚNG**

Khôi, Lương, Tham, Việt, Tấu, Hồng  
 Trai cận cửu trùng, gái tặc cung phi  
 Hồng, Khôi, Xương, Khúc phù trì (Tả Hữu)  
 Sân rộng kéo bằng danh đề ở cao  
 Kỵ gia ở cửa màn Đào  
 Làm nghề thuật sĩ phong lưu nuôi mình  
 Thê, Nguyệt đức ngộ Đào tinh  
 Trai lấy vợ đẹp, gái lành chồng sang  
 Trong ngoài mà có Âm dương  
 Ba phần danh dự, một làng quen giai.

(Phú Ma Thi)

**ĐẶC ĐIỂM:**

Kỵ gia ở cửa màn Đào

Làm nghề thuật sĩ phong lưu nuôi mình

Ong này không phải là Phù thủy cao tay, trái lại là một vị kỹ sư hóa học, rồi làm nên Khanh Tướng. Sao Thanh long ở cung Thìn (Quan Lộc) tối quý. Và chỉ kém số thứ 2 (Hoàng Đế); vì không có Hóa Quyền tại Mệnh.

Hóa Kỵ, Tý cung, Khoa, Lương phụ chiếu : Khổng Tử đặc quân dân sủng ái.

Kỵ ngộ Khoa tinh ư Hợi, Tí : ngôn hành danh thuận

Thanh Long, Thìn, Thổ, Đinh, Kỵ Âm nam : gia hợp Kỵ tinh công danh tại mãi.

(Hoàng Kim Phú)

### LÁ SỐ THỨ TƯ SỐ THƯỢNG LƯU

Cự môn, Hư Quyền, Tuế phá, Mã, Ấn Tướng, Hình <b>Dzi</b> Bệnh Thiên phúc Quý nhân	Thiên tướng Liêm trinh Khôi <b>Ach</b> Tử Long đức	Thiên lương Khốc, Hổ <b>Tài</b> Mộ Hoa cái	Thất sát, Đà la Kiếp sát, Hỏa Thiên thọ <b>Tử tức</b> Tuyệt Phúc đức, thiên đức 33
Hồng, Tấu thư Tham lang Nguyệt đức <b>Nô</b> Suy Tử phù	Thìn Tuất		Thân Thiên đồng, Riêu Y, Linh tinh Điều khách <b>Thê</b> Thiên quan Quý nhân 23
Văn khúc Thái âm, Hóa khoa Long trì, Phi liêm <b>Quan</b> Đế vượng Quan phù tuần	Tí Sửu Dần Mão	Tân Hợi 3-9 giờ Hợi <b>ÂM NAM KIM MỆNH</b> <b>MỘC CỤC</b>	Ngọ Mùi Thân Dậu
	Hợi Tuất		Vũ khúc, địa không Kình dương, Hỷ Thiên tài, bát tọa Quả tú, Trực phù <b>Bào</b> Dưỡng Quan phủ 13
Tử vi, Thiên phủ, Tả phù Việt, Thiên qui, Hỷ <b>Điền</b> Làm quan Thiếu âm Cô thần	Tang, Thiên cơ Bệnh phù <b>Phúc</b> Quan đới	Hữu bật, Kiếp Phá quân, Đào hoa Thiên không Đại hao <b>Phụ mẫu</b> Mộc dục Thiếu dương Ấn quang	Thái dương Hóa lộc, Hóa kỵ Xương, Phượng, Giải <b>Mệnh</b> Tràng sinh Thái tuế Phục binh 3

Giải đoán lá số thứ tư

**Tân Hợi 3-9 giờ Hợi****THƯỢNG LƯU (yếu tử)**

Kiếp Không Hình Ky sáu sao  
Hỏa Linh, Hình Việt gươm đao bủa trời  
Việt, Linh lại cơ Thiên Hình  
Địa phương ất cũng đã đành lôi kinh

(Phú Ma Thị)

**CHÚ GIẢI :**

Thân, Mệnh, Hóa Ky, Hình, Linh : Giải Ách ; Thiên Việt chiếu : Mệnh giáp Kiếp Không,  
Thân Giáp: Kinh Đà.

Hạn đi đến năm Hợi (1947) 37 tuổi ; ngộ :

Ngộ Cơ Lương đánh gãy cành

Ngộ Âm dương ất đã đành tan không

Vừa chết bom, chui vào hầm trú ẩn (đánh gãy cành): vừa chết dọc đường:

Tướng quân ngộ Triệt trước miền

Khi ra gặp giặc mình liền phan thân.

(Phú Ma Thị)

Ngày nay thời khoa học, trái bom có thể coi là sét nhân tạo, ngồi trong hầm trú ẩn mà vẫn bị chết.

Đúng như câu : ngộ Cơ, Lương đánh gãy cành.

Xem vậy, mấy huyền vi của tạo hóa khôn lường

Mà khoa học Tử Vi không phải là huyền hoặc.

Dương tại Thủy, nhật trầm thủy để, loạn thế phòng quân; mạc ngộ Sát tinh tu phòng đao nghiệp.

Mã ngộ Thiên Hình nhi phùng Thiên Khốc, công hoàn phát võ.

Hợi tọa quế hoa : phi vinh tắc phú.

(Phú Hoàng Kim)

**LÁ SỐ THỨ NĂM**  
**SỐ TÀNG TẬT (Què)**

Hữu bật, Thái âm Tướng, Hổ, Ấn Tam thai, Tài Thai phụ, Phá toái <b>Tử tức</b> Tuyệt Thiên phúc quý nhân 36	Thân Tham lang Khôi Hồng, Đào Phúc đức, Riêu, Y Thiên đức Tiểu hao <b>Thê</b> Mộ An quang 26	Thiên đồng Cự môn Quả tú Hóa Lộc Điều khách <b>Bào</b> Tử Thanh long 16	Vũ khúc Thiên tướng, Đà la Thiên qui Phi phù Lực sĩ <b>Mệnh</b> Bệnh 6
Liên trinh	☰ . Thân Dậu	☷	Thái dương Thiên Lực sĩ Phi Quyền

Thiên phủ Long đức <b>Tài</b> Thai Tấu thư 46	Tân Dậu 9-6 giờ Hợi <b>ÂM NAM MỘC MỆNH</b> <b>HỎA CỤC</b>		lương Tả Phù Quyền khốc Thai tuế Bát tọa Hỏa Thiên quan <b>Phụ mẫu</b> Suy Lộc tồn Bác sỹ
Văn khúc Khoa đầu quan Sứ Phi liêm Thọ Hư tuế phá <b>Ach</b> Dưỡng 56			Thất sát Kinh dương Địa không <b>Phúc</b> Đế vượng Thiếu dương Thiên không Quan phủ
Phá quân, Hình, Việt Linh tinh, Hỷ, Kiếp sát Tử phù <b>Dzi</b> Tràng sinh Nguyệt đức	Long Phượng Phong cáo Thiên giải Quan phủ bệnh phù <b>Nô</b> Mộc dục Giải thần Hoa cái Thương	Tử vi Địa kiếp Hỷ Đại hao Thiếu âm <b>Quan</b> Quan đối	Thiên cơ Xương Mã, Kỵ Tang <b>Điền</b> Làm quan Phục binh Cô thần

**Lá số thứ năm****Tân – Dậu : 9 – 6 giờ Hợi****SỐ TÀNG TẬT (què)**Kiếp, Không, Hình, Kỵ xấu sao  
Hỏa, Linh, Hình, Việt gươm đao búa trời.

(Phú Ma Thị)

CHÚ GIẢI : Thân, Mệnh giải ách có : Kiếp, Không, Hình, Kỵ, Linh, Việt, Cơ, Hỏa; trái lại :  
người này không bị gươm đao búa trời; là vì :Ba phương chiếu lại một phương  
Thấy sao Tử Phủ, Thiên Lương hoặc là:  
Thiên quan, Thiên phúc giao hòa  
Giải thần, Nguyệt đức một tòa trừ hung.

(Phú Ma Thị)

nhưng, người này cũng đã thành phế nhân : vì khi lọt lòng mẹ chân tay đã bị tàng tật sau thêm  
bệnh động kinh.

Mã, Đà, đối tật ; dương làm tỳ thương.

(Phú Ma Thị)

Tuy thành phế nhân, nhưng Giáp, Quyền, Lộc nên vẫn có nơi nương nhờ sung sướng (cha mẹ  
giàu)

Vả lại, ông này thỉnh thoảng lại động kinh, lăn đùng ra đất thì có khác nào trời vật ! ngẫm như

vậy : Phúc đức có tốt cũng chỉ cứu vãn được phần nào mà thôi, chứ không thể vượt qua số trời đã định.

Tử Vi tu cần Tam hóa, nhược phùng Tứ Sát : phong bãi hà hoa.

(Hàng Kim phú)

**LÁ SỐ THỨ SÁU  
ĐỂ SINH ĐÔI**

Tham lang, Lộc Liêm trinh, Tử phù Bát tọa, Thai phụ Thiên tài, Phá toái Nguyệt đức <b>Mệnh</b> Làm quan Lộc tồn Bác sĩ 5	Cự môn, Tả phù Khốc, Hư Kình dương <b>Phụ mẫu</b> Quan đới Tuế phá, Quan phù	Việt, Thiên tướng Phục bình, Long đức <b>Phúc</b> Mộc dục	Thiên lương Thiên đồng, Khoa Hữu bật, Hổ <b>Điền</b> Tràng sinh Đại hao
Thái âm Quyền Quan phù Đà la, Hoa cái <b>Bào</b> Đế vượng Long trì Lực sĩ 15	Thìn Mão  Mậu Tý 4-3 giờ Hợi <b>DƯƠNG NỮ HỎA MỆNH THỔ CỤC</b>		Thất sát, Vũ khúc, Phúc đức, Hỉ Linh tinh, thiên đức Đào hoa, Tam thai <b>Quan</b> Dưỡng Đầu quân, Bệnhphù
Thân Thiên phủ Văn khúc, Thiếu âm, Thanh long, Riêu, Y, Hồng, Thọ <b>Phu</b> Suy, Thiên quan, Thiên phúc, Quý nhân 25	Thân Mùi Ngọ Tý  Dần Sửu Tỵ Hợi	Dậu Tuất  Thái dương, Điều khách, Địa không Thương, Phượng <b>Nô</b> Thai Hỉ thần, Giải Quả tú, Thiên giải	
Tiểu hao, tang môn Cô thân Mã <b>Tử tức</b> Bệnh 35	Tử vi, quan Tướng Thiếu dương, Ấn, Phong cao, Hỏa tinh, Thiên không <b>Tài</b> Tử Khôi, Thiên qui Ấn quang 46	Thiên cơ, Kỵ Tuế, Kiếp, Sứ Kiếp sát <b>Ách</b> Mộ Tấu thư 55	Xương, Hinh Phi liêm <b>Dzi</b> Tuyệt Trực phù 65

**Giải đoán lá số thứ sáu**

**Mậu Tý 4-3 giờ Hợi**

**SỐ ĐỂ SINH ĐÔI**

Am Dương Thai hội sinh đôi

(Phú Ma Thị)

CHÚ GIẢI : em bé này đẻ ra sau, còn con chị cho người khác nuôi hộ.

ĐẶC ĐIỂM : đẻ năm Tý, tiểu hạn đóng ở cung Nô Bộc ngộ Âm dương và sao Thai.

TẬT ÁCH : Ách cung mệnh nào dám luận chẳng ra

Bồi sao Tật ách, Dương, Đà, Kiếp, Cơ.

(Ma Thị Phú)

PHÚ ĐOÁN câu thứ 81 của sách chữ Hán :

Xương, Tham cư Mệnh phần cốt túy si

Thân mệnh : Tham, Liêm (hãm) ngộ Xương Khúc và Thiên Hình, đẻ ra hai bàn chân đã bị lang lổ (bạch tạng).

### LÁ SỐ THỨ BẢY SỐ CÂM, ĐIẾC

Thiên tướng, Tướng quân, Phong cáo, Quốc ấn, Phượng các, Giải thần <b>Thê</b> Tràng sinh Thái tuế, quý nhân Hình, Thiên phúc	Thiên lương, Khôi Đào hoa, Tam thai Thiên thọ, Thiếu dương, Linh tinh <b>Bào</b> Dưỡng Tiểu hao, Thiên không	Thất sát, Liêm trinh Xương khúc, Thanh long, Tang môn <b>Mệnh</b> Thai Khoa, Ky	Địa kiếp, Đà la Cô thần, Lực sĩ Bát tọa <b>Phụ mẫu</b> Tuyệt Thiếu âm
Cự môn, An quang Trực phù, Thiên giải <b>Tử tức</b> Mộc dục Tấu thư, Quả tú Hóa lộc	Thìn Tý  Tân Tị 17-9 giờ Mão <b>ÂM NAM KIM MỆNH</b> <b>KIM CỤC</b>  Hợi Tuất	Ngô Mùi Thân Dậu	Long trì, Riêu, Y Thai phụ, Quan phù, Phá toái <b>Phúc</b> Mộ Lộc tồn bác sĩ Thiên quan Quý nhân
Tử vi, Tham lang, Phi liêm <b>Tài</b> Quan đới Điếu khách			Thiên đồng, Hồng Thiên quý Nguyệt đức <b>Điền</b> Tử Kình dương Quan phủ, Tử phù
Thái âm, Thiên cơ Tả Phù, Phúc đức Hỉ thần, Thiên đức <b>Ách</b> Làm quan Kiếp sát, Việt, Sứ	Thiên phủ, Hổ, Hỏa Bệnh phù Khốc, Hoa cái <b>Dzi</b> Đế vượng <b>THÂN</b>	Thái dương Tài, Hữu bật, Long đức, Thương, Đại hao, Đẩu quân <b>Nô</b> Suy	Phá quân, Vũ khúc Hư tuế phá, Mã, Bình <b>Quan</b> Bệnh

Địa không		Quyền	
-----------	--	-------	--

**Giải đoán lá số thứ bảy****Tân – Tị 17-9 giờ Mão****SỐ CÂM ĐIẾC**

Vũ, Riêu, Phá Toái ở gần

Lại có Việt, Kỵ mười phần miệng câm.

(Phú Ma Thi)

Dương, Đà điếc lác lo âu

Hỏa linh mộng triệu đêm thâu ghẹo người.

(Phú Ma Thi)

CHÚ GIẢI : Thân, Mệnh : Vũ, Riêu, Phá, Kỵ

Ach : Thiên việt

Năm lên 5 tuổi (năm Dậu) chết; là vì : Xương ngộ Kỵ; hơn nữa Tang, Hổ, Khốc Hư, Hình, Kỵ, Xương Khúc đi lẫn với Sát, Liêm hãm địa.

Hơn nữa : Ach cung ngộ Cơ, Lương, Hao, Sát, Kinh, Đà, Linh, Việt, Không, Kiếp ; vừa cam điếc, đêm ngày mê sảng la hét.

**LÁ SỐ THỨ TÁM****SỐ MÙ**

Thiên tướng Mã Thai phụ Tang Phục binh <b>Quan</b> Tuyệt Cô thần Phá toái	Thiên lương, Quyền Thiên giải Thiếu âm <b>Nô</b> Mộ Đại hao, Thương	Thất sát, Liêm trinh Long Phượng Giải thần Quan phù <b>Dzi</b> Tử Bệnh phù Thiên hình, Hoa cái	Kiếp sát Sứ Tử phù Hỏa, Nguyệt đức Việt Hỷ thần <b>Ach</b> Bệnh Thiên phúc Quý nhân
Cự môn Thiên tài Thiên không Thiếu dương, Đầu quân Kình dương <b>Điền</b> Thai Quan phủ Thiên quan, quý nhân	Thân Dậu		Thiên hư Tuế phá Phi liêm linh tinh <b>Tài</b> Suy
Tham lang, Tử vi Văn khúc, Khoa Khốc, Thái tuế <b>Phúc</b> Dưỡng	Thìn Tý Ngọ Mùi	Ất Mão 27-11 giờ Hợi <b>ÂM NAM THỦY MỆNH</b> <b>HỎA CỤC</b>	Tuất Hợi Tý Sửu
			Thiên đồng Long đức Tấu thư <b>Tử tức</b> Đế vượng Địa không

Lộc tồn, Bác sĩ	Mão Dẫn		
Thiên cơ Thái âm Tử phù An quang Bát tọa, Thiên thọ <b>Phụ mẫu</b> Tràng sinh Lực sĩ Đà la Trực phù Hóa Kỵ Hóa Lộc	Thiên phủ, Thanh long, Phong cáo Điều khách, Quả tú <b>Mệnh</b> Mộc dục	Thái dương Hữu bật Thiên qui, Tam thai Địa kiếp Tiểu hao <b>Bào</b> Quan đới Phúc đức Thiên đức Hồng, Khôi, Đào	Thân Vũ khúc, Phá quân Xương, Hổ <b>Thê</b> Làm quan Tướng, Riêu, Y, Ấn 26

**Giải đoán lá số thứ tám****Ất Mão 27-11 giờ Hợi****SỐ MÙ**

Dương, Đà ngộ hãm mục vì  
 Âm dương, Riêu Kỵ người thời mắt đau  
 Nhật Nguyệt ngộ Linh Tinh chốn hãm  
 Hóa Kỵ gia mắt tối mờ xanh

(Phú Ma Thị)

CHÚ GIẢI : Mệnh giáp Nhật, Nguyệt, Âm, ngộ Kỵ, Đà, Hỏa, Không chiếu, Dương ngộ Kiếp, Kình, Hỏa chiếu, Thân Mệnh có Hình, Riêu; Ach : Kình, Đà, Kiếp, Kỵ, Âm dương hãm hiệu lên.

Năm Kỷ Sửu (1949) 35 tuổi tuyệt Mệnh, Đại Tiểu hạn trùng phùng, Sát, Phá, Tham, Liêm, Khốc, Tuế, Tang, Hổ, Long, Phượng, Tướng, Ấn, Riêu, Y vậy mà chết; là vì : Mệnh quá xấu, gặp những sao quá tốt không đáng hưởng. (ẤT PHÁ KỶ, 1 CÁCH XẤU)

Nếu : Mệnh Quý cách, thời hạn đẹp như trên, tay kiếm tay cờ tung hoành ngang dọc.

Tóm lại : Hạn đẹp, trông lại Mệnh có đáng hưởng hay không ? Người dân thường “mà hạn ngồi ngai vàng” sao sống được!

**LÁ SỐ THỨ CHÍN****SỐ CỦA <<VOI XANH>> (trùm ăn cắp)**

Cự môn Hữu bật Hồng, Việt, Phi Liêm Long đức <b>Ach</b> Tràng sinh	Thiên tướng Liêm trình, Hổ, Riêu, Y Hỷ thần <b>Tài</b> Mộc dục Thiên phúc quý nhân	Thiên lương Phúc đức Hóa Lộc Thiên đức Quốc ấn <b>Tử tức</b> Quan đới Bệnh phù, Quả tú Phá toái	Thất sát Khốc Điều khách, Tài, Địa kiếp Mã Đại hao <b>Thê</b> Làm quan
Thân	☰ .	Tí Sửu	☷

Tham lang Thiên la, Tấu thư Tuế phá, Hư <b>Dzi</b> Dưỡng	Nhâm Tuất 4-6 giờ Dậu <b>DƯƠNG NAM THỦY MỆNH</b> <b>KIM CỤC</b>  Mùi Ngọ		phù, Trực phù Phục binh <b>Bào</b> Đế vượng
Thái âm, Khôi Tướng quân, Đào hoa, Thai phụ Nguyệt đức, An <b>Nô</b> Thai Quang, Tử phù Thượng 54			Vũ khúc, Thái tuế Hóa Ky, Đà la, Hỏa tinh Quan phủ <b>Mệnh</b> Suy Địa võng, Hoa cái Thiên quan Quý nhân 4
Tử vi Thiên Phủ Khoa, Hình, Long trì, Tam thai, Quyền, Quan phủ Thiên thọ <b>Quan</b> Tuyệt Đầu quân Tiểu hao 44	Thiên cơ Xương, Khúc Thiếu âm, Thanh long, Địa giải <b>Điền</b> Mộ 34	Phá quân, Phượng Các, Thiên giải Giải thân Kinh dương, Bát tọa Linh tinh <b>Phúc</b> Tử Tang môn Lực sĩ 24	Thái dương, Thiên quí, Phong cáo Thiên hỷ, thiếu dương, Thiên không <b>Phụ mẫu</b> Bệnh Lộc tồn Bác sĩ Kiếp sát, Lưu hà Cô thân 14

**Giải đoán lá số thứ 9**  
**Nhâm Tuất 4-6 giờ Dậu**  
**SỔ VOI XANH**

**MỆNH** : Tử, Phủ, Vũ, Tướng hội Khoa, Quyền Hình, Hổ, Tấu, Cái

**THÂN** : Sát Phá Tham Liêm, hội Thai Tọa Kinh Đà Khốc Mã. Quan Phúc Quý nhân Long Phượng Khôi Đào.

Đáng số Thượng cách, văn võ toàn tài.

**PHÚ ĐOÁN** : Hình làm quan, Lộc cư đông

Quân binh dẫn chức Ấn Hồng quân vương

(Phú Ma Thị)

Quan lộc, Tử, Mã nhất ban

Mã, Long, Thiên Hỷ, hoa đàn Đào Hồng

**VẬY MÀ** : Tuần, Triệt, phá hoại tất cả:

Tử, Tướng, Hình, Quyền : gãy tất

Phá Quân ngộ Kinh, Tuần : nguyên soái bại trận

**THÊM** : Vũ, Phá, Ky : khôn ngoan xảo trá. Vây anh chỉ làm nghề << cắt túi>> chuyên môn.

Nhưng không đến nỗi hình ngục ê chề; là vì : Phủ ngộ Khoa tinh chung thân vô tai.

Ky, Đà, Hỏa thủ Mệnh : nghiện thuốc phiện

**NĂM HỘI** (1946) đại phát đạt, vì buôn bán thuốc phiện

Hồng, Lộc, Tả, Hữu, Xương, Khúc.

NĂM TÝ (1948) Lương Lộc giao trung ngộ Cô, Quả, Đào và Thiên Không, Kiếp Sát (trắng tay)

Xem như vậy, Lương Lộc giao tranh, ngộ Cô, Quả, Đào Hoa và Thiên Không : tối độc, (khổ vì tiền)

### VỮ PHÁ CƯ TỊ HỢI; ĐĂNG TỬ VÔ LƯƠNG

(Hoàng Kim phú)

dấu chẳng ở Ty, Hợi; nhưng thêm Đà, Ky, Hỏa hãm vô lương nhỏ nhen.

### Thư ngỏ cùng các bạn đọc thân mến

Tôi hằng nhận được thư của nhiều bạn nhờ chấm số và yêu cầu viết thực << KỸ CÀNG >>, tôi cũng đã chiều ý giúp một số ít <<TẠM ĐOÁN>> và cũng một số nhiều, phải từ chối là những lẽ sau đây :

Chấm 1 lá số rất dễ

Viết 1 lá số rất khó, cần nhiều thời giờ, vì 1 đời là 36.000 ngày, tức là phải làm 36.000 con toán, Như vậy mấy gọi là << KỸ CÀNG >>

Không gì bằng : Mình tự đoán số cho mình : hoặc giả <<gần gụi>> ông thầy số mà hỏi nhờ luôn.

Hơn nữa tôi thiển nghĩ :

Trên đời, trước và sau, có 2 hạng người : giàu sang và nghèo hèn.

Đang << giàu sang >> ít <<dám>> nghĩ tới chuyện <<TAN VỠ>>

Đang << nghèo hèn >> chỉ <<thích>> nghe và nghĩ đến những <<MỘNG ĐẸP MAI SAU>> làm phương tiêu khiển.

Nhưng với khoa số, số Tử Vi, chi huyền, chỉ vì, những ai thấu triệt được nó, thì gọi nó là <<Thiên thư>> là <<an bài>>. Và coi sự thăng trầm, đen đỏ, như áng mây nổi mà thôi.

Đã như vậy, ta chỉ nên << Ha Ha mà cười >> cho số phận; hoài công đâu << Hu Hu mà khóc >> nhân tình nhĩ.

Kính thư

QUÂN XUÂN THỊNH

### NĂM TUỔI

### ĐIỀU NÊN NHỚ

Người ta thường sợ năm tuổi; nhưng không ngại mấy nếu gặp nhiều sao tốt thời hoạnh đạt hơn những năm tốt khác.

Nhưng ĐẠI, TIỂU HẠN đi tới CUNG TUỔI nên để ý thời hơn, nếu gặp nhiều sao xấu, thời lăm chuyện lủng củng hơn những năm xấu khác.

Thí dụ : Tuổi Hợi, đại tiểu hạn đi tới CUNG HỢI

Tuổi Ngọ đại tiểu hạn đi tới CUNG NGỌ v.v...

(Vì CUNG TUỔI là << cung Sinh >> ra mình) .

\*\*\*HẾT QUYỂN HẠ\*\*\*